

Hồ Chí Minh, Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội (67-74), tầng Huỳnh Chiểu, Đường Chiểu, Quận Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh

HỌC VIỆN QUỐC GIA HÀNH CHÍNH

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

CHÁNH SÁCH NGOẠI GIAO VIỆT NAM CỘNG HÒA

THƯ VIỆN QUỐC-GIA
VIỆT NAM
Số 0121



S.V. TÔ-VĂN-THẮNG

ĐỐC SỰ MẠNH CHÁNH KHÓA XVII.
1969 - 1972

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP
SHC 121

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

CHÁNH SÁCH NGOẠI GIAO VIỆT NAM CỘNG HÒA

học viện quốc gia hành chánh
không tán thành cũng không
phản đối những ý kiến phát-
biểu trong luận văn. những
ý kiến đó do tác giả hoàn-
toàn chịu trách nhiệm.

THÀNH KÍNH TRÌ ƠN

GIAO SƯ NGUYỄN MẠNH HÙNG

TIẾN SĨ BANG GIAO QUỐC TẾ

Đã tận tình hướng dẫn chúng tôi
hoãn thành Luận văn tốt nghiệp này.-

CHÂN THÀNH CẢM ƠN

- * Giáo sư Viện Trưởng Học Viện Quốc Gia Hành Chánh
- * Giáo sư Phó Viện Trưởng Học Viện Quốc Gia
Hành Chánh
- * Quý vị Giáo sư trong Ban Giảng Huấn

Đã hết lòng điu dắt chúng tôi trong suốt
học trình 1969 - 1972

CHÂN THÀNH CẢM ƠN

* Anh TRẦN VĂN THÁI

Chánh sử vụ số Văn Khố
và Thư Viện Bộ Ngoại Giao

* Các giới chức khác thuộc
Bộ Ngoại Giao.

Đã sẵn lòng yểm trợ tài liệu
cho chúng tôi

* Kính dâng lên BA tôi,

Người Cha duy nhất trong đời tôi
đã hy sinh quãng đời còn lại
cho các con.

* Gửi về ANH, CHỊ, EM và các CHÁU

một mối chân tình nhưt đời tôi.

M U C L U C

	Trang
CHƯƠNG DẪN NHẬP.-	1
PHẦN THỨ NHẤT.- CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO TỔNG QUÁT	6
Chương I.- Chánh sách ngoại giao	10
1)- Những nguyên tắc căn bản của chính sách	11
2)- Những mục tiêu của chánh sách	15
3)- Những đường lối thực hiện	18
Chương II.- Chính sách VNCH về một giải pháp hòa bình	22
1)- Lập trường hòa bình của VNCH và các phe liên hệ	23
2)- Lập trường VNCH đối với các giải pháp Trung Lập & Liên Hiệp	33
PHẦN THỨ HAI.- VIỆT NAM CỘNG HÒA TRONG BANG GIAO QUỐC TẾ	37
Chương I.- Các chánh sách ngoại giao đặc biệt	40
1)- Chánh sách VNCH đối với các quốc gia Á Châu và Thái Bình Dương	40
2)- Chánh sách VNCH đối với Mỹ Châu	46
3)- Chánh sách VNCH đối với Âu Châu	51
4)- Chánh sách VNCH đối với Phi Châu	55
Chương II.- Việt Nam Cộng Hòa và các tổ chức quốc tế	58
1)- Việt Nam Cộng Hòa và các tổ chức địa phương Á Châu	59
2)- VNCH và các tổ chức quốc tế khác	66

PHẦN THỨ BA.- VÀI NHẬN XÉT VỀ CHÁNH SÁCH, THỦ QUAN	
NIỆM LẠI CHÁNH SÁCH TRONG TƯƠNG LAI	70
Chương I.- Nhận xét và đề nghị	71
Chương II.- Thủ quan niệm lại chánh sách ngoại giao trong tương lai	80
1)- Thê cổ chính trị trong thập niên 65 - 75	81
2)- Thủ quan niệm lại chánh sách ngoại giao trong tương lai	87
TỔNG KẾT.-	95
THỦ TỊCH.-	99

dẫn nhập

VỚI MỘT ĐỀ TÀI "CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO VIỆT NAM

"CÔNG HÒA" thiết tưởng theo thiên ý của tác giả đã là một đề tài phổ quát và rộng rãi. Vậy thế nào là ngoại-giao CSNG khác với ngoại giao như thế nào và tầm quan trọng của chính sách ngoại giao ra làm sao? Để trả lời ba câu hỏi xin quý vị hãy nghe tác giả kể một câu chuyện ngày xưa.

"Ngày xưa, có một ngoại kiều lạc lõng trong triều đình tráng lệ và huy hoàng của Trung Quốc. Con người nhỏ bé rụt rè do từ một tiểu quốc miền Nam xa xôi tới. Trước một triều đình cảnh trí uy nghi và long lẫy. Chợt thấy vữa tầm tay một con chim đậu trên cành, ông vội văng chộp bắt và chẳng may bị té ngã. Vì đó chỉ là một bức họa. Các vị quan lại triều thần có mặt đều phá lên cười. Ông than nhiên xé nát bức tranh và nói rằng "Thật là đại đột, chim sẽ là tiểu nhân, vị tất đậu cành trúc thì cho người quân tử. Tôi đã huỷ diệt quý quốc mẫm loạn vậy". Sau câu nói đó, ông đã làm cho triều thần Trung Quốc khiếp phục tại đối đáp của một sứ thần một tiểu quốc".

Chắc quý vị đã biết ông ta là ai rồi, đó là ông Mạc đình Chi và công thần đã đem lại vinh quang về cho Việt Nam ta khi ông hưởng dẫn sứ bộ qua Tàu để dự tang một vị công chúa. Thì ra ngày xưa Việt Nam ta đã đụng đến phùng-thức ngoại giao rồi. Nhớ lại thuở vua Trần Nhân Tông sau khi đánh bại Hồ Tát Liệt (1238), Lê Lợi hạ quân Thanh trong trận lừng danh Đông Đa (1789) đến cử sứ giả của mình sang Trung quốc với mục đích hòa giải. Thế là chẳng có ký kết đầu hàng gì, mà chỉ cần trao đổi ngoại giao để chấm - dứt một giai đoạn chiến tranh. Như vậy cũng đủ biết ngoại giao

là một lối khi không kém phần quan trọng trong quyết định vận mạng của một quốc gia. Vậy ngoại giao là gì? "Ngoại giao là một nghệ thuật sáng tạo và giữ gìn sự bình - tĩnh của trật tự quốc tế". Đó là lối của Đức Giáo Hoàng Phaolô đệ VI khi còn là Quốc Vụ Khanh Jean Baptiste Montini tuyên bố ngày 25.4.1951 nhân dịp kỷ niệm 250 năm thành lập viện Hàn Lâm Ngoại giao của Tòa Thánh Vatican. Quả thật Ngoại giao không phải chỉ tìm sự yên ổn và thắng lợi cho xứ sở mình, ngoại giao còn là gây hoà thuận giữa các quốc gia nữa. Sir Ernest Satow gọi ngoại giao là "Sự áp dụng trí thông minh và tính bất thiệp vào việc thi hành mỗi bang giao chính thức giữa các quốc gia độc lập" (1). Tuy vậy một Bà tước Ba Tây De Rio-Branco quan niệm thiếu sót rằng "Ngoại giao không phụng sự một chế độ mà phụng - sự xứ sở mình". Tuy để biện minh cho thái độ của ông từ nên quân chủ sang cộng tác với nên dân chủ, sau khi vua Don Pedro II thoái vị 1889 những lời nói của nhà quý tộc Ba Tây đã đưa ra một quan niệm hẹp hòi. Bởi vì ngoại giao không chỉ phụng sự cho quê hương mình trước tiên mà còn phải phụng sự cho cộng đồng nhân loại nữa.

Ông Henry Kissinger có văn đặc biệt về an ninh quốc gia của Tổng Thống Nixon đã nói "Lần đầu tiên chánh sách ngoại giao trở nên một chánh sách hoãn cầu. Trong quá khứ mỗi lúc địa điều hành chánh sách của mình một cách biệt lập". Quả thật như vậy, ngày nay một chánh sách ngoại giao phải hoạch định một công thức không riêng gì cho quốc gia mình mà cho cả thế giới nữa. Mỗi quốc gia bất luận nhỏ hay lớn thế nào cũng đều ảnh hưởng đến quốc tế. Tin tức từ - tưởng được truyền bá tức khắc. Cái gì trước kia người ta quen coi như là nội bộ của một nước thì nay có thể ảnh hưởng trên thế giới.

(1) Nguyễn mạnh Hùng, "Ngoại giao hiện đại". Tập san Quốc Phòng số 6, 1970, tr. 102.

Như vậy để có thể xác định rõ ràng hơn, chúng tôi hoàn toàn tán đồng quan điểm của tác giả Leon Noel trong tác phẩm "Politique et Diplomatie" theo đó, "Chính sách đối ngoại là một nghệ thuật chỉ đạo những quan hệ của một quốc gia với những quốc gia khác qua nhiệm vụ đặt để những nguyên tắc căn bản, những mục tiêu chính và những đường-hướng lớn. Công ngoại giao là một nghệ thuật để thực hiện những giả mã chính sách đối ngoại đã vạch ra với nhiệm-vụ áp dụng tất cả những phương thức và thủ đoạn cần thiết cũng như hết sức nhẫn nại và liên tục để tranh luận điều - đình làm sao đánh được thắng lợi cho quốc gia, cho chính sách theo đuổi" (1). Cho nên nói đến ngoại giao là phải nói đến chính lược, và nếu chính sách ngoại giao thường ít khi thay đổi thì trái lại ngoại giao rất quyền biến vô cùng.

Như vậy tầm quan trọng của chính sách ngoại giao ra làm sao? Chúng tôi thử đan cử vài điểm quan trọng:

- Trước tiên, chính sách ngoại giao để phần định được vị thế của quốc gia trên bản đồ chính trị quốc tế. nhờ vị thế này quốc gia sẽ có một ưu thế để tự do họ hoạch định những đường lối chung hầu chen chân trên thế giới.
- Thứ hai, chính sách ngoại giao còn có tầm quan trọng là nhờ vào đó, các quốc gia khác có thể nhận chân ra nét đặc thù của quốc gia họ mà có một đường lối đối-phó hoặc vây cánh.
- Thứ ba, nếu một chính sách ngoại giao khôn khéo sẽ đem lại cho quốc gia họ những sự ủng hộ nồng nhiệt và giúp đỡ của các quốc gia bạn về mọi phương diện hầu phát triển về mọi mặt.

(1) Trần hoành Sơn, Chính sách ngoại giao Việt Nam Cộng Hòa: Thuyết trình CH₆, tr. 5.

- Thủ tử, nhờ vào chính sách ngoại giao, Q.G. đó có thể sống còn trên thế giới, nhưng nguyên tắc, nhưng mục tiêu tổng quát hoạch định để từ đó các nhà lãnh đạo tìm cho mình một hướng đi thích hợp hoặc để có thể tách riêng mình một thế khác với quốc gia bạn hoặc sáp nhập vào một khối để lấy sức mạnh hậu thuẫn đầu với kẻ thù để có thể duy trì tiếng nói của mình trên diễn đàn quốc tế.

Tóm lại, một quốc gia phải có một chính sách ngoại giao để đứng trên một tư thế nào đó để ăn nói trước thế - giới, nhờ vào đó, các quốc gia bạn cũng như thù mới có thể tỏ thái độ đối với ta tùy theo đường hướng ngoại chính mà quốc gia đã vạch.

Riêng về Việt Nam Cộng Hòa trong những năm qua về đường lối ngoại chính đứng hẳn về một khối TỰ DO để chống Cộng, hậu quả của vi thế này đưa đến những sự tranh chấp quyền lợi giữa các siêu cường tại đây và đưa đến cuộc chiến tranh ý thức hệ. Để có thể khảo sát chính sách ngoại giao Việt Nam Cộng Hòa một cách rộng rãi hơn chúng tôi xin giới hạn đề tài này trong không gian là miền Nam Việt Nam và trong thời gian kể từ hiệp định Genève 1954 cho đến nay với ba phần riêng biệt :

Phần thứ nhất.- Chính sách ngoại giao tổng quát.

Phần thứ hai .- Việt Nam Cộng Hòa trong bang giao quốc tế.

Phần thứ ba .- Vai nhận xét và đề nghị về chính sách, Thứ quan niệm lại chính sách trong tương lai.-

PHẦN THỨ NHẤT

chính sách ngoại giao tổng quát

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Sau khi đã xác định đề tài và định nghĩa chính sách Ngoại Giao trong phần dẫn nhập, chúng tôi xin được trình bày về bối cảnh lịch sử để làm nền tảng cho chính sách đối ngoại Việt Nam Cộng Hoà.

Như chúng ta đã biết sau khi Hiệp Định Genève 54 được ký kết, miền Nam do chính phủ của Cựu Hoàng Bảo Đại lãnh đạo và ông Ngô đình Diệm làm Thủ Tướng. Ngày 20.10.1955 qua cuộc trưng cầu dân ý. Bảo Đại bị truất phế và Ông Ngô đình Diệm được tôn làm Quốc Trưởng. Do Hiến ước tạm thời số 1 ngày 26.10.1955 chế độ quân chủ được bãi bỏ, nên Cộng Hoà được thiết lập và Quốc Trưởng được tôn làm Tổng Thống. Quốc hội Lập hiến ra đời ngày 4.3.1955 và Hiến Pháp I Cộng Hoà ban hành ngày 26.10.1956 dưới sự lãnh đạo của Tổng Thống Ngô đình Diệm. Ngày 1.11.1963 Tổng Thống Ngô đình Diệm bị lật đổ, các chính biến liên tiếp xảy ra nhưng nền Cộng Hoà vẫn được duy trì. Thế theo nguyện vọng của toàn dân, Quốc Hội Lập Hiến được ban ra vào tháng 9 năm 1966. Hiến pháp II Cộng Hoà ban hành ngày 1.4.1967. Tháng 10/1968 Quốc Hội Lập Pháp khai sinh. Tính cách liên tục về pháp lý của các chính phủ nắm giữ chủ quyền Quốc gia được coi như truyền tiếp từ thời Bảo Đại đến các Chính phủ miền Nam sau này. Trong Hiến pháp và trên phương diện pháp lý chính phủ miền Nam vẫn tự coi mình đại diện cho toàn dân suốt từ mũi Cà Mau đến Ái Nam Quan. Nhưng trên thực tế, chính phủ miền Nam quản trị một quốc gia từ Cà Mau đến Bến Hải.

Trong bối cảnh lịch sử đó, một sự kiện đặc biệt quan trọng đã xảy ra, có ảnh hưởng sâu rộng đến chính sách ngoại giao Việt Nam Cộng Hoà. Đó là cuộc chiến tranh khuynh đảo ở miền Nam do chính quyền miền Bắc phóng tay phát động.

Như chúng ta đã biết, sau khi nắm được Chính quyền ở miền Nam, chính phủ Ngô đình Diệm đã yêu cầu quân đội Pháp rút lui khỏi miền Nam và lực lượng này đã thực sự rời khỏi đây vào mùa đông năm 1956. Một điều khoản đặt ra trong bản Tuyên Ngôn cuối cùng (phụ bản Hiệp Định Genève 1954) mà Việt Nam Cộng Hoà đã không ký. Ngày 16.7.1955. Chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đã tuyên bố : "Chúng ta không ký Hiệp định Genève, bất cứ về phương diện nào, chúng ta không thể ràng buộc bởi bản Hiệp định đó". Từ năm 1956 Chính phủ miền Bắc đã chuẩn bị phát động chiến tranh giải phóng. Đến tháng 5/1960 trong kỳ họp đảng Lao Động kỳ 3 Lê Duẩn chính thức tuyên bố sứ mạng giải phóng miền Nam và tháng 12/1960 "Mặt trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam" được thành lập với Nguyễn Hữu Thọ làm chủ tịch.

Từ đó cuộc chiến tranh miền Nam ngày một gia tăng. Các cố vấn quân sự Mỹ được Tổng Thống Ngô đình Diệm mời đến trên 20.000 người và đặt tại các cấp tiểu đoàn. Ngày 8.2.1962 Bộ Tư Lệnh Quân Đội Hoa Kỳ được thiết lập tại Saigon và tháng 2/1962 Tổng Thống J.F. Kennedy đã ra lệnh quân nhân Hoa Kỳ có quyền nổ súng khi bị Việt Cộng tấn công. Từ đó nhất là sau 1963 quân đội Hoa Kỳ ngày càng gia tăng hoạt động. Ngày 5.8.1964 quân đội Việt Mỹ bắt đầu oanh tạc Bắc Việt và quân số Hoa kỳ gia tăng lên tới 500.000 người (1968) cùng một số lực lượng các quốc gia Á Châu thân hữu khác. Trong 1968 một khúc quanh mới bắt đầu mở ra cho chiến cuộc Việt Nam, đó là việc Tổng Thống Johnson ra lệnh ngưng oanh tạc một phần lãnh thổ Bắc Việt và yêu cầu Cộng Sản chấp nhận thương thuyết vào tháng 4/1968. Sau ba ngày yên lặng Cộng sản đã chấp nhận Hội đàm sơ bộ giữa Mỹ và Bắc Việt. Ngày 13.5.1968 hoà hội sơ bộ khai mạc tại Bê Lê. Vào cuối tháng 10.1968 Tổng Thống Johnson ra lệnh ngưng oanh tạc toàn bộ lãnh thổ Bắc Việt và yêu cầu hoà hội Bê Lê được mở rộng có sự tham dự của Việt Nam Cộng Hoà và cả "Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam". Sau một thời gian rắc rối về thủ tục, hoà hội đã mở rộng và khai mạc vào ngày 17.1.1969 trước nhiệm kỳ Johnson chấm dứt ba ngày (20.1.1969).

Hoà hội Ba lê tiếp tục cho đến nay vẫn còn nhiều dị biệt về lập trường giữa đôi bên, đồng thời chiến tranh vẫn còn tiếp diễn trên phần đất Việt Nam. Có điều chiến tranh Việt Nam từ một cuộc nội chiến được đưa đến một cuộc chiến tranh ý thức hệ thuộc hai khối phân biệt. Do đó kích thước chiến tranh mở rộng biến thành quốc tế, một cuộc chiến toàn diện bao gồm nhiều lãnh vực, trong đó lãnh vực ngoại giao được xem là đặc biệt quan trọng.

Từ bối cảnh một cuộc chiến tranh toàn diện đó Việt Nam Cộng Hoà đã đề ra một chính sách ngoại giao theo mô thức nào, và đường lối thực hiện mô thức đó ra sao ? để giải quyết vấn đề chiến tranh, đặc biệt nhất là khát vọng hoà bình của toàn dân có được thỏa đáng trong các giải pháp đề nghị hợp hoá cho chiến cuộc đang tàn này không ? Chúng tôi xin trình bày hai chương sau đây :

Chương I.- Chính sách ngoại giao.

Chương II.- Chính sách VNCH về một giải pháp hòa bình



CHƯƠNG MỘT

CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO

Nhìn chung toàn bộ chính sách ngoại giao từ Hiệp-
Định Genève 54 cho đến nay, mỗi thời đều có một lối nhìn
khác nhau, một khuynh hướng khác nhau và lối đi khác nhau
đề thích ứng với tình hình, hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ
từ thời đệ I Cộng Hoà mô thức chính sách vẫn được đem dùng
vẫn là chống cộng. Tuy nhiên trong tình thế hiện tại vì
phải dàn xếp nội bộ tình hình miền Nam "q.p ẹp" sao những
năm kháng Pháp, rã rời bởi những lực lượng ly tâm (Bình-
xuyên, Hoà Hảo, Cao Đài v.v...). Để chống đối với tình
hình hiện tại Ngô đình Diệm đã phải nhờ vào thế lực của
Hoa Kỳ để dập tắt phiến loạn và tổ chức lại nội bộ miền Nam.
Thành thử trong cục bộ Ngô đình Diệm đã áp dụng chính sách
nhân vị, hậu thuẫn sau lưng bởi đảng Cần Lao. Do tình hình
nội bộ chưa vững, chính tình quốc tế lưỡng phân, ngoài ra
phía Bắc có Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà mạnh mẽ muốn thống-
nhất (theo khoảng 7 của Bản Tuyên Ngôn cuối cùng) phía Tây
có Kampuchea, Ai Lao có lập trường thiên công, do tình thế đó
Chính phủ thời đệ I Cộng Hoà áp dụng theo phương thức chống
Cộng mãnh liệt. Đến khi nền đệ II Cộng Hoà được khai sinh
lúc bấy giờ khối Quốc gia đệ tam ngày một đông đảo, theo
chính sách ngoại giao Phi liên kết. Với tình thế địa dư đặc
biệt của Việt Nam Cộng Hoà với sự thay đổi thế cờ chính trị
trong thập niên 1965 - 1975 trong đó sự thay đổi chính sách
ngoại giao của Hoa Kỳ cùng các cường quốc Cộng Sản (Trung -
Cộng và Nga) đã hướng đến đường lối ngoại giao của Chính phủ
miền Nam theo đó sự chống cộng có tính cách uyển chuyển hơn.

Thành thử trong phần thứ nhất này được trình bày những nguyên tắc chính yếu, những mục tiêu và đường lối lớn dựa vào chứng cứ, trình lịch sử của Việt Nam Cộng Hoà qua các thời đại, dựa vào các diễn văn quan trọng của các nhà Ngoại giao đương thời và lập trường được tuyên bố của Tổng thống Việt Nam Cộng Hoà. Sau đây chúng tôi xin trình bày ba đoạn chính :

Đoạn 1.- Những nguyên tắc căn bản của chánh sách.

Đoạn 2.- Những mục tiêu của chánh sách.

Đoạn 3.- Những đường lối thực hiện mục tiêu.

ĐOẠN MỘT.- NHỮNG NGUYÊN TẮC CĂN BẢN CỦA CHÁNH SÁCH.-

1.- Đứng trong hàng ngũ thế giới tự do và chống Cộng.-

Đây là nguyên tắc căn bản có tính cách chỉ đạo cho mọi chánh sách của Việt Nam Cộng Hoà. Nguyên tắc này đã xác định từ thời cựu Hoàng Bảo Đại và được áp dụng trong các chế độ nối tiếp. Ngoài ra nguyên tắc này được minh định trong các văn kiện pháp lý như : Tuyên ngôn ngày 5.6.1948, Hiến ước tạm thời số 1 ngày 26.10.1955, Hiến Pháp 1956, Hiến ước tạm thời số 1 ngày 4.11.1963 và số 2 ngày 7.2.1964, Hiến Chương 16.8.1964, Hiến Chương 20.10.64; ước Pháp tạm thời ngày 19.0.1965 và cuối cùng là Hiến Pháp 1967. Trong Thông điệp của Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu gửi cho anh em Nhân Dân Tự Vệ toàn quốc nhân ngày Nhân Dân Tự Vệ tháng 8/1971. Tổng Thống đã khẳng định lập trường chống cộng mệnh danh là "4 không" = không nhượng đất cho Cộng Sản, không liên hiệp với Cộng Sản, không Trung lập theo như Cộng Sản muốn và không cho phép chủ nghĩa Cộng Sản được tự do thực hiện tại miền Nam.

Như vậy chúng tôi chứng tỏ rằng Việt Nam Cộng Hoà đã đứng hẳn trong hàng ngũ thế giới tự do và chống lại Cộng Sản.

Cần đây trong cuộc họp thượng đỉnh của hai vị nguyên thủ Việt Mỹ tại Guam ngày 26.7.1969 để minh xác lập trường chống cộng "Hòa Kỳ sẽ bảo vệ nước thân hữu nào bị một cường quốc đe dọa xâm lăng bằng vô khí nguyên tử".

II.- Tranh thủ tính cách chính thống về pháp lý trước quốc tế.-

Theo điều 1 Thiên Thứ I nói về những điều khoản căn bản của Hiến Pháp 1956 và 1967 có định : "Việt Nam là một nước Cộng Hoà, độc lập, thống nhất, lãnh thổ bất khả phân". Như vậy theo tinh thần điều này Việt Nam Cộng Hoà là một Quốc gia với lãnh thổ bất khả phân với ý nghĩa Chính quyền miền Nam đại diện cho toàn thể Quốc Gia Việt Nam.

Di từ quan niệm đó, Bộ ngoại giao Việt Nam Cộng - Hoà qua các thời đại luôn luôn tìm cách chứng minh với quốc tế Chính phủ miền Nam là đại diện chính thống cho chủ quyền Quốc Gia Việt Nam và yêu cầu các quốc gia khác thừa nhận. Sự độc quyền chính thống này trùng hợp với chủ thuyết Hallstein, có nghĩa là Quốc gia nào đã liên lạc với Việt - Nam Cộng Hoà thì không được liên lạc với Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà.

Dưới thời đệ I Cộng Hoà, chủ thuyết độc quyền chính thống đã luôn luôn được áp dụng một cách cứng rắn. Vì vậy khi chính phủ Ai Lao thiết lập bang giao với Bắc Việt ngày 5.7.1962. Tổng Thống Ngô đình Diệm đã cho đóng cửa Toà Đại sứ Việt Nam Cộng Hoà tại Ai Lao và rút sứ thần về nước. Sau cách mạng 1963 chủ trương chính thống đã được áp dụng mềm dẻo, vì cần chú trọng đến quyền lợi của Việt kiều nhất là quyền lợi của chính Việt Nam Cộng Hoà nên chủ trương cần phải tranh đấu ngoại giao đối với Cộng sản ở hai ngoại. Cũng vì vậy tháng 7/1965 Việt Nam Cộng Hoà đã nối lại bang giao với Ai Lao, mặc dầu ở đây vẫn còn toà Đại sứ Bắc Việt.

Đến thời đệ II Cộng Hoà quyền Chính thống tuy vẫn còn được xem là quan trọng nhưng cũng không còn tính cố h cứng rắn như trước nữa. Ngày 20.8.1968 Ngoại Trưởng Trần-Chánh Thành trong bài diễn văn đọc tại Hội Việt Nam Phát-Triển Bang Giao Quốc Tế cũng đã khẳng định "Tuy chính thống là yếu tố quan trọng cho sự ổn định chính quyền và trật tự xã hội, nhưng cả Nam lẫn Bắc đều có thể tự coi mình là chính thống". Theo như trên quan niệm ngoại trưởng cho rằng chính thống chỉ là nhu cầu giải quyết trật tự xã hội quốc nội mà thôi, còn đối với quốc tế thì "thả hồ".

Từ đó nền ngoại giao Việt Nam Cộng Hoà đã trở nên mềm dẻo hơn sẵn sàng tranh thủ liên hệ ngoại giao với bất cứ quốc gia nào không Cộng sản để công nhận Bắc Việt. Riêng đối với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, Việt Nam Cộng Hoà luôn luôn phủ nhận tư cách pháp lý của tổ chức này, dù rằng tháng 2/1969 Chánh phủ Việt Nam Cộng Hoà đã coi tổ chức này là một "thực tế" hơn là một "thực thể" và có thể xem như một chính đảng nếu họ chịu từ bỏ vũ khí mà bạo lực chấp - nhận Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hoà và hoạt động bình thường như một đảng phái khác.

III.- Thêm bạn bớt thù.-

Đây là nguyên tắc căn bản được đề ra qua bài thuyết trình về chính sách ngoại giao Việt Nam Cộng hoà của Ngoại trưởng Trần văn Lãm tại trường Cao Đẳng Quốc Phòng ngày 3.3.1970 cùng với sự áp dụng mềm dẻo chủ thuyết Hallstein. Nguyên tắc thêm bạn bớt thù nhằm mở rộng bang giao và tranh thủ sự ủng hộ tinh thần và vật chất của tất cả những quốc gia bạn tự do và khối phi liên kết. Ông nhấn mạnh rằng : "Thêm bạn bớt thù để làm thế nào cho các quốc gia, các dân tộc đang bị lường gạt của Cộng sản hiểu lầm chúng ta, có thể nhận chân được chính nghĩa cuộc chiến đấu của chúng ta để có thể thu hút họ, lôi kéo họ đứng vào hàng ngũ, trở thành người bạn của quốc gia đồng minh".

Nhờ áp dụng nguyên tắc này trong những năm qua Việt Nam Cộng Hoà đã được các quốc gia về phía Bắc Âu, Nam Mỹ, Trung Mỹ ủng hộ nhất là các quốc gia hội viên trong các hội nghị quốc tế (ASEAN, SEATO, ASPAC) đã đứng ra mời Việt Nam Cộng Hoà tham dự với tư cách quan sát viên. Nhờ vậy tiếng nói của Việt Nam Cộng Hoà đã được dư luận quốc tế chú ý, và chính nghĩa trong cuộc chiến tranh này nhờ vận động ngoại giao trong những năm qua có phần chủ động.

IV.- Bảo vệ quốc quyền và đề cao quốc thể.-

Trong cuộc chiến tranh ý thức hệ này một sự kiện thật tế mà ai cũng phải công nhận rằng Việt Nam Cộng Hoà chống Cộng nhưng dựa vào thế lực của Đồng Minh. Thành thử trong những năm qua phía Đồng Minh sao tránh khỏi những lỗi lầm sơ xuất trong cuộc chiến (vụ tạt sát Làng Mỹ Lai). Hơn nữa sự hiện diện của Hoa Kỳ ở bất cứ cấp nào của hệ thống chính quyền ngày một lộ liễu, ngay cả ở những vấn đề nội bộ Nam Việt Nam. Thành thử để cho thế giới nhận chân sự thật của cuộc chiến tranh này có chính nghĩa. Ngoại Trưởng Trần văn Lãm đã tuyên bố ngày 3.3.70 "nhằm đối phó với chính các Đồng Minh ở bên trong hàng ngũ về những sự thiếu tế nhị, không khéo léo, có những lời nói hay hành động chủ nhân ông hoặc những hành vi tác phong làm mất lòng dân mà đối phương luôn luôn chực chờ khai thác". Nhằm bảo vệ nguyên tắc này Việt-Nam Cộng Hoà có bổn phận vạch rõ cho họ thấy những lỗi lầm của họ, làm cho họ hiểu rằng chính chúng ta mới thực sự đại diện cho dân tộc Việt Nam và chỉ có chúng ta mới thực sự có quyền tối thượng và tối hậu trong mọi quyết định liên quan đến sự sống còn của Việt Nam Cộng Hoà.

ĐOẠN HAI.- NHỮNG MỤC TIÊU CỦA CHÍNH SÁCH.-

Bởi những nguyên tắc trên chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đã đề ra những mục tiêu nhắm đến như tranh thủ hoà bình, củng cố chủ quyền Quốc Gia và bảo toàn lãnh thổ, ngăn chặn và ngăn ngừa sự bành trướng ảnh hưởng của Cộng-San Bắc Việt và các lực lượng phụ thuộc và bảo đảm an ninh thời hậu chiến.

1.- Tranh thủ hoà bình.-

Kể từ khi Cộng Sản xâm lăng Việt Nam Cộng Hoà trên trường ngoại giao luôn luôn chúng ta miền Nam theo đuổi một chính sách hoà bình, chiến tranh chỉ là tự vệ và kêu gọi các quốc gia trên thế giới hỗ trợ chống xâm lăng.

Năm 1962 chính phủ Ngô đình Diệm đã gửi tuyên cáo đi các nước tố cáo sự xâm lăng của Cộng sản sau khi Ủy Hội quốc tế kiểm soát đình chiến tại Việt Nam xác nhận.

Ngày 16.2.1965 Hải quân Việt Nam Cộng Hoà bắn chìm tại Vũng Rô tỉnh Phú Yên một chiếc tàu chở vũ khí từ Bắc vào Nam.

Ngày 1.7.1968 Thủ Tướng Kossiguin tuyên bố : "... nhân dân Liên Xô rất quan tâm theo dõi cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam (Bắc Việt) và Liên Xô sẽ tiếp tục tăng-cường sự ủng hộ, giúp đỡ nhân dân Việt Nam về mọi mặt..." Như vậy chúng ta rằng Cộng sản đã trắng trợn ra mặt với ý đồ xâm lăng miền Nam Việt Nam.

Sau đó, từ văn thư gửi tổng thư ký Liên Hiệp Quốc U Thant ngày 17.9.1968 và bài diễn văn đọc tại Hội Việt - Nam phát triển bang giao quốc tế ngày 29.10.1969 của

Ngoại Trưởng Trần Chánh Thành cho đến lập trường của Tổng Thống Thiệu thiên về tranh thủ hoà bình : "... chính quyền Việt Nam Cộng Hoà luôn luôn cố gắng đề cao tinh thần hiếu hoà của miền Nam và tổ cáo chủ trương hiếu chiến của Cộng sản", và trong thông điệp của Tổng Thống gửi Anh chị em Nhân dân Tự Vệ ngày 5.8.71. Tổng Thống Việt Nam Cộng Hoà đã khẳng định sở dĩ miền Nam phải chiến đấu "... cũng chỉ vì hoà bình, chỉ cho hoà bình và để sớm tiến đến hoà bình..." Cũng vì lẽ đó nhân dân miền Nam Việt Nam muốn tức khắc chấm dứt chiến tranh bằng đường lối thương thuyết. Tổng Thống Thiệu : "... Tôi lại còn quyết tâm giải quyết chiến tranh đem lại một nền hoà bình trong tự do, no ấm cho toàn dân và bảo toàn miền Nam này không mất vào tay Cộng Sản dù dưới bất cứ hình thức nào..."

II.- *Củng cố chủ quyền quốc gia và bảo toàn lãnh thổ.*

Mục tiêu này do ngoại trưởng Trần văn Lãm nêu lên trong bài diễn văn ngày 3.3.1970 được coi là mục tiêu số 1. Theo Ngoại Trưởng Việt Nam Cộng Hoà phải tranh thủ chủ quyền, quyết định lấy vận mạng của mình trước những hành vi hoặc lời nói xâm phạm tới chủ quyền Việt Nam Cộng Hoà của những người bạn Đồng Minh. Song song với việc củng cố chủ quyền quốc gia là sự bảo toàn lãnh thổ. Theo đó một cuộc hợp tác giai đoạn với Đồng Minh chẳng những không thể thâu hẹp một phần đất nào trong lãnh thổ Việt Nam cộng hoà mà hơn thế nữa sự phân chia vĩ tuyến 17 chỉ được coi là tạm thời và không phải vì vậy mà Việt Nam Cộng Hoà từ bỏ chủ quyền chính thống Việt Nam Cộng Hoà từ Sài Nam Quan đến mũi Cà Mau.

Mục tiêu "củng cố chủ quyền quốc gia và bảo toàn lãnh thổ được đề ra nhằm tranh thủ các quốc gia bạn để ủng hộ chính nghĩa của Việt Nam Cộng Hoà. Cũng vì vậy mà Việt Nam Cộng Hoà cần phải nỗ lực xây dựng chính thể dân chủ cũng như cố gắng tự lực tự cường để ngày càng giảm bớt

sự ỷ lại vào Đồng Minh hầu có thể thoát vòng ép lực của ngoại bang và đồng thời nuôi dưỡng tinh thần độc lập và phát triển.

THƯ VIỆN QUỐC-GIA

III.- chặn đứng và ngăn ngừa sự bành trướng ảnh hưởng của Cộng sản Bắc Việt và các lực lượng phụ thuộc.-

Do ở tình trạng nội bộ Việt Nam Cộng Hoà còn nhiều khiếm khuyết như chia rẽ, bất công, tham nhũng, ỷ lại vào người ngoài cũng như do ở chỗ nền ngoại giao của Việt Nam Cộng Hoà còn thiếu tích cực cho nên Cộng sản Bắc Việt đã lợi dụng mở rộng ảnh hưởng của họ trên trường quốc tế. Cũng vì vậy mà một trong những mục tiêu của chính sách đối ngoại là nỗ lực chặn đứng và ngăn ngừa sự bành trướng ảnh hưởng của Cộng sản Bắc Việt và các lực lượng phụ thuộc trên trường quốc tế, điển hình là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, bằng cách đặt nặng công tác phản tuyên truyền Cộng Sản Bắc Việt cũng như đẩy mạnh việc chống chủ nghĩa Cộng Sản quốc tế dơ dàu cho hành vi xâm lăng Cộng Sản Bắc Việt.

IV.- Bảo đảm an ninh thời hậu chiến.-

Ngoại trưởng Trần Chánh Thành trong bài phỏng vấn ngày 19.9.1968 và ngoại trưởng Trần Văn Lắm trong bài diễn văn đọc tại trường cao đẳng Quốc phòng tháng 3/1970 đều chủ trương Việt Nam Cộng Hoà sẽ tranh thủ để có một bảo đảm an ninh chắc chắn cho thời hậu chiến bằng cách tăng cường hiệu lực của cơ quan kiểm soát đình chiến sau này với thành phần hợp lý hơn (đại diện của Trung Lập hiện nay là Ấn Độ thì lại thiên tả) một phương pháp và thủ tục làm việc hiệu quả hơn và quyền hạn rộng rãi hơn. Nếu cần phải võ trang bằng một lực lượng mạnh và có thực quyền để hỗ trợ. Cũng nhằm bảo đảm thời hậu chiến cho Việt Nam Cộng Hoà Ngoại - Trưởng Trần Văn Lắm còn chủ trương cần dành quyền tự vệ chính đáng riêng của Việt Nam Cộng Hoà trong khuôn khổ tự vệ chung của Đông Nam Á.

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP

LNHC 121

Theo ngoại trưởng Lâm, trong quá khứ Việt Nam Cộng Hoà đã bị Hiệp định Genève 54 trói tay không thể tham gia các tổ chức phòng thủ và đã phải kêu gọi đến sự giúp - đỡ của các quốc gia bạn trước làn sóng xâm lăng của Cộng sản. Vì vậy theo ngoại trưởng Lâm Việt Nam Cộng Hoà trong tương lai cần đòi hỏi, theo đó "Việt Nam Cộng Hoà dành lấy quyền hiện đại hoá quân đội mà Hiệp định Genève 54 đã từ chối và quyền tham dự các liên minh quân sự phòng thủ địa phương khi cần vì quyền này đã được minh thị công nhận trong Hiến Chương Liên Hiệp Quốc nên không ai có thể tước đoạt của chúng ta được".

ĐOẠN BA.- NHỮNG ĐƯỜNG LỐI THỰC HIỆN MỤC TIÊU,-

I.- Mở rộng và củng cố sự hiện diện của Việt Nam Cộng Hoà trên thế giới.-

Theo đường lối này Việt Nam Cộng Hoà sẽ phát triển và kiện toàn các cơ sở ngoại giao hữu hiệu hiện tại ngoại quốc bằng cách tăng cường mọi mặt để có thể hoạt động hữu hiệu. Theo đó Việt Nam Cộng Hoà sẽ cố gắng thiết lập thêm các cơ sở mới, nhất là tại Đông Phi, Trung Mỹ, Trung Đông và Bắc Âu mà địa vị của họ mỗi ngày thêm quan trọng trên trường quốc tế.

Ngoài ra Việt Nam Cộng Hoà cũng sẽ cố gắng cải thiện bang giao với Kampuchea và Indonésia để gián đoạn trước đây, cũng như Việt Nam Cộng Hoà cần phải nói lại liên lạc cấp Đại sứ với Pháp vì một đồng số Việt Kiều tại Pháp quá đông cần phải được bảo vệ, một đồng là vai trò quan trọng của Pháp trên trường quốc tế. Tuy nhiên khác với đường lối hành động trước đây chỉ có liên lạc với chính - quyền địa phương mà ngoại giao hiện nay sẽ cố gắng liên lạc một cách mật thiết với mọi đoàn thể tư nhân (hiệp hội, sinh viên, xí nghiệp và các liên đoàn tư nhân, nghiệp đoàn, tôn

giáo v.v...) có ảnh hưởng quan trọng trong đời sống của quốc gia họ.

II.- Thiết lập những mối dây liên kết thân hữu
và tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế
trong vùng Á-Châu và Thái Bình Dương.-

Về phương diện chiến lược và chiến thuật Việt Nam cộng hoà giữ một vị trí then chốt trong vùng Đông Nam Á. Nên An ninh của ta được bảo đảm nếu sự an ninh chung cho toàn vùng Đông Nam Á không bị đe dọa. Cho nên chúng ta cần thắt chặt những mối dây liên kết các quốc gia lân cận, để thiết lập kế hoạch bảo vệ cho nhau trước nguy cơ xâm lăng của cộng sản. Việt Nam cộng hoà sẽ tiếp tục tham dự các tổ chức quốc tế để cùng các quốc gia thân hữu thực hiện một cộng đồng khu vực trong đó hoà bình, trật tự và tiến bộ được bảo đảm. Sự hợp tác địa phương sẽ được đặc biệt chú trọng hơn lúc nào hết. Trong những năm qua Việt Nam Cộng Hoà hoan nghênh và ủng hộ các tổ chức quốc tế như SEATO, ASEAN, ASPAC vì lập trường của tổ chức có lợi về phía Việt Nam Cộng Hoà.

III.- Cầu viện và khuyến khích đầu tư
để tái thiết và phát triển Quốc-gia.-

Từ nhiều năm qua Việt Nam Cộng Hoà đã được sự giúp đỡ tích cực của các quốc gia thân hữu, hiện nay cuộc chiến sắp tàn lụi, chúng ta cần kêu gọi thế giới tự do tích cực viện trợ về mặt kỹ thuật và trang bị máy móc. Mặc khác Việt Nam Cộng Hoà khuyến khích sự đầu tư của ngoại quốc để gây dựng một nền kỹ nghệ căn bản phù hợp với khả năng tiêu thụ, đồng thời giúp công việc làm cho thợ thuyền khỏi thất nghiệp trầm hình. Ngoài ra trong bài diễn văn đọc tại trường Cao Đẳng Quốc Phòng ngày 9.6.71 Ngoại Trưởng Trần Văn Lâm có nhấn -

manh : "Ngay từ bây giờ, vấn đề cầu viện đã trở thành cần thiết. Trong tương lai nó cũng sẽ giữ vai trò trọng đại ấy nếu ta muốn tranh thủ thời gian, sớm thoát khỏi tình trạng kém mở mang và theo kịp đà phát triển của các lân bang".

Tuy nhiên không phải bất cứ một viện trợ nào Việt Nam Cộng Hoà cũng nhắm mắt chấp nhận cả mà còn phải tùy vào hình thức viện trợ nữa. Ngoại Trưởng Lâm có nói : "Ngoại viện có thể thực hiện dưới hình thức tặng đỡ, tín dụng hoặc viện trợ kỹ thuật để hoàn tất chương trình kiến thiết, nhưng với điều kiện cốt yếu là quốc gia viện trợ không được dựa vào đó để ràng buộc ta bất cứ việc gì làm sức mẽ chủ quyền của quốc gia".

IV.- Viện trợ kỹ thuật cho các Quốc gia thân hữu Phi Châu.-

Việt Nam Cộng Hoà trù tính một chương trình viện trợ chuyên viên cho các quốc gia thân hữu Phi Châu mà đa số thuộc khối Hắc Phi, khối này có đa số thâm rất quan trọng tại Liên Hiệp Quốc. Công cuộc viện trợ này rất cần thiết cho các quốc gia khiếm khai nói trên. Sự viện trợ dù ít hay nhiều sẽ là một phương tiện hữu hiệu để gây cảm tình và bành trướng ảnh hưởng của Việt Nam Cộng Hoà tại Phi Châu, khả dĩ giúp chúng ta chiếm được ưu thế tại phần đất này so với Bắc Việt.

Ngoài những đường lối như trên các hoạt động của chính quyền còn phải bổ khuyết bằng những hoạt động của tư nhân địa phương và Việt Kiều. Trước đây các hoạt động chỉ tập trung ở các nhiệm sở Ngoại giao và chỉ tiếp xúc giới hạn trong các giới chính quyền nước bạn. Nhưng cho dù muốn đi sâu hơn nữa vào nhân dân địa phương, tính chất chính thức và công quyền (formal and official nature) của các nhân viên sứ quán vẫn là một trở ngại cho sự thông cảm

với nhân dân địa phương. Cũng vì lẽ đó Việt Nam Cộng Hoà sẽ cử nhiều phái đoàn và khuyến khích, tiếp đón, giúp đỡ và hướng dẫn các phái đoàn công tư ngoại quốc thăm viếng Việt Nam Cộng Hoà. Nhờ thế lập trường Việt Nam Cộng Hoà mới có thể lôi kéo sự ủng hộ của các quốc gia bạn được với hy vọng lập trường mình được phổ biến qua các đoàn thể công tư vì lẽ họ dễ được nhân dân địa phương tin tưởng hơn.



CHƯƠNG HAI

CHÍNH SÁCH V.N.C.H. VỀ

MỘT GIẢI PHÁP HÒA - BÌNH

Nhìn chung, ngoại trừ một thiểu số phiếm loạn, mọi người đều đồng ý rằng đa số dân chúng miền Nam cùng chung một mục tiêu : Bảo vệ Việt Nam Cộng Hoà không lọt vào tay Cộng Sản. Những biến chuyển của mấy năm qua, sự kiên trì trong cuộc chiến đấu, sự hy sinh của mọi giai tầng xã hội, đã chứng minh một cách hùng hồn sự quyết tâm đó. Tuy nhiên làm thế nào để tiến tới hoà bình và xây dựng dân chủ tại miền Nam ?

Để có một giải pháp hoà bình hợp lý trước nhất phải nắm vững những dữ kiện của vấn đề tình hình của ta và địch, ảnh hưởng và hướng đi của Đồng Minh ta và địch. Nếu thực sự chính phủ miền Nam đã kiểm soát và Bình định 98% dân chúng, nếu lực lượng chính qui địch đã tan rã không còn manh giáp thì làm gì phải mất công đi tìm giải pháp ? Trái lại, mối tương quan lực lượng giữa ta và địch không mấy khập khiêu, áp lực quân sự và chính trị vẫn còn nặng nề, khung hoang kinh tế ngày một dồn dập, lòng người ly tán, thì đừng hòng nhượng bộ đừng hòng tìm một giải pháp này giải pháp nọ. Địch vẫn nuôi hy vọng, nắm trọn quyền lãnh đạo tại miền Nam. Chúng tôi không quan niệm rằng miền Nam lẫn miền Bắc có thể đề ra giải pháp.

Sự can thiệp trực tiếp và quá nhiều của ngoại bang vào chính tình Việt Nam làm cho chủ quyền miền Nam ít

nhiều lệ thuộc. Điều đáng lo ngại cho tương lai là chúng ta phải chấp nhận một giải pháp ép buộc. Nói như thế có nghĩa là các cường quốc có thể hy sinh một vài quyền lợi mà họ cho là nhỏ nhen của nước nhược tiểu để đổi lấy thể diện và tái lập một nền hoà bình trong giai đoạn nào đó.

Với chiều hướng ấy chúng tôi xin trình bày trong Chương hai này tất cả những đề nghị mà Việt Nam Cộng Hoà đã đưa ra sau khi có sự đồng ý và tham khảo với đồng minh để có thể hoặc nói lên khát vọng hoà bình của nhân - dân miền Nam hoặc trả lời những giải pháp của phía miền Bắc để đề ra. Tuy nhiên trong những năm qua tất cả đề - nghị của miền Nam lẫn miền Bắc chưa có một đề nghị nào khả dĩ chấp nhận dứt khoát để tiến đến sự tái lập hoà bình, mà chúng ta còn chờ đợi mọi sự thỏa thuận chia phần giữa các siêu cường áp đặt lên miền Nam một giải pháp hoà bình tiền chế vậy.

ĐOẠN MỘT.- LẬP TRƯỜNG HOÀ BÌNH CỦA VIỆT NAM CỘNG HÒA VÀ CÁC PHE LIÊN HỆ.-

Kiểm điểm về các lập trường hoà bình của Việt Nam Cộng Hoà và các phe liên hệ tại Việt Nam từ 1965 đến nay, chúng ta nhận thấy rằng có tám đề nghị về phía Cộng Sản, trong khi đó về phía Đồng minh, Việt Nam Cộng Hoà số đề nghị lên đến 15 tức là gấp đôi số đề nghị của Cộng Sản. Chúng tôi sẽ mổ xẻ lập trường hoà bình của hai phe liên - hệ đến cuộc chiến Việt Nam trên căn bản là trọng điểm của các cuộc thảo luận.

I.- Giải pháp quân sự.-

Đây là những đề nghị đưa ra nhằm mục đích là giảm bớt cường độ chiến tranh, hầu đi đến việc đình chỉ chiến - sự. Với tinh thần ấy, trong các đề nghị đầu tiên tại buổi họp thứ nhất của hoà hội Ba Lê Hoa Kỳ đã luôn luôn đặt

vấn đề tái lập vùng phi quân sự, Việt Nam Cộng Hoà ngoài vấn đề ngăn chặn các cuộc xâm nhập bộ đội và vũ khí vào miền Nam Việt Nam. Phe Cộng sản đã lập tức bác bỏ các vấn đề ấy, viện lẽ Đồng Minh khi nêu lên các vấn đề cụ thể và "cục bộ" chỉ nhằm mục đích lẫn tránh những vấn đề "căn bản" khác.

1) - Vấn đề ngưng bắn :

Lúc khởi thủy vấn đề ngưng bắn không được đặt ra, qua lập trường bốn điểm của Hà Nội, 5 điểm của Mặt Trận Giải Phóng cũng như tám điểm của Tổng Thống Nixon. Hơn một năm sau, trong đề nghị tám điểm của Bà Nguyễn thị Bình đưa ra ngày 17.9.1970 gọi là tuyên bố nói rõ thêm một số điểm của giải pháp toàn bộ mười điểm (ngày 8.5.1969) vấn đề ngưng bắn chỉ được nói đến sau chót một cách tổng quát là "Sau khi thảo luận và ký kết các hiệp nghị nhằm chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam các bên thực hiện các thể thức sẽ qui định chung về thể thức ngưng bắn ở miền Nam Việt Nam (điểm 3). Phải đợi đến ngày 7.10.1970 Tổng Thống Nixon mới đề nghị một cách rõ ràng về vấn đề ngưng bắn. Tiếp theo đó, ngày 8.10.1970 Tổng Thống Nixon đã chấp thuận đề nghị ngưng bắn qua lập trường 5 điểm được tuyên bố tại Sài Gòn.

Trong điểm 1 : Ngưng bắn tại chỗ trên toàn cõi Đông Dương thảo luận, đặt một cơ chế hiện hữu để kiểm soát việc ngưng bắn và việc ngưng bắn phải bao gồm tất cả các hành động gây hấn trên toàn cõi Đông Dương. Lẽ dĩ nhiên phe Cộng Sản bác bỏ kế hoạch ngưng bắn này vì nó là hậu quả tước đoạt phương tiện chiến tranh của họ. Dù vậy, vì vấn đề ngưng bắn là vấn đề hợp lý được sự theo dõi của dư luận thế giới nên Cộng Sản đã nhận thấy cần phải đưa ra một đề nghị đặc biệt về vấn đề này tại phiên họp ngày 10.12.1970. Đây là lập trường ba điểm của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đề nghị hai cuộc ngưng bắn khác nhau. Một cuộc ngưng bắn thực hiện giữa các lực lượng Bắc Việt và Việt Cộng với các lực lượng quân đội Mỹ và Đồng Minh sau khi chính phủ Mỹ đã chấp

nhận một kỳ hạn rút quân trước ngày 30.6.1971. Một cuộc ngưng bắn khác thực hiện giữa các lực lượng Việt Cộng và quân đội Việt Nam Cộng Hoà, sau khi đã có sự thỏa thuận và ký kết thành lập một chính phủ liên hiệp lâm thời với ba thành phần.

Nói tóm lại, qua các lập trường vừa kể phe Cộng sản chỉ chấp nhận ngưng bắn sau khi, chứ không phải trước khi các yêu sách căn bản của họ đã được thỏa mãn, trong khi phía Việt Nam Cộng Hoà và đồng minh đề nghị một cuộc ngưng bắn vô điều kiện. Hai quan điểm trên còn quá cách biệt nên chưa có thể dự kiến được một sự thỏa thuận giữa đôi bên về vấn đề quan trọng này dù gần đây, sau vụ công khai vượt sông Bến Hải để tấn công vào Nam Việt Nam của Cộng Sản Bắc Việt, Tổng Thống Nixon qua bản tuyên bố ngày 8.5.1972 đã nhất quyết buộc phe Cộng Sản phải chấp nhận để đổi lấy việc Hoa Kỳ triệt thoái khỏi Việt Nam trong vòng 4 tháng và chấm dứt các hoạt động phong tỏa hải cảng và oanh tạc các mục tiêu quân sự, kỹ nghệ, các đường giao thông Bắc Việt.

2) - Vấn đề rút quân. -

Vấn đề rút quân cũng đánh dấu những mâu thuẫn khó san bằng giữa hai phe, bắt nguồn do lập trường đối chọi nhau về nguyên nhân cuộc chiến tranh hiện tại ở Việt Nam. Phe Cộng Sản cho rằng : "Mỹ là kẻ xâm lược nên nhân dân Việt Nam phải chiến đấu tự vệ để chống lại. Vì thế, họ đòi chính phủ Mỹ phải rút khỏi miền Nam Việt Nam tất cả quân đội, nhân viên quân sự và vũ khí vô điều kiện". Đòi hỏi này đã được lập đi lập lại từ năm 1965 đến nay.

Chính phủ Việt Nam Cộng Hoà và Đồng Minh ngược lại quan niệm rằng : Đây là cuộc xâm lăng vô trơ g do Cộng sản phát động với sự trợ giúp và nuôi dưỡng bởi Cộng Sản quốc tế. Việt Nam Cộng Hoà chỉ tự vệ chính đáng, do đó chiếu theo luật pháp quốc tế và Hiến chương liên hiệp quốc có

quyền kêu gọi các quốc gia Đồng minh giúp đỡ. Vì thế chính các lực lượng quân sự và phá hoại của Cộng sản Bắc Việt phải triệt thoái khỏi miền Nam Việt Nam trước hết, sau đó chính phủ Việt Nam Cộng Hoà sẽ thoả thuận với các nước Đồng minh về sự triệt thoái quân đội của họ ra khỏi miền Nam. Đó là ý nghĩa bản thông cáo chung tại hội nghị thượng đỉnh Manila năm 1966.

Tại hoà hội Belê, các lập trường nguyên thủy đã thay đổi phần nào. Phía đồng minh đã tỏ ra mềm dẻo trước. Ngay trong phiên họp khoáng đại thứ nhất phái đoàn Hoa Kỳ đã đề nghị tất cả các lực lượng ngoại nhập đều phải rút khỏi miền Nam Việt Nam. Phái đoàn Việt Nam Cộng Hoà sau một thời gian bênh vực công thức Manila cũng đã chấp nhận khái niệm triệt thoái song phương. Lập trường năm điểm ngày 8.10.1970 Việt Nam Cộng Hoà có đưa ra một thời khoá biểu được đối bên thoả thuận để triệt thoái toàn thể lực lượng ngoại nhập trong khuôn khổ giải pháp toàn bộ như trên (điểm 3). Ngoài ra, dự phòng trường hợp cuộc hội đàm không đưa đến một sự thoả thuận giữa hai bên về việc triệt thoái quân - đội ngoại nhập, Việt Nam Cộng Hoà và Đồng Minh đã đặt ra một kế hoạch thay thế lần lần quân đội Đồng Minh bằng quân đội Việt Nam Cộng Hoà (chủ thuyết Nixon).

Đối với Cộng Sản tuy vẫn còn lớn tiếng đòi hỏi quân đội Hoa Kỳ và Đồng Minh phải rút hết và rút mau vô điều kiện. Nhưng trên thực tế lập trường cứng rắn ấy cũng đã biến đổi. Từ sự đòi hỏi lập trường trên phải được thoả thuận tức khắc, Cộng Sản phần nào đã thay đổi thái độ khi đưa ra giải pháp toàn bộ 10 điểm ngày 8.5.1969. Trong điểm 3 của giải pháp trên còn úp mở: Vấn đề quân lực Việt Nam tại miền Nam Việt Nam phải được giải quyết giữa người Việt Nam với nhau. Tuy nhiên phe Cộng sản không bao giờ trả lời rõ ràng là điểm này có bao hàm vấn đề triệt thoái các lực lượng võ trang Bắc Việt ra khỏi Nam Việt Nam hay không? Tuyên bố tám điểm ngày 17.9.1970 và đề nghị 7 điểm ngày 1.7.1971 của Mặt Trận Giải Phóng cũng không mang lại thêm ánh sáng về vấn đề rút quân này. Trên thực tế Hoa Kỳ rút

quân vô điều kiện. Trước tháng 4.1972 Hoa Kỳ mỗi tháng rút 23.000 người, sau đó, mỗi tháng chỉ còn 10.000 quân Mỹ hồi hương (1). Người ta giải thích rằng mức độ rút quân ấy xuống thấp vì cần phải duy trì ít nhất một số quân (30.000) người để làm đòn bẩy tại hoà hội Ba Lê.

Sự kiện này đã gây bất lợi về phía Việt Nam Cộng-Hoa. Tiết lộ các cuộc mật đàm giữa cố vấn Kissinger và phái đoàn Bắc Việt tại Balê do Tổng Thống Nixon đưa ra ngày 26. 1.1972 cho thấy ngay từ tháng 5.1971 Mỹ đã đồng ý đặt một thời gian rút quân nhưng vẫn bị Cộng Sản bác bỏ. Điều này chứng tỏ rõ rệt Cộng Sản Bắc Việt không muốn thương thuyết nghiêm chỉnh.

3) - Vấn đề tù binh. -

Đây là vấn đề chính phủ Hoa Kỳ quan tâm nhiều nhất do áp lực của dân chúng Mỹ không muốn hy sinh thêm nữa sinh mạng của con cháu họ tại chiến trường Việt Nam. Tính đến ngày 1.4.1972, Bộ Quốc Phòng Mỹ cho biết có 489 quân nhân Mỹ bị cầm tù và 1.146 người Mỹ mất tích (2). Biết được nhược điểm này của Hoa Kỳ phe Cộng Sản đã lợi dụng triệt để bằng cách buộc vấn đề giải quyết tù binh vào sự giải quyết các vấn đề chính trị và quân sự, Ngay từ phiên họp khoáng đại đầu tiên của Hoà Hội Ba Lê, phái đoàn Hoa Kỳ đã đòi hỏi các tù binh đôi bên được phóng thích sớm và từ đó vấn đề này luôn luôn được đề cập hầu hết các phiên họp kế tiếp. Trong điểm 7 của kế hoạch 8 điểm ngày 14.5.1969 Tổng Thống Nixon dự liệu sẽ có những sự điều đình phóng thích mau lẹ tù binh giữa đôi bên. Điểm 4 của bản tuyên bố ngày 8.10.1970 (lập trường 5 điểm). Chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đề nghị phóng thích tức khắc, vô điều kiện tất cả các tù binh của hai bên trên căn bản hồ tương. Như vậy lập

(1) (2) Chính Luận, sau lời loan báo rút thêm 20.000 quân Mỹ, U.S. News and world Report, 8.5.72.

trường Việt Nam Cộng Hoà và vấn đề tù binh thật là sống tử. Trước hết vấn đề tù binh cần phải được giải quyết trên căn bản nhân đạo, thứ đến là vấn đề tù binh không tùy thuộc vào một giải pháp quân sự và chính trị và phải phóng thích trên căn bản có qua có lại. Trên thực tế chính phủ Việt - Nam Cộng Hoà đã đơn phương phóng thích sáu lần các tù binh Bắc Việt bị tàn phế hay mang trọng bệnh từ 1966 đến đầu 1971 (1).

Đối với phe Cộng Sản trong quan niệm ban đầu của họ thì các tù binh chỉ có thể được phóng thích sau khi chiến tranh chấm dứt. Điều 9 của giải pháp toàn bộ 10 điểm đặt các cuộc thương lượng về việc thả những quân nhân bị bắt trong chiến tranh "vào hàng sau cùng trong khuôn khổ giải quyết những hậu quả của chiến tranh". Tuy nhiên để đối phó với dự luận quốc tế quan niệm Cộng Sản không còn giữ nguyên lập trường cũ. Trên thực tế qua những chính phủ Trung lập và những tổ chức chủ hoà, Cộng Sản đã thi hành một số biện pháp xoa dịu dự luận (cung cấp danh sách tù binh, cho phép trao đổi thư từ và phóng thích một vài tù binh lẻ tẻ).

Qua tuyên bố 8 điểm ngày 17.9.1970 phe cộng sản cũng đã hứa hẹn là đôi bên sẽ thảo luận vấn đề tù binh ngay sau khi chính phủ Mỹ tuyên bố rút hết quân trước ngày 30.6.1971, vì nhận thấy rằng nếu người Mỹ chấp thuận lập trường 8 điểm sẽ đem đến Cộng Sản Bắc Việt hai ưu thế : thứ nhất về quân sự bởi khi quân đội Mỹ rút ra khỏi Đông Dương liền sau đó Cộng sản Bắc Việt có thể tấn công bất - chợt vào những khoảng trống. Thứ hai về chính trị Bắc Việt có thể lấy đó làm một sự chiến thắng đầu tiên để tuyên - truyền tại bàn hội nghị. Thành thử lời hứa hẹn còn đi xa

(1) Vấn đề tù binh, Ngoại Giao Kỷ Yếu số đặc biệt, tr. 46-48.

hơn nữa khi qua đề nghị 7 điểm ngày 1.7.1971 phe Cộng Sản nói rõ là nếu chính phủ Mỹ chịu rút quân trong năm 1971 đôi bên sẽ thỏa thuận cùng một lúc về hai vấn đề rút quân và thả tù binh và hai việc này sẽ được thực hiện trong cùng một thời gian. Tuy nhiên đề nghị 7 điểm này ngoài việc đòi hỏi các bên thỏa thuận về việc thả hết quân nhân, còn buộc thả các "thường dân" bị bắt trong chiến tranh nữa.

Thật ra việc qui định ngày triệt thoái của Hoa Kỳ cũng chưa đủ để Bắc Việt thả tù binh Mỹ, vì như đề cập trong đoạn nói về vấn đề rút quân, ngày tháng 5/71 Mỹ đã đồng ý một thời hạn rút quân để đổi lấy việc tù binh Mỹ hồi hương, nhưng vẫn bị Cộng Sản từ chối đáp ứng. Đại diện Mặt Trận Giải Phóng đầu năm 1972 cũng đã tuyên bố : Không những Mỹ định rõ ngày triệt thoái, Mỹ còn phải chấm dứt cả sự ủng hộ Việt Nam Cộng Hoà nữa. Điều này là một sự vô lý khiến cho Mỹ đã có những hành động đơn phương đột kích Sơn Tây vào tháng 11.1970 và gần đây việc phong tỏa các hải - cảng, oanh tạc miền Bắc trở lại.

11.- Các giải pháp chính trị.-

Nếu các vấn đề quân sự nhằm tiết giảm cường - độ xung đột các phe đã không đồng ý với nhau, thì đối với các vấn đề chính trị như tìm cách giải quyết chính trị nội bộ miền Nam hay xa hơn nữa vấn đề thống nhất lãnh thổ trong tương lai chắc chắn hai phe gặp phải bế tắc.

1)- Vấn đề tìm một giải pháp chính trị cho miền Nam.-

Đối với phe Cộng Sản thì họ luôn luôn chối bỏ tính cách hợp hiến, hợp pháp của chế độ Saigon nếu vấn đề giải pháp chính trị cho miền Nam chỉ có nghĩa là phải thay đổi chế độ, thay đổi chính quyền Saigon. Ngược lại phía Việt Nam Cộng Hoà và Đồng Minh cho rằng tính cách hợp pháp hợp hiến ấy không thể phủ nhận được nên vấn đề giải pháp chính-

trị cho miền Nam chỉ là vấn đề thu nhận một tập thể đối nghịch vào sinh hoạt đã có của cộng đồng quốc gia.

Về phía Cộng sản họ đòi hỏi một giải pháp ép đặt tại miền Nam Việt Nam phải theo một lịch trình chính trị qua ba giai đoạn :

- Trước tiên chính phủ Việt Nam Cộng Hoà hiện thời phải thay thế bởi một chính phủ lâm thời, lúc đầu cộng sản gọi "Nội các văn hòa bình". Sau đó gọi là một chính quyền không có Thiệu, Kỳ, Khiêm (tuyên bố 8 điểm ngày 17.9.1970) và cuối cùng là một chính quyền mới tán thành hoà bình, độc lập, Trung lập và dân chủ". (Tuyên bố 7 điểm ngày 1.7.1971). Danh xưng tuy có khác nhưng nội dung vẫn là một.
- Giai đoạn thứ hai là chính phủ hoà hợp dân tộc gồm ba thành phần : Việt Cộng, những người thuộc các lực lượng, các xu hướng và tôn giáo, những người trong chính quyền Saigon.
- Giai đoạn chót là một chính phủ liên hiệp lâm thời, tổ chức các cuộc bầu cử để xây dựng một hiến pháp mới, một chính phủ Liên hiệp chính thức sẽ được thành hình.

Chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đã cực lực chống đối các đề nghị trên của Cộng Sản vì cho rằng một chính phủ Liên Hiệp theo kiểu Cộng Sản chỉ là bước đầu đi đến chỗ Cộng Sản hoá miền Nam như trường hợp ở Đông Âu (Hung, Tiệp) và ở Á Châu (Kampouchea, Ai Lao). Vì thế chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đã đề nghị một giải pháp chính trị căn cứ trên nguyên tắc quyền tự quyết của nhân dân miền Nam thể hiện qua hai phương châm : Hoà giải dân tộc và bầu cử tự do. Giải pháp ấy chứa đựng trong lập trường 6 điểm căn bản ngày 7.4.1968 và giải pháp cụ thể ngày 11.7.1969 của chính phủ Việt Nam Cộng Hoà theo đó, một cuộc bầu cử tự do có tất cả các

lực lượng chính trị kể cả Mặt trận Giải Phóng Miền Nam tham dự sẽ được tổ chức đặt dưới sự quan sát của một Ủy Ban Bầu cử gồm có đại diện của tất cả các lực lượng chính trị, kể cả Mặt trận Giải Phóng Miền Nam dưới sự giám sát của một tổ chức quốc tế.

Chính phủ Việt Nam Cộng Hoà tuyên bố sẵn sàng nói chuyện với phía bên kia về lịch trình và phương thức tổ chức cuộc bầu cử, dù kết quả như thế nào đi nữa. Đề nghị này được nhắc lại trong bản tuyên ngôn ngày 8.10.1970 của chính phủ Saigon, nhưng đã bị Cộng Sản bác bỏ vì cho rằng các cuộc bầu cử ấy không thể công bằng được khi vẫn còn có sự hiện hữu của ông Thiệu.

Vì thế trong kế hoạch hoà bình 8 điểm mới nhất của hai chính phủ Việt Mỹ đưa ra ngày 27.1.1972 Tổng Thống Thiệu đã bằng lòng từ chối một tháng trước ngày bầu cử được dự định tổ chức trong vòng 6 tháng sau khi thỏa hiệp được ký kết. Cho đến nay, đề nghị này vẫn không được Cộng Sản đáp ứng. Đối với chính phủ Hoa Kỳ, họ tuyên bố sẵn sàng chấp nhận bất cứ hình thức chính phủ nào tại Nam Việt Nam miễn là do chính nhân dân miền Nam tự do lựa chọn lấy.

2) - Vấn đề thống nhất lãnh thổ. -

Vấn đề thống nhất lãnh thổ chỉ gây tranh luận sôi nổi giữa hai phe Quốc Gia và Cộng Sản trong những năm đầu của thời đệ I Cộng Hoà, khi ông Hồ Chí Minh vẫn còn tin tưởng giải pháp Hiệp Định Genève 54 có thể làm căn bản cho việc thiết lập chế độ trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Viên tượng ấy ngày càng đi xa với sự lớn mạnh của chế độ Cộng Hoà miền Nam và với sự sung đột đẫm máu bất kể hoà giải từ năm 1964 đến nay. Dù vậy trong những lập trường hoà bình của các phe, vấn đề thống nhất lãnh thổ vẫn thường được đề cập một cách tổng quát. Nếu chỉ căn cứ vào những đề nghị tổng quát ấy thì xem ra lập trường hai phe về vấn đề thống nhất có vẻ trùng hợp vì đã đồng ý với nhau trên

những điều căn bản như sự từ bỏ vũ lực, bất tương xâm, không có sự can thiệp của ngoại quốc v.v... Nhưng đi vào thực tế vì những mục tiêu muốn đạt được khác nhau, nên quan điểm hai miền Nam Bắc đã trở nên khó có thể dung hoà, nhất là với sự cứng rắn của cả hai phe như hiện nay.

Trước hết Bắc Việt muốn việc thống nhất lãnh thổ phải đi sau các hành động từ bỏ vũ lực của Việt Nam Cộng Hoà thể hiện bằng việc từ bỏ liên minh quân sự (sự triệt thoái của quân đội Đồng Minh). Các đề nghị 4 điểm của Bắc Việt ngày 8.4.65 và sau ngày 3.11.1968 khi đưa ra các điều kiện cần thiết để tiến tới việc thống nhất đều có vẻ nhằm vào Việt Nam Cộng Hoà mà thôi.

Lập trường của Việt Nam Cộng Hoà về vấn đề trên có tính cách thực tế ngăn chặn trước sự lợi dụng của phe Cộng Sản. Trong Thông điệp trước Quốc Hội khi đưa ra lập trường 5 điểm ngày 20.7.1968 ngay ở điểm thứ nhất, Tổng Thống Thiệu đề nghị tái lập vĩ tuyến 17 trong khi chờ đợi thống nhất lãnh thổ bằng một sự lựa chọn tự do của tất cả nhân dân Việt Nam. Điều đó có nghĩa là các lực lượng Cộng Sản tại miền Nam Việt Nam sẽ phải rút trở về miền Bắc. Cộng Sản Bắc Việt phải từ bỏ vũ lực, ngưng xâm lăng Việt Nam Cộng Hoà trước khi có cuộc dàn xếp của hai chính phủ để bàn luận vấn đề này. Lập trường này đã nhắc lại trong lập trường 6 điểm ngày 7.4.69 của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hoà, có tính cách rõ ràng hơn trong lập trường 8 điểm của hai chính phủ Việt Mỹ ngày 27.1.1972. Khoản chốt của điểm 3 trong giải pháp 8 điểm ghi nhận việc "thống nhất lãnh thổ Việt Nam phải được quyết định trên căn bản thảo luận và thỏa hiệp giữa Bắc Việt và Nam Việt, không bên nào ép buộc và sáp nhập bên kia, và không có sự can thiệp từ bên ngoài".

Tóm lại, lập trường hai bên còn khác biệt nhau rất nhiều. Tuy nhiên cả hai phe cùng nghĩ rằng vấn đề thống nhất lãnh thổ chỉ có thể giải quyết êm đẹp sau khi đã đạt được một giải pháp chính trị cho miền Nam. Nên dù được đặt

ra trong phần lớn các đề nghị hoà bình của hai phe vấn đề này vẫn không là đề tài bàn cãi sôi nổi trên bàn hội nghị.

ĐOẠN HAI.- LẬP TRƯỜNG VIỆT NAM CỘNG HÒA ĐỐI VỚI CÁC GIẢI PHÁP TRUNG LẬP VÀ LIÊN HIỆP

Ngay từ khi chiến tranh phát khởi những cuộc vận động ngoại giao và chính trị nhằm chấm dứt chiến cuộc Việt Nam đã được tung ra. Cũng ngay từ lúc ấy người ta đã đưa ra một số các giải pháp lần lượt được nhắc đến và lập lại không đi ra ngoài hai phương thức : Trung Lập và Liên Hiệp. Các giải pháp này tùy theo tình thế biến chuyển thuận lợi hay không thuận lợi cho sự áp dụng đã trở thành những đề tài nóng bỏng của các nhà phân tích thời cuộc thế giới và hiện nay vẫn còn gây những ưu tư thắc mắc cho những ai quan tâm đến một giải pháp hoà bình cho Việt Nam.

Trước khi nhận định về viễn tượng hoà bình tại Việt Nam tưởng cũng cần phải tìm hiểu qua về những phương thức ấy. Vậy thế nào là Trung Lập ? Thế nào rèo liên hiệp ? Lập trường Việt Nam Cộng Hoà đối với hai giải pháp trên ra sao ?

I.- Giải pháp Trung lập.-

Sau thế chiến thứ hai, tại bất cứ nơi nào có chiến tranh cũng có hai đại cường đánh vào, đó là Hoa Kỳ và Nga xô, sau này có thêm Trung Cộng. Chiến tranh Việt Nam cũng thế, vì như đã nói từ phần đầu, đây không phải là cuộc nội chiến đơn thuần, mà là chiến tranh ý thức hệ giữa hai khối Cộng Sản và Tư Bản. Do đó, hệ luận được đưa ra : Muốn được yên ổn và hoà bình chỉ cần làm sao tránh khỏi sự thu hút vào quỹ đạo của hai khối. Giản dị hơn là không liên kết với khối nào. Đó gọi là Trung lập. Đây là cái thế mà các Quốc gia bé nhỏ hay không mạnh rất muốn có để vô hiệu hoá sự can thiệp của đại cường để có thể đứng ngoài các tranh chấp

quốc tế do các phe gây ra, hầu cũng cố chủ quyền của họ một cách thực sự. Tuy nhiên, sự trung lập thực sự không phải nước nào muốn có là được. Kinh nghiệm lịch sử chỉ duy trì ba trường hợp trung lập thực sự :

- Thứ nhất, là quốc gia đứng giữa hai sức lôi kéo ngược chiều này phải tương đối đủ mạnh, tuy không bằng bất cứ phe nào, nhưng nếu hợp lực về một phía sẽ làm thay đổi hoàn toàn cán cân lực lượng (Anh, Pháp, Đức, Nhật...)
- Thứ hai là quốc gia muốn trung lập phải thật sự nhỏ bé và không có một hấp lực về tài nguyên hay về chiến lược quan trọng để có thể trở thành một miếng mồi tranh chấp (Thụy Sĩ, Thụy Điển và các quốc gia tí hon trên đỉnh núi Pyrénées...).
- Thứ ba là sự ổn cố nội bộ chính trị; nếu không dễ có bàn tay của ngoại bang mó vào dưới bất cứ hình thức nào (viện trợ kinh tế, ủng hộ đảng phái, tôn giáo hay một lực lượng nào mạnh, súi dục biểu tình v.v...).

Việt Nam không nằm trong ba trường hợp trên, là một quốc gia nghèo và nhỏ bé, Việt Nam không thể gây nên sự bất quân bình lực lượng khiến Nga và Hoa Kỳ e ngại. Nhưng ngược lại vị trí chiến lược Việt Nam rất quan trọng vì nó là cửa ngõ để kiểm soát Thái Bình Dương và dòm ngó sang Hoa Lục. Tài nguyên Việt Nam cũng dồi dào những khoáng sản : than đá, dầu hỏa, thiếc và vựa lúa miền Nam... Do những yếu tố trên Việt Nam có thể chấp nhận giải pháp Trung lập không ?

Cộng sản trong lập trường của họ đề nghị thành lập một chính quyền Trung lập (điểm 2 lập trường 7 điểm ngày 1.7.71) và đi xa hơn nữa họ đòi thành lập, một Đông Dương Trung Lập dưới sự bảo đảm và kiểm soát quốc tế (điểm 9 lập trường 9 điểm công bố ngày 31.1.1972).

Đối với chiến lược Cộng Sản chế độ Trung lập là giai đoạn sau cùng của chiến thuật vô hiệu hoá địch để Cộng sản nắm trọn chính quyền (Hung Gia Lợi, Tiệp Khắc, Ai Lao). Cần đề ý là phe Cộng Sản khi nói đến vấn đề Trung Lập hoá Việt Nam đã không đá động gì đến miền Bắc. Bắc Việt coi rằng Trung lập là để giải quyết chiến tranh ở miền Nam, miền Bắc không có chiến tranh. Như vậy vấn đề thống nhất vẫn còn nguyên và sau này Bắc Việt có sẵn danh nghĩa để tái phát chiến tranh nếu giải pháp Trung lập không giúp cho Cộng sản thu đoạt được chính quyền miền Nam.

Tuy nhiên đề nghị Trung Lập kiểu Cộng Sản đã bị chính phủ Việt Nam Cộng Hoà thẳng thắn bác bỏ. Ngày 26.1.1970 trong bữa tiệc ra mắt "Tổng Thư Ký toà soạn báo chí tại Việt Nam" Tổng Thống Thiệu đã tuyên bố : Độc Lập mà không liên kết là cô lập, liên kết mà không độc lập là lệ thuộc. Với vị trí và hoàn cảnh của Việt Nam Cộng Hoà không thể là một nước Trung Lập. Trung lập cho toàn cõi Đông Nam Á cũng không được vì nó sẽ làm mất thăng bằng ở Đông Nam Á và nó sẽ rước họa xâm lăng của đế quốc Cộng Sản một cách dễ dàng". Tuy vậy lập trường trên để tỏ ra mềm dẻo đi, và ngày 23.1.1972 Tổng Thống Thiệu tuyên bố trước Đại Hội Nghị Viên Đô, Tỉnh, Thị : "... không bao giờ chấp nhận Trung Lập kiểu Cộng Sản nhưng sẵn sàng chấp nhận thảo luận về Trung Lập Đông Nam Á với điều kiện có 10 nước Đông Nam Á tham dự..."

II.- Giải pháp Liên hiệp.-

Khi đề cập đến vấn đề thành lập một chính phủ Liên hiệp tại Việt Nam, chúng ta liên tưởng ngay đến hai hình thức Liên Hiệp có thể xảy ra trong bối cảnh lịch sử hiện nay.

- Trước hết là một chính phủ Liên Hiệp giữa hai miền Nam Bắc hình thức này không thể thực hiện được.
- Thứ đến là hình thức chính phủ Liên hiệp tại miền Nam. Ta hãy phân tích lập trường của hai phe liên hệ.

Đối với Cộng sản qua cương lĩnh 10 điểm đưa ra vào tháng 5/1969 thì chính phủ Liên Hiệp là một chính phủ đại diện mọi tầng lớp nhân dân : dân tộc, đảng phái chính trị, đoàn thể, tôn giáo, nhân sĩ yêu nước. Điểm 5 trong lập trường 8 điểm ngày 17.9.70 Mặt Trận Giải Phóng đòi thiết lập một chế độ Liên Hiệp rộng rãi những vấn đề nội dung như cương lĩnh 10 điểm. Sau đó là lập trường 7 điểm ngày 1.7.1971 danh xưng để thay đổi "Chính phủ Liên Hiệp Lâm - Thời với ba thành phần : Việt Cộng, những người thuộc các xu hướng, lực lượng và tôn giáo, trí thức lưu vong, những người trong chính phủ Saigon. Ngược lại lập trường Việt - Nam Cộng Hoà là không chấp nhận một hình thức liên hiệp nào nói trên của Cộng Sản. Ngày 31.3.1970 trong cuộc phỏng vấn của Pháp tấn xã Tổng Thống Thiệu đã tuyên bố : "Việt Nam Cộng Hoà không bao giờ chấp nhận chính phủ Liên Hiệp với Cộng Sản, không bao giờ chấp nhận sự tham gia của Cộng sản vào chính phủ dưới bất cứ hình thức nào". Tuy nhiên, sau đó Việt Nam Cộng Hoà đã chịu chấp nhận hoà dịu với Mặt trận Giải Phóng bằng cách công nhận Mặt Trận Giải Phóng là một "thực tế" và cho phép họ tham dự vào một cuộc bầu cử tự do y như một đảng phái chính trị nếu họ từ bỏ vũ khí và chấp nhận hiến pháp Việt Nam Cộng Hoà. Đây cũng là một hình thức Liên hiệp nhưng hình thức ấy tránh được rất nhiều tính cách rủi ro. Đề nghị trên không được Cộng Sản đồng ý dù mới đây lập trường mới nhất của Tổng Thống Thiệu đã bằng lòng rút lui một tháng trước cuộc bầu cử.

Tóm lại, hai giải pháp trên đều nhắm vào miền Nam Việt Nam hầu áp đặt một cơ chế mới, tuyệt nhiên người ta không thấy nói đến một giải pháp nào cho phía Bắc Việt. Như vậy liệu nhân dân miền Nam có bằng lòng với cơ chế đó hay không ? Dù gì đi nữa như chúng tôi đã nói danh xưng "dân tộc tự quyết" vào lúc này không còn được tôn trọng tuyệt đối, những quyết định một giải pháp cho miền Nam nằm ngoài vòng tay của người dân miền Nam và chúng ta chỉ chờ đợi các siêu cường thỏa thuận tiếm ép một cơ chế cho miền Nam trước "sự đã rồi".

PHẦN THỨ HAI

**việt nam cộng hòa
trong bang giao quốc tế**

Nhìn trên cục bộ thế giới ngày nay chủ nghĩa Cộng-sản sau một thời gian bành trướng đã chịu ngăn chặn bởi làn sóng tự do (Đại hàn, Đài Loan và bán đảo Đông Dương). Tuy chiến tranh giữa hai khối không còn phát động mãnh liệt mà đã biến đổi từ chiến tranh du kích biến sang chiến tranh thông điệp, nhưng không ngoài vấn đề va chạm quyền lợi giữa các đại cường.

Tại Trung Đông, sự xung đột giữa Do Thái và khối Á Rập là ngòi nổ nguy hiểm và người ta vẫn lo ngại cuộc khủng hoảng có thể trở thành thế chiến thứ ba. Trung Đông là ngã tư đường mà quyền lợi các cường quốc giữa hai khối va chạm. Sự tranh chấp đất đai trên bán đảo Sinai sau cuộc chiến tranh chớp nhoáng 6 ngày giữa Do Thái và Á Rập chỉ là phản ảnh sự kiện nói trên. Viên ảnh của một cuộc chiến tranh khốc liệt và toàn diện đã làm cho mọi người sợ hãi. Cho nên mọi cố gắng ngoại giao đã được tận dụng để tránh sự bùng nổ nan y. Sự vận động của phái bộ Jarring, Hoa Kỳ, Nga Sô đã đem lại được kết quả giữ tình trạng hưu chiến giữa Do Thái và Á Rập, từ đầu năm 1971.

Tại Á Châu ta nhận thấy Trung Cộng sau những năm quyết liệt của cuộc cách mạng văn hoá, đã dần dà chuyển - hướng để thỏa mãn nhu cầu Quốc gia, không còn đứng mãi trong tư thế cô lập. Các sự thất bại kế tiếp của Trung Cộng trong kế hoạch xâm nhập Phi Châu và Đông Nam Á Châu đã đặt Trung Cộng phải thay đổi đường lối ngoại chính của mình, để có thể thích hợp trong cộng đồng quốc tế. Mới đây Trung Cộng đã được gia nhập Liên Hiệp Quốc và cuộc viếng thăm của Tổng - Thống Nixon sang Hoa lục vào đầu năm 1972 đã nói lên sự xoay chiều của cục diện quốc tế.

Trước cục diện thế giới như vậy chúng ta thử xét xem sách lược ngoại chính của Việt Nam Cộng Hoà được đem áp dụng trong khuôn khổ quốc tế đó thế nào và sự tranh đấu để thực hiện đường lối ngoại chính nói trên ra làm sao ? Trong phần này chúng tôi xin trình bày lần lược theo hai Chương như sau :

Chương 1.- Chánh sách ngoại giao đặc biệt.

Chương 2.- Việt Nam Cộng Hoà và các tổ chức quốc tế.

CHƯƠNG MỘT

CÁC CHÁNH SÁCH

NGOẠI GIAO ĐẶC BIỆT

Để theo đuổi những nguyên tắc căn bản, mục tiêu chính và các đường lối lớn đã vạch ra, Chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đã áp dụng phương thức ngoại chính trên trong bang giao với các quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên vì cơ chế dân chủ lịch sử, truyền thống dân tộc của mỗi quốc gia khác nhau nên trong khi thực hiện chánh sách, chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đã uyển chuyển hơn để có một chánh sách đặc biệt áp dụng từng quốc gia một hầu thích hợp với những yếu tố đặc thù của mỗi quốc gia.

ĐOẠN MỘT. - CHÁNH SÁCH VIỆT NAM CỘNG HÒA ĐỐI VỚI CÁC QUỐC GIA Á CHÂU VÀ THÁI BÌNH DƯƠNG. -

Riêng tại khu vực Á Châu và Thái Bình Dương Việt Nam Cộng Hoà rất chú trọng, bởi lẽ vị trí chiến lược và chiến thuật của Việt Nam Cộng Hoà nằm trên bán đảo Đông - Dương có ảnh hưởng quan trọng trong chánh sách ngoại chính của Việt Nam Cộng Hoà. Để vạch định một đường hướng ngoại giao đặc biệt vùng này, chúng tôi xin phết họa vài nét đại cương trong toàn thể chánh sách chung của nền ngoại chính Việt Nam Cộng Hoà.

- Mở rộng và củng cố sự hiện diện của Việt Nam Cộng Hoà tại vùng Đông Nam Á.

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế trong vùng Á Châu và Thái Bình Dương.
- Thiết lập những mối dây liên kết thân hữu trong vùng Đông Nam Á.

Để có thể theo đuổi một đường lối ngoại chính vạch như trên chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đã ráo riết tranh thủ ngoại giao với Bắc Việt và Mặt Trận Giải Phóng trong các quốc gia Đông Nam Á. Tuy nhiên vì lệnh thổ, lịch sử và truyền thống của mỗi quốc gia khác nhau nên đã đưa đến sự uyển chuyển khi áp dụng. Sau đây chúng tôi xin xét qua sự liên lạc ngoại giao của Việt Nam Cộng Hoà đối với một vài tiêu biểu tại Á Châu và Thái Bình Dương.

1.- Liên lạc với Kampuchea.-

Kampuchea và Việt Nam có chung một biên giới và có những vùng ngày nay vẫn còn ảnh hưởng lẫn nhau (các hải đảo). Trước 1945 Kampuchea và Việt Nam cùng trong Liên Hiệp Pháp có chung luật pháp và tiền tệ. Sau 1954 Việt Nam Cộng Hoà và Kampuchea được trả độc lập (hiệp ước Genève 1954). Sau đó liên lạc ngoại giao hai bên lên hàng Đại Sứ và tháng 8/1950 Thái Tử Sihanouk viếng thăm Saigon. Tuy vậy giữa Kampuchea và Việt Nam Cộng Hoà từ 1954 đến nay vẫn giữ thái độ thù - nghịch, Kampuchea theo chế độ Trung Lập, Tổng Thống Ngô - đình Diệm cho là Trung Lập thiên Cộng, và sự tranh chấp biên giới giữa hai quốc gia đã xảy ra từ 1954 tại hội nghị Genève. Tháng 3/1956 Kampuchea yêu sách về việc xử dụng giang cảng Saigon và Sông Cửu Long không được nên đã đóng cửa biên giới đến tháng 5/1956.

Sau khi chiến tranh Việt Nam bùng nổ Kampuchea đã để cộng sản xử dụng một phần đất của mình để làm vị trí quân sự tấn công vào miền Nam Việt Nam, vì lẽ đó sự liên lạc ngoại giao giữa hai bên đã bế tắc từ tháng 8/1963.

Sau cách mạng 1.11.63 Thái Tử Sihanouk đề nghị tái lập bang giao với 5 điều kiện : Việt Nam Cộng Hoà phải từ bỏ các yêu sách đất đai, tôn trọng nền trung lập Kampuchea, thừa nhận các quyền lợi Pháp để để lại dành cho người Việt gốc Miên, không dung dưỡng các phần tử Khmer tự do, trả lại cho Kampuchea 1 tỷ bạc riels còn thiếu.

Để hạn chế bớt ảnh hưởng của Cộng Sản trên phần đất này chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đã cử các phái đoàn Trần Chánh Thành, Huỳnh văn Cao lần lượt sang Kampuchea để tỏ thiện chí (tháng 12/1963 và tháng 3/1964).

Chiến tranh Việt Nam leo thang, các rắc rối về vấn đề biên giới ngày một trầm trọng. Ngày 7.6.1965 Sihanouk tuyên bố không điều đình với Việt Nam Cộng Hoà về biên giới nữa, liền theo đó Kampuchea đã công khai chấp nhận Mặt Trận Giải phóng và thiết lập lên hàng đại sứ.

Kể đến cuộc chính biến ngày 18.3.1970 quân đội Kampuchea truất phế Sihanouk và thành lập một chính phủ thiên hữu Tướng Lon Nol nắm chánh quyền. Đối với đường lối chính trị của tân chế độ rất thuận lợi cho việc nối lại bang giao giữa hai quốc gia. Nhân dịp này vấn đề bảo vệ sinh mạng và tài sản Việt Kiều được đặt lên hàng đầu của mối bang giao. Ngày 26.4.1970 Việt Nam Cộng Hoà đã cử một phái đoàn do ông Tổng Trưởng Trần Nguyên Phiêu qua Kampuchea để trực tiếp thảo luận những vấn đề liên hệ giữa hai quốc gia. Để nối lại bang giao ngày 5.5.1970 sứ thần Phạm huy Ty đại diện chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đã cùng Ngoại Trưởng Yem Sambour ký kết các văn kiện (Aide-Mémoire) ấn định thiết lập tại Phnom-Penh một phái bộ Thường trực Việt Nam Cộng Hoà. Sự liên lạc ngoại giao với Kampuchea đã trở nên bình thường, nhất là ngày 25.5.1970 Ngoại Trưởng Yem Sambour đã chính thức xác nhận "Chính phủ Kampuchea đã cắt đứt quan hệ chính thức với Hà Nội và Mặt Trận Giải Phóng" nhân dịp viếng thăm Việt Nam Cộng Hoà.

Hơn thế nữa Chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đã thực sự giúp đỡ Kampuchea về mặt quân sự bằng cách đem quân vượt biên để ngăn chặn sự tấn công của Bắc Việt vào vùng này, là có công làm cho quân đội Kampuchea trưởng thành để có thể tự mình lo liệu lấy việc tự vệ (huấn luyện một số quân nhân Kampuchea tại Lam Sơn Phước Tuy). Kết quả là vào ngày 27.5.1970 hai bên đã thỏa thuận thiết lập mối bang giao lên hàng Sứ Quán.

Tóm lại từ một quốc gia thiên cộng Kampuchea đã trở thành một quốc gia đồng chí hướng với Việt Nam Cộng Hoà trong công cuộc chống Cộng. Trong dịp tiếp xúc các đoàn thể dân quân cán chính ngày 26.1.1971 Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã nói : "Trước khi xảy ra cuộc tấn công của Cộng sản Bắc Việt tại Kampuchea thì tôi nói hoà bình còn xa, có lẽ phải 5, 10 năm nữa. Nhưng từ ngày chúng tấn công Kampuchea thì tôi có thể nói trong 1, 2 năm nữa sẽ có hoà bình tại Việt Nam". Như vậy cũng đã biết rằng sự liên hệ với Kampuchea và Việt Nam Cộng Hoà rất quan trọng không những ích lợi hỗ tương về kinh tế tài chính mà còn về quốc phòng và an ninh chung cho toàn cõi Đông Nam Á nữa.

II.- Liên lạc với Indonesia.-

Cũng như Kampuchea, bang giao giữa Việt Nam Cộng Hoà và Indonésia bị gián đoạn từ tháng 8/1964 do thái độ thiên tả của Tổng Thống Soekarno. Cuộc đảo chánh ngày 1.10.1965 đã đem lại một giai đoạn mới dưới sự lãnh đạo của Tướng Suharto. Tháng 10/1967 lấy cớ vệ binh đỏ tấn công toà Đại sứ Indonésia ở Hoa Lục, Indonésia đã đình chỉ ngoại giao với Trung Cộng và ngày 11.3.1967 Quốc Hội Indonésia đã đề cử nhiếp chánh chức vụ Tổng Thống cho Tướng Suharto. Ngày 15.12.1967 Ngoại Trưởng Adam Malik đã khẳng định Indonésia trở lại địa vị Trung Lập của mình và sẽ không đứng vào khối chính trị quốc tế nào. Thêm vào đó ông xác định lập trường

của Indonésia đối với vùng Đông Nam Á có những nét chính sau :

- Chủ trương một Đông Nam Á ổn định nguyên trạng và loại trừ mọi mưu toan thống trị của các thế lực quốc tế tại đây.
- Cổ động sự đoàn kết hợp tác đại phương trong các lãnh vực phi quân sự.(1)

Với lập trường đó rất có lợi cho sự tiến tới bang giao của Việt Nam Cộng Hoà. Tuy nhiên vì muốn bảo vệ chính sách phi liên kết của mình Indonésia tỏ ra dè dặt đối với Việt Nam Cộng Hoà, bởi lẽ vị thế chống cộng Việt Nam Cộng Hoà hiện nay và sự có mặt của quân đội Đồng Minh tại Việt Nam Cộng Hoà. Để tiến tới việc bình thường hoá bang giao giữa hai quốc gia, Bộ ngoại giao Việt Nam Cộng Hoà chủ trương phát triển những mối liên lạc với Indonésia qua các cuộc viếng thăm của các phái đoàn thiện chí và gia tăng công cuộc giao thương. Do đó trong thời gian dự hội nghị các quốc gia Đồng minh tại New York (20.9.1969) Ngoại Trưởng Trần Văn Lãm tiếp xúc với Ngoại Trưởng A. Malik để bàn về vấn đề cải thiện bang giao giữa hai quốc gia. Ngày 28.11.1969 Ngoại Trưởng A. Malik tuyên bố Việt Nam Cộng Hoà phải tiến bước trước nếu muốn tái lập liên lạc ngoại-giao hoàn toàn với Indonésia. Ngày 6.11.1969 một phái đoàn thương mại Indonésia sang Saigon. Ngày 24.2.70 một phái đoàn khác do ông Lim Bian Kee cố vấn chính trị của Tổng Thống Suharto cầm đầu đã viếng Việt Nam Cộng Hoà và ký kết bản Memorandum of Understanding nội dung gồm những điểm căn bản để tiến tới việc bình thường hoá bang giao. Kết quả là ngày 26.6.1970 Việt Nam Cộng Hoà đã chính thức thiết lập tại Djakarta một phái bộ thường trực thương mại.

(1) Nguyễn Mạnh Hùng, Tư thế Nam Lưỡng tại Đông Nam Á
NCHC, tr. 49-53.

III.- Liên lạc với Ấn-Độ.-

Liên lạc ngoại giao với Ấn Độ cũng được coi là quan trọng vì Ấn Độ là Chủ tịch Ủy Ban Kiểm soát đình chiến tại Việt Nam. Tuy vậy trong những năm gần đây Ấn Độ đã đi lẩn từ dân chủ tự do đến dân chủ xã hội. Chính sách đường lối và thái độ của Ấn đã biến chuyển theo thời gian từ Trung Lập thuần túy dưới thời Nehru, chiều hướng thân Cộng dưới thời Shastri và từ đó thiên tả rõ rệt dưới sự lãnh đạo của Bà Gandhi.

Chính sách đối ngoại Ấn đã được minh xác qua các lời tuyên bố của Ngoại trưởng Swaran Singh trong buổi thuyết trình trước Thượng Viện Ấn ngày 29.7.1970 và ngày 18.8.1970 nhân cuộc tiếp xúc Ngoại Trưởng S. Singh và Ngoại Trưởng Nhật Kiichi Aichi nhân viếng thăm Ấn (1).

Nhưng dù sao từ trước đến nay, chúng ta vẫn ghi nhận được một sự quân bình trong việc đối xử của Ấn độ đối với hai miền Nam, Bắc Việt Nam. Theo đó Ấn không công nhận một tình trạng thực tế chia đôi ở Việt Nam với sự duy trì cùng một lúc hai toà Tổng Lãnh sự Việt Nam Cộng Hoà và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà tại Tân Đê Li.

Để đối phó với Cộng Sản Bắc Việt và Mặt Trận Giải Phóng và chủ trương của chính phủ Ấn. Bộ ngoại giao đã liên lạc vận động trong lãnh vực tư nhân cũng như trong lãnh vực chánh quyền qua Hiệp Hội Việt Nam Phát triển Bang Giao quốc tế và India, VN Humanitarian League chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đã mời một phái đoàn Nghị Sĩ và ký giả Ấn sang thăm Việt Nam Cộng Hoà từ ngày 9 đến 13.2.1970, ngược lại khuyến khích Ấn kiều sinh sống tại Việt Nam sang Ấn hồi đầu

(1) Ngoại Giao Kỳ Yếu, Hoạt động ngoại giao trong 1970, tr. 36.

tháng 8/1970 để trình bày với chính phủ Ấn chế độ ưu đãi Việt Nam Cộng Hoà đã dành cho họ. (Ấn kiều tại Việt Nam lên đến 2.000 người). Ngoài ra, Bộ Ngoại Giao Việt Nam Cộng Hoà cũng đã gửi tài liệu về vụ phóng viên nhiếp ảnh Ấn Ramnik Lekhi bị quân đội Cộng Sản Bắc Việt thảm sát tại Kampuchea để nói lên sự thật không đẹp đẽ như Bà Nguyễn thị Bình đã rêu rao, hầu vận động báo chí và các giới Ấn lên án Bắc - Việt. Tuy vậy ngày 7.1.1972 Ấn và Bắc Việt đã quyết định nâng Toà Tổng Lãnh sự của hai nước ở hai thủ đô lên cấp Đại Sứ quán. Như vậy, đương nhiên Ấn Độ đã công nhận chính phủ Hà Nội là một chính phủ hợp pháp và duy nhất tại Việt Nam, dù rằng phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao Ấn có nhận định là riêng đối với Ấn Độ việc nâng cao quan hệ ngoại giao với Bắc Việt "không ảnh hưởng gì đến quan hệ Tổng Lãnh sự giữa Ấn và Việt Nam Cộng Hoà". Để tránh sự đổ vỡ bang giao Việt Ấn Chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đã áp dụng những biện pháp thích ứng nhằm chế ngự phong trào bài Ấn. Và ngược lại chính phủ đã đưa ra biện pháp khác nhằm trả đũa bằng cách không tái chiêu khán cho những công dân Ấn.

Tóm lại Chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đã cố gắng thực hiện chính sách "thêm bạn bớt thù" nhằm gây hậu thuẫn thân hữu ngày càng sâu rộng, và vẫn cố duy trì mối dây liên lạc Việt Ấn chờ ngày mai sáng sủa hơn.

ĐOẠN HAI. - CHÍNH SÁCH VIỆT NAM CỘNG HÒA

ĐỐI VỚI MỸ-CHÂU.-

Riêng đối với Mỹ Châu có một mối dây liên lạc rất mật thiết nhất là Hoa Kỳ vì hiện nay Hoa Kỳ là đồng minh của Việt Nam Cộng Hoà trong cuộc chiến tranh khuynh đảo này. Căn bản hợp tác giữa Việt Nam Cộng Hoà và Hoa Kỳ là sự "chung lưng góp sức" giữa hai quốc gia thân hữu cùng chí hướng và cùng mục tiêu hoạt động. Đó là sự tranh đấu và bảo vệ quyền tự quyết cho nhân dân Việt Nam. Trải qua các chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ có ảnh hưởng mạnh mẽ đến Việt -

Nam đi từ những giai đoạn áp dụng chính sách thành lũy ngăn chặn (Policy of containment) thời Truman qua giai đoạn áp dụng chính sách quan niệm mới và trả đũa ồ ạt (Massive retaliation) dưới thời Eisenhower đến giai đoạn áp dụng chính sách phản ứng mềm dẻo (Flexible Response) và chiến tranh hạn chế (Limited War) thời Kennedy và Johnson. Đến nay chính sách ngoại giao Hoa Kỳ đã chuyển hướng và hiện đang áp dụng chủ thuyết Nixon (Nixon doctrine). Theo chủ thuyết này nhằm "Việt Nam hoá" có nghĩa là trực gánh nặng chiến tranh lại cho Việt Nam gánh lấy ngược lại Hoa Kỳ phải trang bị phương tiện đầy đủ (tài chính, vũ khí, máy móc). Ngoài ra chủ thuyết này có chiều hướng đem lại cho Việt Nam tự lực, tự cường, thành thử đường lối ngoại giao Việt Nam Cộng Hoà trong tương lai sẽ nhằm tạo điều kiện cho chương trình tự túc và công cuộc tái thiết.

Ngày 9.6.1971 trong bài diễn văn đọc tại Cao Đẳng Quốc Phòng, Ngoại Trưởng Trần Văn Lãm đã đề ra những đường lối ngoại chính đối với vùng này như sau :

- Tranh thủ sự ủng hộ các quốc gia trong vùng Trung Mỹ và Nam Mỹ đối với Việt Nam Cộng Hoà.
- Cầu viện và khuyến khích đầu tư để kiến thiết quốc gia.
- Thất chặt mối dây thân hữu với Hoa Kỳ và Đồng Minh.

Sau đây tác giả xin trình bày sự liên lạc ngoại giao giữa Việt Nam Cộng Hoà và các nước tại Châu Mỹ có đúng với những nét phác họa mà chính sách Việt Nam Cộng Hoà đã đề ra hay không ?

1.- Liên lạc với Hoa-Kỳ.-

Sự liên hệ giữa Việt Nam Cộng Hoà và Hoa Kỳ đã bắt đầu từ năm 1950 khi Mỹ viện trợ cho Việt Nam chống Cộng qua chính phủ Pháp. Từ 1952 Hoa Kỳ đã bắt đầu viện trợ trực tiếp cho Việt Nam Cộng Hoà để tổ chức quân đội và xây

dựng quốc gia. Sau năm 1954 Hoa Kỳ trực tiếp giúp đỡ mạnh mẽ Việt Nam Cộng Hoà để giữ vững chế độ Ngô đình Diệm trước cái thế thân Pháp hầu giải quyết các vấn đề khó khăn về phương diện kinh tế, xã hội (hơn 1 triệu đồng bào di cư vào Nam năm 1954 sau khi hiệp định Genève ký kết).

Từ tháng 9/1954 một nhóm tham mưu Mỹ đầu tiên được Tổng Thống Ngô đình Diệm mời tới Việt Nam để giúp đỡ ông trong việc ổn định tình hình nội bộ và cơ chế (đẹp các lực lượng ly tâm Hoà Hảo, Cao Đài, Bình Xuyên, các thế lực thân Pháp). Tháng 12/1954 Tướng Collin được cử đến Việt Nam với tư cách là đại diện đặc biệt cho Hoa Kỳ tại Việt Nam. Đầu năm 1955 viện trợ Mỹ lên đến 2 tỷ Mỹ kim để giải quyết vấn đề chi phí quân sự và kinh tế. Sau tướng Collin, Hoa Kỳ đề cử tướng Frederic Reinhardt thay thế với sứ mạng ủng hộ toàn diện chế độ họ Ngô thiết lập một nền dân chủ Cộng Hoà miền Nam Việt Nam. Chính sách này vẫn được duy trì cho tới năm 1963. Tuy nhiên, vấn đề không phải thông thường như thế, chính phủ Ngô đình Diệm một mặt vẫn tranh thủ sự ủng hộ Hoa Kỳ, một mặt vẫn thường tỏ ra không mấy quan tâm đến chính sách của người Mỹ vì cho rằng thiếu chín chắn hoặc ngây thơ, nghi ngờ chính sách chống cộng thiếu tích cực, không tận tình giúp đỡ Việt Nam Cộng Hoà bảo vệ quyền chính thống (viện trợ có điều kiện, làm áp lực can thiệp ngày càng nhiều vào nội tình Việt Nam Cộng Hoà). Cho nên chính sách ngoại giao dưới thời Tổng Thống Ngô đình Diệm đã có hai khuynh hướng khác biệt, mặc dầu vẫn kêu gọi sự ủng hộ viện trợ của Hoa Kỳ (bằng cách gởi Ông Trần văn Chương người thân Mỹ làm đại sứ tại Hoa Thịnh Đốn), nhưng vẫn dùng bà Trần Lệ Xuân làm loa phát thanh bài Mỹ, chống lại các áp lực do Mỹ đòi hỏi hay những nhu cầu quốc gia bị Mỹ từ chối không yem trợ. Sự mâu thuẫn phát sinh giữa hai bên ngày càng rõ rệt, sau khi Tổng Thống Ngô đình Diệm chủ trương đặt lại mối liên lạc ngoại giao chặt chẽ với Pháp và dự định điều đình với Bắc Việt để tạo một miền Nam Trung Lập, Hoa Kỳ đã bỏ rơi ông và cuộc cách mạng vào tháng 11.1963 bùng nổ đánh dấu sự biến chuyển đường hướng ngoại giao mới của nền đệ nhị cộng hoà.

Đối với các chính sách ngoại giao kế tiếp thường tỏ ra theo đuổi chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ và ngược lại người Mỹ đã gần như được tự do hoạt động về quân sự cũng như về một số các vấn đề chính trị có liên quan tới vận mệnh Việt Nam Cộng Hoà, nhất là các hành vi đơn phương của Hoa Kỳ về vấn đề hoà, chiến tại Việt Nam.

Do đó uy tín của Việt Nam Cộng Hoà đã giảm dần trên trường quốc tế thành thử hành vi đầu tiên của Tổng Thống Nguyễn văn Thiệt đã bác bỏ hoàn toàn lời mời của Tổng Thống Johnson ngồi vào bàn hội nghị tại Ba Lê với Mặt trận Giải Phóng theo tính cách tử phương và tiếp theo đó mặc dầu chịu áp lực Việt Nam Cộng Hoà đã cố gắng tranh thủ phần chủ động trước các lập trường hoà, chiến đối với miền Bắc. Hiện nay một trong những đường lối chính yếu của chính sách đối ngoại đối với Hoa Kỳ là chủ trương dènh lại thể chủ động của Việt Nam Cộng Hoà đối với quốc tế. Nhưng khách quan mà nói áp lực Hoa Kỳ vẫn còn chi phối quá nhiều ở Chính tình miền Nam Việt Nam.

II.- Liên lạc với Trung và Nam Mỹ.-

Trung và Nam Mỹ vốn là phần đất "hỏa diệm sơn chính trị" từ ngót một thế kỷ nay vì vẫn nổi tiếng về những vụ đảo chánh, nổi loạn, cách mạng v.v...

Chỉ mới chừng 20 năm về sau này, vùng Châu Mỹ La-Tinh mới bị Trung Đông, Phi Châu tranh dènh mất "Sở trường đảo chánh đó". Tuy nhiên miền Trung và Nam Mỹ không phải vì vậy mà hoàn toàn yên tĩnh : chỉ cần nhắc đến các vụ điển hình như Perou bị hạ bệ (1952) tại Argentine, Armas bị Cộng sản ám sát (1957) tại Guatemala và quan trọng nhất là Fidel Castro đoạt Chính quyền tại Cuba cuối năm 1960 để thiết lập một chính thể Cộng sản đầu tiên tại Mỹ Châu.

Trong thời gian 10 năm vừa qua có một trào lưu khuynh tả hay ít nhất "cải cách" (réformiste) tại vùng Châu Mỹ La-

Tình, lấy điểm tựa là ý chí tranh đấu chống lại sự cai quản "đàn anh" của Hoa Kỳ trong tổ chức các quốc gia Mỹ Châu. Một trong các quốc gia khởi đầu chống đối và quật khởi giành lại địa vị ăn trên ngồi trước của Hoa Kỳ chính là Mexique. Trong những năm gần đây Mexique đã bước vào con đường Trung Lập, không những trong khuôn khổ Mỹ Châu thôi mà cả trên trường quốc tế (tại tổ chức Liên Hiệp Quốc). Sau đó một vài quốc gia nhỏ hơn trong số đó có Chili, Pérou cũng theo gót tranh chấp về các đặc quyền quá đáng của Hoa Kỳ tại nước họ và đặt ra vấn đề "độc lập" và "chủ quyền" v.v...

Để đối phó lại sự gây rối và bành trướng của Cộng sản, phía Hoa Kỳ đã có thái độ, trừ phản ứng cương quyết của Tổng Thống Kennedy (trong vụ Nga sô bành trướng căn cứ hỏa tiễn tại Cuba tháng 10/1962), sự can thiệp võ trang tại Cộng Hoà Dominique 1966 dưới thời Tổng Thống Johnson, nay hình như chính phủ Hoa Kỳ trở về thái độ "quan sát và chờ xem". Người ta mục kích 1968, một chính thể khuynh tả đã cầm quyền tại Pérou. Tháng 10/1970, chế độ tả khuynh do Tướng Torres cầm đầu lên chấp chánh tại Bolivie và gần đây ngày 4.11.1970 Tổng Thống Salvador Allende (người Cộng Sản) đã đắc cử tại Chili. Ngoài ra bọn tả khuynh và Cộng sản địa phương không ngớt gây rối tại Brésil (vụ bắt cóc, ám sát nhà ngoại giao Mỹ) tại Colombie du kích quân ám sát Đại Sứ Mỹ tháng 9/1969. Tại Panama sinh viên biểu tình và ngay tại Mexique vụ Nga sô gởi sinh viên Mexique qua Bắc Hòn huân - luyện du kích chiến đã khiến cho chính phủ Mexique trục xuất 5 nhân viên ngoại giao cao cấp Nga và triệu hồi tức khắc Đại sứ Mexique tại Moscou về nước vào tháng 4/1971.

Trong hoàn cảnh đó, thiết tưởng liên lạc ngoại giao Việt Nam Cộng Hoà tại vùng Châu Mỹ La Tinh chưa phải là lúc thuận tiện. Tuy nhiên Việt Nam Cộng Hoà đã liên lạc được hai quốc gia lớn nhất : đó là Brésil và Argentine, ngoài ra hai sứ quán này còn kiêm nhiệm thêm một vài nước : Vénézuela, Equateur, Colombie, Bolivie, Chili và Uruguay. Điều đó chứng

tỏ rằng chính sách Việt Nam Cộng Hoà còn né tránh các quốc gia thiên tả, mặc dầu trên bình diện pháp lý tại đây đã có 18 quốc gia (không kể Cuba) đã công nhận Việt Nam Cộng Hoà và bỏ phiếu chấp thuận cho Việt Nam Cộng Hoà gia nhập Liên Hiệp Quốc nhưng không kết quả bởi một phiếu chống của Nga Sô.

ĐOẠN BA.- CHÍNH SÁCH VIỆT NAM CỘNG HÒA
ĐỐI VỚI ÂU-CHÂU.-

Như chúng tôi đã xét ở Chương dẫn nhập, Âu Châu ngày nay chỉ còn vang bóng một thời. Trước thế chiến thứ hai Âu Châu không những là Trung tâm văn minh của thế giới mà còn là một phần đất có nhiều thuộc địa nhất, uy quyền nhất đã làm khiếp đảm thế giới trong trận xâm lược của Bonaparte ngày xưa.

Ngày nay, Âu Châu điển hình qua Pháp quốc tuy không còn là vàng son như trước nhưng vị thế của Pháp trong chính trường quốc tế vẫn không kém phần quan trọng. Hơn nữa những lý do mà chính phủ Việt Nam Cộng Hoà cần phải tế nhị trong đường lối hoạt động tại đây : Kiêu bào ta sống rất đông nhất là ở Pháp, hiện nay quyền lợi kinh tế của Pháp ở Việt Nam cũng vẫn còn, ảnh hưởng văn hoá Pháp đối với ta vẫn còn mạnh. Do đó trong đường hướng chung có thể vạch định vài nét đại cương như sau :

- Tranh đấu để bảo vệ sinh mạng và tài sản kiều bào tại đây.
- Chận đứng và ngăn ngừa sự bành trướng ảnh hưởng Cộng sản tại đây.
- Tranh thủ sự ủng hộ của chính quyền địa phương.

Sau đây chúng tôi xin trình bày sự liên lạc ngoại giao của chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đối với các quốc gia tiêu biểu Pháp và các quốc gia phía Bắc Âu.

1.- Liên lạc với Pháp-quốc.-

Pháp là quốc gia đô hộ Việt Nam từ 1884 đến 1945. Năm 1948 Pháp trao trả độc lập cho Việt Nam và đứng ra đỡ đầu Bảo Đại để lập một chính thể quốc gia đối đầu với chính thể Cộng Sản.

Sau Hiệp định Genève, trước khi rút quân về nước vì chống cá nhân Tổng Thống Ngô đình Diệm không xong, Pháp chính thức trao lại quyền hành cho chính phủ Việt Nam, duy trì Toà Đại Sứ Việt Nam trên đất Pháp, đồng thời chỉ chấp nhận cho Bắc Việt đặt trên đất Pháp một văn phòng Thương Mại.

Liên hệ ngoại giao đối với Pháp vẫn được coi là tốt đẹp dưới chế độ đệ I Cộng Hoà, mặc dầu ảnh hưởng của Pháp chỉ còn duy trì trên các lãnh vực văn hoá, kinh tế, xã hội hơn là chính trị. Ngay từ ngày 1.1.1955 Việt Nam đã rút khỏi Hội Đồng Liên Hiệp Pháp cùng từ chối nhiều đặc quyền khác. Liên lạc ngoại giao với Pháp đã có lúc trở nên nòng hậu và nhất là năm 1963, chính phủ Ngô đình Diệm có ý định nhờ Pháp giúp đỡ chống lại chính sách Hoa Kỳ và làm trung gian để liên lạc với Bắc Việt thiết lập chế độ Trung Lập hoá miền Nam.

Sau năm 1963 lập trường công khai của Tổng Thống De Gaulle chủ trương Trung lập hoá một số quốc gia trong vùng Đông Nam Á và trong đó có miền Nam Việt Nam trung lập. Điều này đã làm cho chính phủ Việt Nam Cộng Hoà kế tiếp và dư luận quốc nội chống đối. Ngày 13.1.1964 sinh viên đã biểu tình chống Trung Lập nhân dịp Giám Đốc Văn Hoá Pháp qua Việt Nam. Ngày 17.1.1964 chính phủ Việt Nam Cộng Hoà tuyên bố sẽ có biện pháp đối phó với Pháp và ngày 28.1.1964 đã ra thông cáo xác nhận chống Trung Lập. Ngày 21.7.1964 sinh viên Việt Nam biểu tình đập phá Toà Đại Sứ Pháp và ngày 22.7.1964 Tổng Hội Sinh viên đòi chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đoạn giao với Pháp. Ngày 26.7.1964 Tượng chiến sĩ

Pháp bị giết đổ và những biến cố liên tiếp khiến cho liên lạc ngoại giao Việt Pháp ngày một tuyệt vọng.

Ngày 29.2.1962 sau khi Tổng Thống Pháp tuyên bố yêu cầu triệu tập lại Hội Nghị Genève có Trung Cộng và Mặt Trận Giải Phóng tham dự thì liên lạc ngoại giao giữa Việt Nam Cộng hoà và Pháp đi đến chỗ bế tắc và tháng 6/1965 Việt Nam Cộng Hoà đã đoạn giao với Pháp.

Sau khi hoà hội Ba Lê được triệu tập bang giao giữa Việt Nam Cộng Hoà và Pháp được cải thiện. Ngày 1.3.1969 Pháp cử phái đoàn Quốc Hội gồm các Dân Biểu thân Tổng Thống De Gaulle sang Việt Nam Cộng Hoà và ngược lại Việt Nam Cộng Hoà cũng cử nhiều phái đoàn Nghị Sĩ, Dân Biểu sang viếng Pháp. Tháng 2/1969 Ngoại Trưởng Việt Nam Cộng Hoà ngõ ý muốn nối lại bang giao với Pháp trên cấp bậc Đại Sứ, nhưng vì hiện nay Pháp theo đuổi một chính sách Trung Lập, và Ba Lê là nơi đang mở hoà hội giữa các phe tham chiến tại Việt Nam nên ý định trên không thành. Cho tới nay Việt Nam Cộng Hoà vẫn mong được tái bang giao với Pháp trên cấp bậc Đại Sứ. Gần đây nhất vào tháng 3/1972 sau cuộc tiếp xúc với Ngoại Trưởng Pháp Maurice Schumann Đại Sứ Phạm Đăng Lâm cũng đã bày tỏ với báo chí niềm hy vọng được thấy liên lạc giữa Pháp và Việt Nam Cộng Hoà tăng cường "không những vì quyền lợi chung cho hai quốc gia mà còn vì ích lợi cho thế giới nữa".

II.- Liên lạc các Quốc gia Tây Âu và Bắc Âu.-

Về phía các quốc gia khác ở Âu Châu như Anh, Bỉ, Ý, Thụy Sĩ, Na Uy, Đan Mạch v.v... Các Đảng Cộng Sản hay khuynh tả địa phương cũng khá mạnh có ảnh hưởng lớn đối với chính quyền địa phương của họ. Giả sử về phía Bắc Âu (các quốc gia Phần Lan, Islande, Na Uy, Đan Mạch và Thụy Điển) vì vị trí địa dư đặc biệt có biên giới gần Nga Sô nên lúc nào cũng e dè bởi áp lực của khối Cộng Sản. Chính vì vậy

các quốc gia về phía Bắc Âu theo đuổi một chính sách ngoại giao Trung Lập.

Tuy vậy, một điểm đặc biệt là các quốc gia Bắc Âu đã đưa ra một kế hoạch thiết lập một quỹ dùng để viện trợ cho cả hai miền Nam và Bắc Việt Nam để tái thiết trong giai đoạn hậu chiến, kế hoạch này tách rời chính trị ra khỏi khía cạnh chuyên môn kinh tế và kêu gọi sự đóng góp của tất cả các quốc gia trên thế giới (Cộng sản lẫn phe Tự do) (1).

Thành thử sự liên lạc đối với các quốc gia này trên căn bản "Tranh thủ sự ủng hộ của họ đối với Việt Nam Cộng Hoà". Do đó trong mục tiêu tuyên truyền và vận động chống Cộng các sứ quán Việt Nam hoạch định đường lối ngoại giao cho phù hợp với bối cảnh chính trị tại các quốc gia nhiệm sở.

Tại Tây Đức chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đã thành công một phần lớn trong những đường lối ngoại giao. Tại Thủ Đô Bonn khi Bắc Việt dự hội nghị Khí Tượng quốc tế, chính quyền sở tại đã không cấp giấy chiếu kháng cho Hà Nội.

Tại Bỉ, đầu năm 1970 bọn Cộng Sản định gửi sang Bỉ hai người : Phạm thị Liên và Võ thị Liên tự xưng là nạn nhân của vụ Mỹ Lai (vụ một Trung Úy Calley bắn chết một số thường dân vô tội tại làng Mỹ Lai) để tuyên truyền, chính quyền Bỉ đã bác đơn chiếu kháng (2).

Để hiểu rõ Việt Nam Cộng Hoà hơn Toà Đại Sứ Việt Nam Cộng Hoà tại Bruxelles đã khuyến khích các nhật báo có nhiều độc giả như tại Bỉ như tờ La Dernière Heure, Le Libre Belgique, Le Soir cử đặc phái viên sang quan sát

(1) (2) Ngoại Giao Kỳ Yếu, hoạt động ngoại giao trong 1970, tr. 64.

Việt Nam Cộng Hoà và phổ biến một loạt bài phóng sự rất thuận lợi cho Việt Nam Cộng Hoà.

Tóm lại, liên lạc ngoại giao tại Âu Châu nói chung về đường hướng chính trị của từng quốc gia mà Việt Nam Cộng Hoà vạch ra những mục tiêu tương ứng, nhưng kết quả cần phải có sự nỗ lực hơn nữa về ngoại giao ta hơn.

ĐOẠN BỐN. - CHÍNH SÁCH VIỆT NAM CỘNG HOÀ ĐỐI VỚI PHI-CHÂU

Chính sách Việt Nam Cộng Hoà đối với các quốc gia Phi Châu nằm trong chính sách ngoại giao nói trên. Trong khoảng thời gian từ 1954 đến 1963 Việt Nam Cộng Hoà chỉ tìm cách thiết lập liên lạc ngoại giao với các quốc gia Phi Châu nào không có quan hệ ngoại giao với Bắc Việt như Côte d'Ivoire, Sénégal, Tunisie, Maroc, Gabon, Niger v.v... Do đó đối với các quốc gia Phi Châu có đường lối Trung Lập thiên tả, Việt Nam Cộng Hoà đã áp dụng một đường lối ngoại giao cứng rắn. Thành thử đường lối ngoại giao ta bị thất bại tại Mali (1960) và tại Cộng Hoà Á Rập Thống Nhất (1969).

Năm 1960 khi Mali vừa tách khỏi Sénégal chính Phủ Việt Nam Cộng Hoà đã cấp tốc mở toà Đại Sứ tại Bamako. Nhưng sau khi Đại sứ Bắc Việt ở Guinée viếng Mali, chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đã gởi một công hàm phản đối. Hành động này làm cho chính phủ Mali bất bình và sau đó ra lệnh đóng cửa toà Đại Sứ Việt Nam Cộng Hoà tại Bamako. Ngoài ra việc thiết lập liên lạc ngoại giao với Cộng Hoà Á Rập Thống Nhất (Ai Cập một quốc gia vô cùng quan trọng bản lề của hai lục địa Á Phi) đã không thực hiện được vì thái độ dè dặt lưng chừng của Việt Nam Cộng Hoà và Bắc Việt đã nhanh chân lợi dụng cơ hội này đã thiết lập bang giao với quốc gia này.

Sau năm 1967 vì nhận thấy rằng các quốc gia Phi Châu hiện giữ một vai trò quan trọng tại Liên Hiệp Quốc, các hội nghị quốc tế và có thể gây ảnh hưởng đáng kể đối với dư luận

thế giới... Thành thủ Việt Nam Cộng Hoà đã áp dụng chính sách "thêm bọt bớt thù" để giảm thiểu một số hậu quả tai hại do việc áp dụng cứng rắn chủ thuyết Hallstein gây ra.

Do đó trong phạm vi lục địa Phi Châu chính sách Việt Nam Cộng Hoà kể từ 1963 đến nay nhằm vào đường lối chính yếu sau :

- Tranh thủ hậu thuẫn các quốc gia Phi Châu trong công cuộc tự vệ chống cộng.
- Ngăn chặn sự bành trướng ảnh hưởng của Cộng sản Bắc Việt tại Phi Châu.

Sau đây chúng tôi xin đơn cử sự thực hiện đường lối ngoại giao Việt Nam Cộng Hoà đối với một trong các quốc gia Phi Châu : Đó là Cộng Hoà Dân Chủ Congo (Kinshasa).

Congo Kinshasa đã tạo lập được một chính thể ôn cố kể từ năm 1965 khi Tướng Joseph Désiré Mobutu lên nắm chính quyền, sau một thời gian xáo trộn (1960-1965).

Song song với những nỗ lực củng cố nền độc lập giải quyết mọi tranh chấp nội bộ và cạnh tân xứ sở, chính quyền Congo đã khuếch trương mối giao hảo trong phạm vi lục địa Phi Châu (Là Hội viên của tổ chức Organization de la Communauté Africaine (OUA) và khối quốc gia Phi Châu Pháp Ngữ).

Ngoài vai trò đặc biệt của Congo Kinshasa trong cộng đồng Phi Châu đối với Việt Nam Cộng Hoà Quốc gia này còn chiếm giữ một vị trí hết sức quan trọng. Nếu thiết lập được sự liên hệ ngoại giao với quốc gia này chính phủ Việt Nam Cộng Hoà có thể chặn đứng được sự hoạt động bành trướng của Bắc Việt tại vùng Trung Phi. Ngay tháng giêng 1966 Đại sứ Việt Nam Cộng Hoà tại Sénégal đã tiếp xúc với ông Pierre Ilike Ngoại Trưởng Congo Kinshasa để nêu lên vấn đề thiết lập bang giao giữa hai quốc gia. Mãi cho đến ngày 14.10.1970

một thông cáo chung của hai nước nội dung nhằm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam Cộng Hoà và Congo lên cấp bậc Đại sứ quán.

Tóm lại với sự hiện diện Việt Nam Cộng Hoà tại Congo Kinshasa đã có một địa bàn hoạt động tại miền Trung Phi Châu. Vị trí địa dư đặc biệt của quốc gia này sẽ giúp ta bành - trướng ảnh hưởng tới các quốc gia láng giềng ở Đông Phi. Việc thiết lập ngoại giao với Congo Kinshasa đánh dấu một bước tiến của chính sách ngoại giao thực tiễn, trường kỳ và liên tục, vận động các quốc gia Phi Châu hầu gây thêm uy thế cho Việt Nam Cộng Hoà trên trường quốc tế.



CHƯƠNG HAI

VIỆT NAM CỘNG HÒA VÀ CÁC TỔ-CHỨC QUỐC-TẾ

Phải thành thực công nhận rằng mặc dầu trong thập niên vừa qua, người ta có nói nhiều về những đường lối, phương tiện và lý do nhằm thực hiện sự hợp tác địa phương như một kỹ thuật để bổ túc cho chính sách ngoại giao hầu phát triển về mọi mặt.

Người ta ý thức sự liên hệ của quốc gia mình nằm trong một cộng đồng khu vực mà trong đó truyền thống văn hoá, quyền lợi giống nhau, cũng như về phương diện kinh tế, chính trị an ninh chung được coi là liên đới. Từ quan niệm đó họ phát sinh một mối thông cảm sâu xa về sự sống còn của quốc gia trong sự sống còn của khu vực. Chính nhu cầu tồn tại này buộc họ phải gia nhập thành từng khối, từng tổ chức địa phương hầu mưu tìm những phương pháp giúp họ phát triển đồng đều và hoà hợp.

Sau đệ nhị thế chiến nhiều tổ chức cộng đồng địa phương được thành lập. Trong khi tại Mỹ Châu có tổ chức các quốc gia Mỹ Châu (Organization of American States : OAS) tại Tây Âu có cộng đồng kinh tế Tầu Âu (Communauté Economique de l'Europe Occidentale) thì về phía trời Đông các tổ chức cũng được khai sinh như Hội Đồng Á Châu và Thái Bình Dương (ASPAC), Hiệp Hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) Hội nghị các Tổng Trưởng Giáo Dục Đông Nam Á (SEAMEC) và tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á (SEATO) v.v....

Như vậy người ta thử đặt câu hỏi là Việt Nam Cộng Hoà đã trông đợi ở các tổ chức địa phương này những gì ?

- Trước tiên vì nhu cầu an ninh, Việt Nam Cộng Hoà là một quốc gia chống cộng. Để duy trì một quốc gia tự do và độc lập Việt Nam Cộng Hoà cần phải dẹp yên cuộc chiến tranh vô trang khuynh đảo, vì vậy chúng ta cần phải có Đồng Minh.
- Thứ hai vì nhu cầu thêm bạn bớt thù, vì không thể chiến đấu trong tư thế cô lập, chúng ta cần phải có sự ủng hộ của các quốc gia thân hữu, dư luận quốc tế cũng như cô lập phe địch. Do đó hợp tác địa phương là cần thiết.
- Thứ ba là nhu cầu phát triển, vì chúng ta thiếu vốn đầu tư, thiếu chuyên viên và kỹ thuật, máy móc, không đủ các tài nguyên cần thiết và thiếu cả thị trường. Do đó ngay từ bây giờ để ổn định kinh tế cho tương lai chúng ta cần phải có sự hợp tác quốc tế tương trợ.

Sau đây chúng tôi xin trình bày các tổ chức quốc tế mà mục đích và khuynh hướng nhằm kết hợp và phát triển các quốc gia trong vùng Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam chúng ta, song song với sự phân tích pháp lý của tổ chức tác giả xin trình bày những nhận xét về ảnh hưởng của tổ chức đó đối với Việt Nam Cộng Hoà chúng ta ra sao ?

ĐOẠN MỘT.- VIỆT NAM CỘNG HÒA VÀ CÁC TỔ CHỨC

ĐIÀ PHƯƠNG Á-CHÂU.-

Đối với các hội nghị tại Á Châu và Thái Bình Dương theo đường lối chung trong chánh sách của Việt Nam Cộng Hoà là thiết lập những mối dây liên lạc thân hữu và tăng cường sự hợp tác. Việt Nam Cộng Hoà hoàn toàn tán đồng mọi hội nghị quốc tế tại Á Châu và luôn luôn chen chân tham dự.

1.- Đối với hội nghị ASPAC.-

Hội nghị ASPAC (Asian and Pacific Council) thành lập vào tháng 6 năm 1964 do sáng kiến của Chính phủ Đại Hàn đề ra. Thành phần nòng cốt của các quốc gia hội viên gồm : Úc, Trung Hoa Dân Quốc, Nhật, Mã Lai Á, Tân Tây Lan, Phi Luật Tân, Việt Nam Cộng Hoà và Đại Hàn.

Khi đề xướng ý kiến trên, Đại Hàn có ý muốn ASPAC sẽ là một tổ chức chống cộng, nhưng một số hội viên (Nhật, Mã Lai Á) không tán thành, vì thế ASPAC hiện nay là một tổ chức hợp tác nặng về kinh tế, kỹ nghệ, văn hoá, xã hội.

Theo những mục tiêu hợp tác của các quốc gia hội viên. Hội nghị đưa ra một số nguyên tắc trong đó có những điểm chính sau đây :

- Tôn trọng chủ quyền quốc gia, độc lập chính trị và sự toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia hội viên.
- Thực hiện hoà bình và giải quyết các vụ tranh chấp bằng phương tiện hoà bình và trong sự tôn trọng luật pháp.
- Xây dựng cho các dân tộc Á Châu và Thái Bình Dương một tinh thần tự lực tự cường, phát triển trên ý niệm đồng chung vận mạng và tinh thần đoàn kết phục vụ.

Để thỏa mãn những nhu cầu trên Việt Nam Cộng Hoà đã chủ trương thực hiện công tác kinh tế, hợp tác kỹ thuật, văn hoá, xã hội với tổ chức ASPAC.

Bởi vì muốn hội nhập kinh tế chặt chẽ nhằm phát triển toàn bộ, có lẽ ta phải trở về với khu vực Đông Nam Á vì nơi đây có đủ điều kiện địa lý thuận lợi gần nhau, chung

biên giới, mục độ phát triển không quá chênh lệch. Cơ cấu kinh tế căn bản nông nghiệp sẽ bổ túc cho nhau nếu có một chương trình điều chỉnh hợp lý.

Hơn thế nữa trong số các hội viên của ASPAC hiện nay có Nhật Bản là cường quốc kỹ nghệ thứ ba trên thế giới. Sự hợp tác ASPAC sẽ mang lại cho Nhật một khu vực ảnh hưởng thiết thực. Quyền lợi của Nhật sẽ nằm trong sự giúp đỡ phát triển các quốc gia chậm tiến ở Á Châu. Do đó chính phủ Việt Nam Cộng Hoà có thể chờ đợi ở ASPAC những sự viện trợ kinh tế kỹ thuật quý báu.

Lĩnh vực hoạt động của Hội Đồng trong thời kỳ đầu chỉ chú trọng đến : các hình thức công tác kinh tế (economic cooperation) thông thường : cho vay viện trợ kinh tế, tài chánh, hỗ trợ, dự án đầu tư lập thương ước, phát triển các hợp tác kỹ thuật, văn hoá, giáo dục và xã hội, Hoà hợp cùng các công tác của các tổ chức quốc tế khác như Viện Á Kinh Ủy Hội (ECAFE), kế hoạch Colombo v.v...

Để thể hiện tinh thần trên Việt Nam Cộng Hoà đã ký kết hai quốc gia hội viên của ASPAC những thỏa ước viện trợ và cung cấp tín dụng để xử dụng trong các dự án khuếch trương (Thỏa ước ngày 17.10.1970 giữa Việt Nam Cộng Hoà và Nhật về việc trùng tu hệ thống thủy điện Danhim với ngân khoảng 300 triệu yens, thỏa ước ngày 4.6.70 giữa Việt Nam Cộng Hoà và Đại Hàn về việc thực hiện dự án dẫn thủy nhập điền tại Gò Công với kinh phí 300.000 US\$) (1).

Tóm lại, ASPAC đã biểu lộ ý chí tự cường của các quốc gia Á Châu và Thái Bình Dương. Vấn đề an ninh và phát triển trước kia chỉ trông chờ vào sự liên kết với một số đại cường trên thế giới. Ngày nay Á Châu trông đợi tương

(1) Hoạt động ngoại giao 1970, Ngoại Giao Kỳ Yếu, tr. 126.

lại thịnh vượng nhờ ở sinh lực, và cố gắng của chính mình. Chỉ trong một tổ chức thuần Á mới có thể mong nẩy nở được tinh thần tự túc và hợp tác thành thật và không có sự khống chế của các siêu cường.

11.- Đối với hội nghị SEATO.-

Giở lại trang sử của thời kỳ 1954 người ta thấy tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á (South East Asia Treaty Organization) được thành lập do sự đôn đốc của Hoa Kỳ muốn cùng một số cường quốc và các quốc gia Á Châu liên minh ngăn chặn làn sóng bành trướng của cộng sản theo chủ thuyết "Vay chận Cộng Sản" do ngoại trưởng J.F.Dulles chủ trương. Do đó Hoa Kỳ đã lôi kéo thêm 7 quốc gia Anh, Pháp, Úc, Tân Tây Lan, Hồi Quốc, Phi, Thái ký một hiệp ước Manila (1954) để thành lập tổ chức SEATO với ý định đem quân thay thế Pháp tại Đông Dương.

Mục tiêu thứ nhất của hiệp ước Manila là bảo vệ an ninh các quốc gia hội viên, các lãnh thổ của họ ở Thái Bình Dương và các quốc gia được chỉ định bảo vệ (Kampuchea, Ai Lao, Việt Nam).

Mục tiêu thứ hai là các quốc gia hội viên cam kết hợp tác để phát triển kinh tế vùng và nâng cao đời sống xã hội.

Điểm tiến bộ trong liên phòng Đông Nam Á là chú trọng đến các hoạt động phá hoại. Điều 2 hiệp ước có tính cách phòng ngừa các hoạt động thâm nhập và phá hoại. Điều 4 quan trọng hơn nếu có sự kiện nào có thể làm hại cho hoà bình trong vùng, các quốc gia hội viên sẽ tham khảo ý kiến và đưa ra các biện pháp phòng thủ. Sau hết là đối với các quốc gia được bảo vệ, các quốc gia hội viên không thể có hành động đơn phương nào "trừ khi có sự yêu cầu và đồng ý của chính phủ liên hệ.

Như vậy theo tinh thần hiệp ước Manila, Hội nghị SEATO đã thực hiện được gì cho Việt Nam trong những năm qua và Việt Nam Cộng Hoà trong đời ở SEATO những gì ?

Chúng ta phải thành thật công nhận rằng hoạt động của Liên Phòng Đông Nam Á trong những năm qua đã bất lực trước cuộc chiến tại Việt Nam. Từ năm 1961 cuộc chiến tại đây leo thang rõ rệt, tổ chức SEATO cũng không có một hành động cụ thể nào chứng tỏ khả năng phòng thủ của mình. Rốt cuộc chỉ có Hoa Kỳ đơn phương gia tăng viện trợ quân sự và kinh tế cho Việt Nam. Từ năm 1965 trở đi, chiến tranh càng gia tăng mạnh mẽ với sự xâm nhập bộ đội Cộng sản vào Nam Việt Nam, tuyệt nhiên liên phòng Đông Nam Á cũng không cải thiện tình hình Việt Nam ngoại trừ việc tuyên bố ủng hộ lập trường Hoa Kỳ tại Việt Nam (Hội Đồng Ngoại Trưởng năm 1969) cho đến khi Hoa Kỳ đã quyết định đơn phương đem quân vào Nam Việt Nam đầu năm 1965. Để bảo đảm nền an ninh cho Việt Nam Cộng Hoà sau khi Hoa Kỳ đưa ra chính sách giải kết toàn bộ quân sự tại Đông Dương, Việt Nam Cộng Hoà có thể trông cậy vào vai trò của SEATO trong những năm sắp tới, nếu SEATO được cải tổ lại.

Trước tiên SEATO được mở rộng bao gồm các quốc gia chống cộng ở Á Châu, Thái Bình Dương (trong đó có Việt Nam Cộng Hoà) và các cường quốc có quyền lợi tại vùng này. (Hoa Kỳ, Úc, Tân Tây Lan, Anh).

Thứ đến để có sức mạnh cụ thể các quốc gia hội viên ký kết với nhau một minh ước (theo minh ước NATO) theo đó SEATO cần phải có một quân đội thường trực do các quốc gia kết ước cung cấp để có thể chống lại mọi cuộc tấn công hay khuynh đảo vũ trang của Cộng Sản.

Tóm lại, Việt Nam Cộng Hoà sẽ phải mạnh bạo gạt bỏ những mặc cảm ràng buộc của hiệp định Genève 54. Bắc Việt đã tráng trợn vi phạm hiệp định này ngay sau khi ký kết, Việt Nam Cộng Hoà có quyền tự vệ chính đáng, do đó Việt Nam Cộng Hoà cần có một tổ chức quốc tế thực sự hữu hiệu bảo vệ.

III.- Đối với hội nghị ASEAN.-

Một tổ chức địa phương cần được đề cập tới là Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Hiệp Hội được thành lập vào tháng 8/1967 tại Bangkok do sáng kiến của Tổng - Thống Suharto. Thành phần hội viên gồm năm quốc gia : Phi luật Tân, Indonésia, Singapore, Mã lai Á. Thái Lan.

ASEAN là một tổ chức hợp tác kinh tế nhằm phát triển các lãnh vực thương mại và kỹ nghệ của các quốc gia hội viên. Ngoài mục đích trên ASEAN còn là một tổ chức kết hợp các quốc gia hội viên. Ngoài mục đích trên ASEAN còn là một tổ chức kết hợp các quốc gia trong vùng Đông Nam Á với nhau hầu tạo nên một sức mạnh tinh thần và thực lực vững mạnh khả dĩ ngăn chặn được mọi mưu toan phiến động từ bên ngoài cũng như trong vùng phát sinh.

Năm 1968 cuộc khủng hoảng giữa Mã Lai Á và Phi Luật Tân (vụ tranh giành lãnh địa Sarawak và Sabah) đã làm đình trệ ASEAN trong khoảng 1 năm. Tới tháng 12/1969 hai quốc -

gia Phi và Mã đã tái lập bang giao và Hội Đồng Tổng Trưởng ASEAN được tái họp tại Mã Lai Á - Việt Nam Cộng Hoà được mời giới quan sát viên tham dự. Hội nghị này đã thực - hiện được những bước tiến quan trọng to lớn : chấp thuận 98 dự án công tác, nhằm phát triển giao thương, khuyến khích đầu tư, công tác tư nhân và tiến dần đến mậu dịch, mở mang du lịch cùng nhiều công tác về các lãnh vực khác.

Vì nhu cầu phát triển quốc gia, Việt Nam Cộng Hoà chủ trương vận động gia nhập hiệp hội ASEAN và trong dịp tham dự hội nghị cấp Tổng Trưởng khối 77 tại Lima (Pérou) từ ngày 25/10 đến 7/11/71 phái đoàn Việt Nam Cộng Hoà có tiếp xúc với phái đoàn thuộc Hiệp hội ASEAN để thảo luận vấn đề này (1).

(1) Hoạt động ngoại giao 1971, Ngoại Giao Ký yếu, tr. 27.

Hơn thế nữa nếu Việt Nam Cộng Hoà được gia nhập vào ASEAN có thể vận dụng hiệp hội này mở rộng hơn bao gồm toàn thể các quốc gia Đông Nam Á để tiến tới Thị trường chung Đông Nam Á. Sự chuẩn bị để tiến tới thị trường chung sẽ lâu dài và cần nhiều nghị lực. Bởi vì Đông Nam Á có nhiều khó-khăn như dị biệt ý thức hệ, bất ổn chính trị, phá hoại của Cộng sản, mâu dịch ít ỏi giữa các nước nghèo, nền kinh tế thiếu tính cách bổ túc v.v...

Tuy nhiên, thị trường chung Đông Nam Á phải gạt bỏ Nhật Bản và Ấn Độ ra ngoài, ít nhất cho tới khi các quốc gia hội viên thật sự phát triển. Nhật quá tiến bộ và có nhiều khả năng áp đảo, Ấn lại to lớn sẽ khuynh loát các quốc gia nhỏ. Nếu chấp nhận họ vào thị trường chung Đông Nam Á sẽ chỉ là nơi cung cấp nguyên liệu, nhân công rẻ cùng là thị trường tiêu thụ.

Song song với phương diện kinh tế, hiệp hội ASEAN trong tương lai có thể sẽ trở thành một tổ chức có tính cách liên minh quân sự theo như sự tin tưởng của Tổng Thống Suharto vì một khi "thế lực quân sự của các cường quốc sớm muộn gì cũng sẽ rút khỏi vùng Đông Nam Á và sự đi diên thế thích hợp nhất và bảo đảm hữu hiệu nhất cho sự ổn định của vùng này sẽ không ngoài ASEAN" (1).

Tháng 8/1972 Ngoại Trưởng Indonésia cho biết rằng Hoa Kỳ, Việt Nam Cộng Hoà, Kampuchea và Ai Lao chấp thuận đề nghị 6 điểm do hiệp hội ASEAN đưa ra nhằm giải quyết chiến cuộc Việt Nam.

Tuy nhiên, Chánh phủ Việt Nam Cộng Hoà đã bác bỏ một phần đề nghị này theo đó Ngoại Trưởng Trần văn Lãm

(1) Nguyễn Mạnh Hùng, "Tu thế Nam Dương tại Đông Nam Á", NCHC, tr. 54-55.

cho biết vẫn còn sự khác biệt căn bản giữa giải pháp ASEAN và chính sách Việt Nam Cộng Hoà (1).

Tóm lại, về phương diện phát triển kinh tế chúng ta cần phải gia nhập và điều hướng sinh hoạt của hiệp hội ASEAN, ASPAC nhờ vào đó để tiến tới hội nhập kinh tế cộng tác văn hoá, xã hội, tạo điều kiện phát triển toàn diện và tối đa kinh tế Việt Nam Cộng Hoà. Về phương diện phòng thủ và tự vệ Việt Nam Cộng Hoà phải trông chờ vào sự bảo vệ của các liên minh quân sự. Mặc dầu trên bình diện pháp lý chúng ta đang được Minh ước Liên phòng Đông Nam Á che chở. Nhưng kinh nghiệm cho thấy, chúng ta cần phải có một tổ chức cộng đồng an ninh hữu hiệu hơn. Vì quyền lợi của chính ta và các quốc gia tự do vùng này, chúng ta cần phải Cải tổ SEATO và tìm kiếm một minh ước hoàn hảo hơn.

ĐOẠN HAI.- VIỆT NAM CỘNG HOÀ VÀ CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ KHÁC.-

Ngoài những tổ chức địa phương Á châu trên Việt Nam Cộng Hoà còn hợp tác với các tổ chức quốc tế khác như Liên Hiệp quốc, hội nghị các quốc gia đồng minh tham chiến tại Việt Nam, hội nghị cấp Tổng Trưởng khối 77 tại Lima.

I.- Với với Liên-Hiệp-Quốc.-

Mặc dù chưa được chính thức gia nhập Liên Hiệp Quốc vì bị Nga đố nhiều lần dùng quyền phủ quyết bác bỏ, Việt Nam Cộng Hoà cũng đã là hội viên chính thức của nhiều tổ chức chuyên môn của Liên Hiệp Quốc. Cho đến nay Việt Nam :

(1) Đuốc Nhà Nam, 22/8/72, số 1110.

Cộng Hoà đã gia nhập 5 tổ chức đặc biệt và 13 tổ chức chuyên môn của Liên Hiệp Quốc. Ngoài các tổ chức Quỹ Nhi Đồng Quốc Tế, cơ quan văn hoá giáo dục và khoa học, đặc biệt chúng ta phải kể đến Viên Á Kinh Ủy Hội (ECAFE), Viên Á Kinh Ủy Hội đã đỡ đầu nhiều tổ chức và chương trình hợp tác rất hữu ích cho Việt Nam Cộng Hoà, thí dụ : Ngân Hàng Phát Triển Á Châu (ADB), Ủy Ban phối hợp nghiên cứu Hạ lưu sông Cửu Long (MCC), Chương trình thiết lộ và xe lộ Á Châu v.v...

Chủ trương của Việt Nam Cộng Hoà đối với Liên Hiệp quốc là cố vận động gia nhập vào tổ chức quốc tế này, và hợp tác với các tổ chức chuyên môn Liên hiệp quốc mục đích có thể trong cậy vào những hình thức tài trợ cũng như viện trợ mà tổ chức mang lại.

Đối với Ngân hàng Phát triển Á châu với số vốn lớn lao (1 tỷ Mỹ kim) Việt Nam Cộng Hoà có thể vay một ngân khoản nào đó cho những dự án phát triển (trong 1970 Việt Nam Cộng Hoà đã vay 2,5 triệu Mỹ kim để thực hiện một số dự án ngư nghiệp với lãi suất 2,5%).

Đối với chương trình khai thác hạ lưu sông Cửu Long sẽ giúp cho Việt Nam Cộng Hoà cùng các quốc gia bạn (Thai Lan, Ai Lao, Kampuchea) phát triển kinh tế (khai thác tránh lụt, cung cấp điện lực rẽ tiền, lưu thông dễ dàng).

Đối với chương trình thiết lộ và xe lộ Á Châu Việt Nam Cộng Hoà có thể phát triển giao thông trên lục địa về xe lộ và thiết lộ.

Ngoài sự hợp tác các tổ chức chuyên môn trên Việt Nam Cộng Hoà còn cử đại diện tham dự nhiều hội nghị do tổ chức Liên Hiệp Quốc triệu tập (hội nghị Hồng Thập Tự quốc tế kỳ 21 tại Istamboul từ 29.8. đến 13.9.1969, phiên họp do Nguyên tử Lực cuộc quốc tế tổ chức tại Vienne từ 1 đến 5.12.1969 v.v...).

II. - Đối với các tổ chức quốc tế khác. -

Ngoài những tổ chức quốc tế quan trọng vừa kể Việt Nam Cộng Hoà chọn chên tham dự những tổ chức quốc tế khác nhằm mục đích thỏa mãn những nhu cầu an ninh, thêm bạn bớt thù, và hợp tác kinh tế.

Đối với Hội Nghị Liên Hiệp nghị sĩ Á Châu (APU) Việt Nam Cộng Hoà là một quốc gia hội viên, ngoài những mục đích hợp tác kinh tế, văn hoá, giao thông, Việt Nam Cộng Hoà còn nhấn đến sự hợp tác thân hữu giữa các quốc gia Á Châu và Thái bình Dương trong công cuộc chống Cộng.

Đối với Hội nghị các quốc gia đồng minh tham chiến tại Việt Nam nó bắt nguồn từ hội nghị Thượng đỉnh Manilla 1966 chính phủ Việt Nam Cộng Hoà chủ trương kêu gọi sự hợp tác về an ninh và phòng thủ bằng những biện pháp cụ thể vào Nam Việt Nam. Hội Nghị này gồm có các quốc gia hội viên Hoa Kỳ, Úc, Tân Tây Lan, Đại Hàn, Thái Lan, Việt Nam Cộng Hoà.

Từ năm 1965 Hội nghị này đã dùng biện pháp mạnh đưa quân tham chiến tại Việt Nam và trợ giúp kinh tế cho Việt Nam Cộng Hoà để tái thiết.

Đối với Hội nghị cấp Tổng Trưởng khối 77 chính phủ Việt Nam Cộng Hoà chủ trương hợp tác về mậu dịch, phát triển về chuyên môn : hàng hải, khai thác tài nguyên ở biển. Hội nghị này bao gồm các quốc gia kém mở mang (có cả các quốc gia cộng sản : Cuba, Algérie, Chili, Hồi Quốc v.v... tham dự).

Tóm lại, Việt Nam Cộng Hoà luôn luôn tiến đồng và hiện diện tại các tổ chức quốc tế hầu có thể đem lại kết quả về phương diện chính trị, kinh tế cũng như ngoại giao, đặc biệt là đánh dấu sự có mặt của ta trong sinh hoạt chung của thế giới đệ tam, và đóng góp đáng kể trong sự hội nhập kinh tế về mặt dịch cũng như phát triển.

PHẦN THỨ BA

**nhận xét về
chính sách ngoại giao
thử quan niệm lại
chính sách trong tương lai**

CHƯƠNG MỘT

NHẬN XÉT VÀ ĐỀ NGHỊ

I. - Nhận xét. -

a. - Nhận xét về chính sách ngoại giao. -

Như trình bày ở phần đầu Việt Nam Cộng Hoà có một chính sách khá rõ ràng với những nguyên tắc căn bản những mục tiêu lớn và những đường lối thực hiện. Sau đây chúng tôi xin đưa ra vài khuyết điểm của chính sách ngoại giao ta.

1 - Quá cứng rắn trong việc tranh thủ tính cách chính thống. -

Khuyết điểm này đã thu hẹp phạm vi bang giao của Việt Nam Cộng Hoà đồng thời giúp cho Cộng sản có cơ hội tung tay tác trên trường quốc tế. Điển hình là vào năm 1963 Toà Đại sứ Việt Nam Cộng Hoà ở Ai Lao đã đóng cửa vì nhận thấy chính phủ Lào công nhận Hà Nội. Càng sai lầm hơn nữa khi Việt Kiều ở Ai Lao rất đông và chính phủ Ai Lao vốn thiên về phía Việt Nam Cộng Hoà nhiều hơn nhưng vì ở cái thế phải công nhận cả hai miền Nam Bắc Việt Nam như hai quốc gia riêng biệt sau khi Ai Lao bị đặt vào thế Trung Lập hoà bởi Hiệp định Genève 1962.

Sự không chấp nhận nguyên tắc lưỡng đại diện đã nói lên chính sách cứng rắn của thời đệ I Cộng nhằm tranh thủ bằng mọi giá cho miền Nam tính cách chính thống về pháp lý quốc tế, dù trong một tình thế không thể tranh thủ được. Cũng vì vậy sau một thời gian đình trệ, chính phủ lại phải bỏ nhiệm đại sứ tại Ai Lao vào năm 1965.

Dưới thời đệ II Cộng Hoà, chính phủ đã không còn cứng rắn trong việc tranh thủ tính cách chính thống về pháp lý trước quốc tế nữa. Ngay cả đối với thái độ thù nghịch của Ấn trong việc thiết lập bang giao lên cấp bậc đại sứ - quán riêng với Hà Nội gần đây, Việt Nam Cộng Hoà cũng chưa tính đến chuyện bãi bỏ quan hệ Tổng lãnh sự giữa Việt Nam Cộng Hoà và Ấn Độ. Điều này cho phép chúng ta hy vọng rằng trong tương lai chúng ta có thể "hiện diện khắp nơi" đặc biệt là trong các quốc gia khối đệ tam.

2 - Quá cứng rắn trong chủ trương chống Cộng.-

Nói đến chính sách, chúng ta không thể bỏ quên cá tính nhân vật định đoạt chính sách và đó cũng là điều mà tác giả Charles P. Schleichler đã chủ trương trong tác phẩm "Introduction to International Relations" của Ông. Điều này càng thấy rõ trong chính sách ngoại giao cứng rắn của thời đệ nhất Cộng Hoà vốn chịu ảnh hưởng bởi cá tính của Tổng Thống Diệm. Tổng thống Diệm vốn là một tín đồ công giáo, anh ruột ông là Tổng Giám Mục và bản thân của ông cũng được đức Hồng Y Spellman hết lòng ủng hộ. Đã vậy anh và cháu ruột của ông Diệm bị Cộng Sản tàn sát năm 1945. Vì thế lập trường chính trị của ông rất cứng rắn đối với Cộng Sản, quyết liệt đến độ ông chỉ trích luôn cả khuy nh hướng phi liên kết và Trung lập thể hiện qua những nguyên tắc sống chung hoà bình tại hội nghị Bandung 1955. Vì vậy dưới mắt khối Quốc gia đệ tam Việt Nam Cộng Hoà là một quốc gia hiếu chiến và lệ thuộc vào cường quốc Hoa Kỳ. Nhận định đó dù sao cũng có phần chủ quan, nhưng cũng đã gây bất lợi cho Việt Nam Cộng Hoà trên trường quốc tế không ít. Đã vậy dưới thời đệ II Cộng Hoà lập trường cứng rắn Tổng Thống Thiệu trong qui

điều "4 không" cũng như tại quốc nội ông sẽ lên án những ai nói đến Trung Lập, Liên hiệp với cộng sản đã vô tình củng cố niềm xác tín của thế giới đệ tam thêm.

Tuy nhiên gần đây Tổng Thống Thiệu đã có vẻ uyển chuyển hơn khi ông tuyên bố "không muốn chấp nhận Trung - lập theo kiểu Cộng sản" vào ngày 5.8.1971. Và gần đây trong cuộc tiếp xúc với báo chí Pháp ngày 6.3.72 Đại sứ Phạm Đăng Lâm đã tuyên bố "Chính phủ Việt Nam Cộng Hoà tán đồng hoàn toàn những mục tiêu hoà bình đã được nêu ra trong bản thông cáo chung Hoa Mỹ mà những điểm chính là sự sống chung hoà bình giữa các nước mặc dầu chế độ chính trị và xã hội khác nhau và chống lại mọi hình thức quyền bá chủ của bất cứ cường quốc nào ở Á châu". Hy vọng rằng những sự uyển chuyển đó sẽ giúp cho các nhiệm sở ngoại giao Việt Nam Cộng Hoà ở ngoại quốc đã ăn nói trong việc tranh thủ khối quốc gia đệ tam.

3 - Chủ quyền và quốc thể chưa được tôn trọng.-

Trong những năm qua người ta nhận thấy rằng Hoa Kỳ, Phi Luật Tân, Đại Hàn không tôn trọng luật lệ nhập cảnh, luật lao động, tài chánh, thuế khoá Việt Nam Cộng Hoà. Nghi lễ ngoại giao bảo đảm quốc quyền và quốc thể của các quốc gia nhỏ yếu không được tôn trọng đúng mức bởi các đại diện ngoại giao, các ngoại kiều. Đôi khi sự kiện đó cũng do sự dễ dãi của một số nhà chức trách Việt Nam. Ở trong nước đã như vậy, ở quốc tế người ta có cảm tưởng Việt Nam Cộng Hoà bị lệ thuộc ngoại bang có phần không sai sự thật.

4 - Đường lối bị động của chính phủ.-

Vì thiếu những đường lối thực tế, nên ngoại giao đã ở thế bị động, rụt rè khi cần phải giải quyết những vấn đề tế nhị (giao hảo với Mặt Trận giải Phóng Algérie 1954) hay có khi nhận thấy sự ảnh hưởng của Cộng sản Bắc Việt tại quốc gia nào lúc bấy giờ Việt Nam Cộng Hoà mới phản ứng sau,

(tại Trung Phi) đã thể đường hướng vận động không tích cực để đối phó các hoạt động của sự tuyên truyền Cộng sản. (Giả dụ Bắc Việt xuất bản báo Le Courrier du Vietnam bằng Anh và Pháp ngữ và phổ biến hầu hết trong khối Tự Do, trong khi đó các sứ quán Việt Nam Cộng Hoà chỉ phát thanh lễ tế ban tin quay Ronéo mỗi tháng hay nửa tháng một lần).

5 - Không đạt năng sự hiện diện và tranh thủ với Bắc Việt tại các quốc gia Phi liên kết.-

Tuy theo đuổi một chính sách hiện diện, nhưng việc áp dụng quá cứng rắn đã không đạt được kết quả gì. Việt Nam Cộng Hoà hầu như đã mất sự hiện diện của mình tại các quốc gia Trung lập và quốc gia khuynh hướng lưng chừng. Giả sử như sự hiện diện của ta coi như không có tại Đông Phi, trong khi đó lại quá nhiều tại Trung Phi, vùng Cận đông sứ quán ta đặt không đúng chỗ. Từ năm 1963 Việt Nam Cộng Hoà đã không mở thêm nhiệm sở nào ở các quốc gia phi liên kết ngược lại phía Bắc Việt và Mặt trận Giải phóng đã dùng mọi thủ đoạn hiện diện tại nhiều nơi trên thế giới.

b.- Nhận xét về ngoại giao.-

1 - Eo hẹp về phương diện tài chánh.-

Như chúng ta đã biết, cuộc chiến tranh diễn ra tại Miền Nam không chỉ đơn thuần về mặt quân sự mà nó còn mang nặng về khía cạnh thông tin, tuyên truyền. Cuộc chiến này đã lôi kéo sự chú ý của toàn thể thế giới vào những sự phê phán khác nhau. Trong hoàn cảnh như vậy, vấn đề thông tin tuyên truyền hai ngoại phái thực sự coi như cần thiết. Nhưng ngân sách Bộ Ngoại Giao cho tới năm gần đây nhất cũng chỉ vào khoảng từ 0,6% - 0,7% tổng số ngân sách QG. trong khi ngân sách của Cộng Sản Bắc Việt chiếm đến 4% ngân sách quốc gia. Điều này là một trở ngại cho sự bành trướng các toà đại diện Việt Nam Cộng Hoà về mặt phát triển thêm cơ sở, đặt thêm những phương tiện thông tin nhanh chóng hay thu dụng nhân viên.

2 - Yếu kém về thành phần nhân sự.-

Về lượng nhân viên ngoại giao còn quá ít so với nhu cầu, một phần vì ngân sách eo hẹp, một phần vì sự đào tạo khó khăn và lâu dài, phần khác vì sự đào nhiệm của một số nhân viên ngoại giao Việt Nam Cộng Hoà ở hải ngoại.

Về phẩm, dù rằng từ năm 1965 sự tuyển chọn nhân viên ngoại giao có tính cách chọn lọc với kỳ thị khác khe và những lớp huấn luyện kỹ lưỡng, chúng tôi vẫn chưa thấy phẩm chất ngoại giao được cải thiện. Có cải thiện chăng về kiến thức công pháp quốc tế, những thủ tục điều hành hay là lối sinh hoạt tại những quốc gia trú sở. Vấn đề quan trọng là làm sao trang bị cho trưởng nhiệm sở ngoại giao một tinh thần chuyên nghiệp, tích cực và thiện chí nhằm thay đổi tính chất tiêu cực, chậm lụt của ngành ngoại giao hiện nay. Như nhận xét của ông Nguyễn thiên Bình trong bài "Công sản Việt Nam và vấn đề ngoại vụ" đã đưa ra "Một phần không nhỏ những nhiệm sở ngoại giao thời đệ I Cộng Hoà được trao phó cho những người thân tín của vị lãnh tụ quốc gia để vừa củng cố cá nhân lãnh tụ, vừa làm giàu và hưởng nhận, mặt khác cũng có thể là nơi lưu đày của những chính trị gia, những tướng lãnh, những công chức cao cấp bị thất sủng trong nước".

3 - Thiếu hỗ trợ bằng một hình ảnh thực tế hay tốt đẹp cho quốc gia.-

Tất cả những nỗ lực về thông tin, tuyên truyền chỉ đem lại một kết quả khiêm tốn, một trong những lý do khiến những nỗ lực của Bộ Ngoại Giao không đem lại kết quả mong muốn là vì thiếu sự hỗ trợ bằng một hình ảnh thực tế tốt đẹp của quốc gia. Chưa độc lập về chính trị đối với Hoa Kỳ, chưa độc lập về kinh tế, chưa đủ mạnh để đối với quốc gia Trung lập hay những thành phần đối lập trong nước, chưa ngăn chặn được những hành vi hay lời nói của Đồng Minh có tính cách xâm phạm đến chủ quyền của quốc gia, và chưa giải

quyết được những sĩ căng đàn từ vụ Thái Khắc Chuyên cho đến vụ Sơn Mỹ thì làm sao hệ ngoại giao có thể mang lại được những hình ảnh tốt đẹp của quốc gia mình để trình bày trước ngoại quốc ? Và đúng như nhận định của Giáo sư Nguyễn mạnh Hùng qua bài "Tuyên truyền trong bang giao quốc tế" theo đó "trong chính trị quốc tế người ta không thể che dấu sự thật được lâu và trong một quốc gia dân chủ tuyên truyền không thể được xây dựng trên toàn sự dối trá". Thành thử trong trường kỳ quốc gia phải luôn luôn cải tiến để xứng đáng với hình ảnh tuyên truyền của mình và để duy trì những thành - quả mà tuyên truyền thu lượm được.

4- Thiếu chỉ huy đôn đốc thanh tra yểm trợ cho các nhiệm sở.-

Một số trường nhiệm sở vì không quen thuộc với luật lệ ngoại giao, thế lệ kế toán, hoặc ý lại vào sự quen biết của mình đã vi phạm các luật lệ hiện hành. Ngược lại trung ương không cử nhân viên đi thanh tra, đôn đốc, cho nên khi biết được nhân viên phạm nhiều lỗi lầm thì quá chậm trễ giải quyết (thiếu chỉ thị, thiếu tin tức, thiếu tài liệu, thiếu lý luận công tác...).

Trung ương không đặt vấn đề để yểm trợ các nhiệm sở nào cần phải hoạt động mạnh trong một thời gian hay một giai đoạn nào đó. Trung ương coi các nhiệm sở đều có tầm quan trọng như nhau, đôi khi còn có tình trạng ngược lại như : nhiệm sở ít quan trọng được tăng cường nhân viên, nhiệm sở trọng yếu thì xin phương tiện không được.

5 - Nền ngoại giao nệ cổ.-

Hoạt động các sứ quán chỉ xoay quanh các nhân vật chính quyền, chuyên chú về hoạt động ngoại giao của chánh phủ, ít khi chú ý tới hoạt động của các đảng phái chính trị, các đoàn thể gây áp lực như nghiệp đoàn, hiệp hội hoặc sự hoạt động không được nói rộng ra các giới Quốc Hội, quân -

nhân. Một nền ngoại giao nệ cổ như vậy đã làm lỡ đi nhiều cơ hội để xoay thế cờ thuận lợi cho ta tại các nước Á Phi. Nhân viên sở quan lại ngại trách nhiệm không dám vận động với quốc gia sở quan để thuyết trình, tranh luận tại các buổi hội thảo, đại phát thanh, vô tuyến truyền hình.

II.- Đề nghị về ngoại giao.-

1)- Những biện pháp cấp thời.-

Cần có sự phối hợp thực sự giữa các cơ quan trong Bộ ngoại giao. Trong hiện tình mọi sự phối hợp giữa các cơ quan trong Bộ Ngoại Giao chỉ có tính cách giấy tờ. Chúng tôi quan niệm cần có những cuộc họp hàng tuần hay hàng tháng giữa các nhiệm sở trong cùng một khu vực và giữa các khu vực với nhau. Căn cứ trên tổ chức hiện tại của Bộ Ngoại Giao Việt Nam Cộng Hoà, chúng tôi chủ trương các nha chính trị Âu Châu, Phi Châu, Á Châu và Úc Châu, Mỹ Châu và Liên Hiệp Quốc cần hội họp hàng tuần hay hàng tháng dưới sự dẫn dắt của Nha Tổng Thư Ký để trao đổi kinh nghiệm giữa các nhiệm sở hầu cải tiến phương pháp làm việc cũng như các Nha cần phối hợp với nhau để thông tin các văn kiện, hợp tác các hoạt động, bổ khuyết các thiếu sót và chia sẻ các kinh nghiệm.

Cần trừ liệu tăng cường nhân viên, phương tiện và quyền hạn cho đoàn thanh tra các sứ quán (thay vì chỉ có năm người như hiện nay) để có thể "hiện diện khắp nơi" với những đề nghị thăng thưởng và chế tài chính đáng hầu kích thích sự làm việc của các nhân viên ngoại giao ở ngoại quốc.

Cần một sự phối hợp giữa Bộ Ngoại Giao và các cơ quan khác trong nước.

Một sự phối hợp giữa Bộ Ngoại Giao và các cơ quan khác trong nước như Bộ Thông Tin, Bộ Chiêu hồi, Bộ Văn Hoá giáo dục, Bộ Kinh tế, Bộ Tài chánh, Bộ quốc Phòng v.v....

Một phần để tránh những chuyện trống đánh xuôi kèn thổi ngược. Một phần nhằm trù liệu gởi các chuyên viên Việt Nam Cộng Hoà sang giúp các nước Á Phi chậm tiến. Phần khác để ấn định một kế hoạch tuyên truyền vận động tại hải ngoại với sự thành lập ở ngoại quốc các phòng thông tin, phòng thương mại, các cơ sở văn hoá, các cơ sở báo chí, các tổ chức thân hữu, các trại hè sinh viên cũng như trù liệu việc liên kết huynh đệ giữa các thành phố lớn và các cuộc trao đổi văn hoá, nghệ thuật, kỹ thuật.

2)- Những biện pháp dài hạn.-

Trước hết chúng ta cần phải duyệt xét lại việc bổ nhiệm các nhân viên ngoại giao. Vị lãnh đạo Quốc gia cần quan niệm sự bổ nhiệm đó là nhằm vào quyền lợi quốc gia chứ không nên cho đó là một cơ hội để ban phát ân huệ hay để chế tài một viên chức chống đối. Bởi vì trong những năm qua, trường nhiệm sở xuất thân không phải bằng những nhà ngoại giao chuyên nghiệp mà là những quân nhân thất sủng đối với chế độ hoặc chính trị gia lỗi thời. Do đó họ làm việc trong sự bất mãn hơn là thật tâm và thiện chí.

Kể đến, cần tăng cường ngân sách cho Bộ Ngoại Giao để có đủ phương tiện và nhân viên hầu hoạt động hữu hiệu hơn.

Phải có một chương trình dài hạn huấn luyện nhân viên trước khi nhận trọng trách giữ một chức vụ tại nhiệm sở nào, thông thường Bộ Ngoại giao trong mấy năm qua chỉ tổ chức thi vào tham vụ Ngoại giao, qua một lớp tu nghiệp cấp tốc rồi bổ nhiệm, thành thử căn bản về ngoại giao rất yếu kém, phải có một chương trình dài hạn trong 2, 3 năm cho những viên chức ngoại giao hầu trang bị hành trang về kiến thức và nghi lễ trong tinh thần chuyên nghiệp và phục vụ.

Sau cùng điểm căn bản vẫn là làm sao kiến tạo một hình ảnh thực tế tốt đẹp ở trong nước để hỗ trợ cho công-

cuộc tuyên truyền ở ngoại quốc. Chúng tôi muốn nói đến một quân lực hùng hậu thiện chiến, một nền chính trị độc lập dân chủ, một nền kinh tế tự túc vững chắc và một nền hành-chánh trong sạch và hiệu năng.

..

Tóm lại, Việt Nam Cộng Hoà chúng ta vẫn còn thiếu sót về chính sách cũng như ngoại giao chưa được cải to quá cầu nệ cố truyền đã đưa uy tín của Việt Nam Cộng Hoà sút giảm rất nhiều trên trường quốc tế. Trong tương lai gần, chúng tôi thiết nghĩ giới chức có trách nhiệm nên cải to toàn diện về chính sách, cơ cấu cũng như nhận sự hậu đáp ứng mọi nhu cầu mà quốc gia cần phải có trên chính trường quốc tế.



C' UỐNG HAI

THỦ² QUAN NIỆM LẠI
CHÁNH SÁCH NGOẠI GIAO
TRONG TƯỞNG - LẠI

Thế cờ chính trị ngày một thay đổi, quan niệm "cuộc sống ốc đảo đã lỗi thời", nhìn vào chứng trình lịch sử bang giao qua các thời đại người ta nhận thấy rằng dù nhân danh ý thức hệ nào, dù nhân danh chủ nghĩa nào, để đứng lên lập thành những cuộc chiến đại dạng như "chiến trường túi nhục" của miền Nam Việt Nam, thì tới một lúc nào đó trở nên lỗi thời.

Thử hỏi trên thế giới này có một dân tộc nào nhỏ nhất mà cứ tưởng mình chiến đấu cho cái gọi là "Tương lũy của Tự do" suốt 25 năm một cách sống sượng như vậy không? Nhìn đàn anh khổng lồ của chúng ta có mang cái ân nghĩa to lớn đó mà chúng ta đã gồng mình gánh chịu hay không? Thật là đau đớn cho cả một dân tộc. Ngay quốc hồn quốc túy của chúng ta ngày nay nếu có nhắc thì lại tự tôn với 4.000 năm văn hiến với lịch sử, Quang Trung, Trần Hưng Đạo oai hùng. Chúng ta quá nhìn về dĩ vãng để tự hào cho tương lai, trong khi đó chúng ta quá lạc quan đến độ hiểu sai lầm đi giá trị của lịch sử. Chúng ta có thể chấp nhận sai lầm 100 người, nhưng chúng ta không thể chấp nhận sai lầm cả một thế hệ, thế hệ của tuổi trẻ, thế hệ bị đầu độc từ lúc lọt lòng mẹ, bị lớp người đi trước nhân danh này nọ để rồi lỗi kéo họ triển miên hy sinh cả một đời người vào tương lai vô định! Để chứng thực điều đó quý vị hãy nhìn lại thế cờ chính trị trong thập niên 1965 - 1975 ra sao để chúng ta có thể kịp thời quan niệm lại đường hướng riêng cho dân tộc chúng ta hầu thoát khỏi gọng kềm của hai khối.

ĐOẠN MỘT.- THẾ CỜ CHÍNH TRỊ TRONG THẬP NIÊN 1965-1975.-

Như chúng tôi đã phân tích từ Chương dẫn nhập. Trước thập niên 1950 - 1960 thế cờ chính trị được phân thành hai khối lưỡng phân có tính cách hết sức cứng rắn theo đó những quốc gia không Cộng sản đều bị Nga xem như là "bù nhìn của đế quốc" và các quốc gia Trung lập bị ngoại trưởng J.F. Dulles cho là "Thái độ vô luân". Tính cách cứng rắn này đã giảm dần từ khi sự xuất hiện ngày càng nhiều của các quốc gia tân lập với đường lối ngoại giao phi liên kết tạo thành một khối quốc gia thứ ba. Tuy nhiên thế cờ chính trị vẫn còn chủ động trong hai siêu cường nguyên tử bởi họ có khả năng gây nên chiến, hoà cho thế giới.

Kịp đến khi sự trưởng thành của Trung Cộng thế lưỡng phân đã dần dần biến thế. Với dân số 800 triệu lớn nhất thế giới, với diện tích rộng không kém Nga Mỹ và sự lớn mạnh về nguyên tử của con "Rồng đỏ" đã tỉnh ngủ, đã nghiêm nhiên thành thế tay 3 trong chính trường quốc tế.

Đứng trước sự biến chuyển tình hình quốc tế trên các chính sách ngoại giao đã thay đổi trước tiên từ các siêu cường, thứ đến là hàng ngũ các quốc gia đệ tam. Sự thay đổi này có ảnh hưởng đến nhân loại trong thập niên 1965 - 1975 hiện nay.

1 - Trước tiên nói đến sự chuyển hướng chính sách Hoa Kỳ, nó là nguồn gốc mọi sự chuyển hướng toàn diện các bộ mặt chính trị quốc tế. Hoa Kỳ đã từ bỏ chính sách vây chặn Cộng sản để bước sang đường lối thỏa hiệp hầu có thể đứng ra ngoài sự tranh chấp "ngao cò" (Trung Cộng và Nga Sô) thu vai ngư ông đắc lợi. Chính sách mới này của Hoa Kỳ có lý do của nó.

Trước hết chính sách của Mỹ áp dụng trong chính quyền từ Truman đến Johnson đã buộc Mỹ phải đóng vai trò cảnh sát quốc tế, bao sân chính trị thế giới.

Điều này đã trở nên lỗi thời đưa đến sự chống đối của dư luận quốc tế, điển hình nhất là việc triệu tập Hội nghị Versailles của 50 quốc gia trên thế giới tham dự trong hai ngày 11 và 12.2.1972 tại Pháp đã đòi Mỹ phải rút quân ra khỏi Đông Dương vô điều kiện, ngưng oanh tạc, rút mọi căn cứ ra khỏi vùng này và nhất là ngưng ủng hộ chính quyền Lon Nol và Nguyễn văn Thiệu.

Ngược lại nếu tình hình quốc ngoại không yên thì tại quốc nội Mỹ không lấy gì làm ổn. Việc bao vây chính trị tại Á Châu đã khiến cho Mỹ phải tốn kém rất nhiều về chi phí cũng như nhân lực, gây những khó khăn về kinh tế tài chính làm cho cán cân chi phí thiếu hụt, nạn lạm phát và thất nghiệp ngày một gia tăng. Để cứu vãn tình thế, trong năm 1971 Hoa Kỳ đã mạnh dạn tung ra những biện pháp cứng rắn như phong tỏa lương bổng và vật giá, ngưng việc đổi Mỹ kim lấy vàng. Điều này Hoa Kỳ đã đi trái với nguyên tắc kinh tế tự do của mình trong suốt 20 thế kỷ qua. Hơn thế nữa, vì áp lực phản chiến ngày một gia trọng tháng 6/1971 Quốc hội Mỹ đã cắt chiến phí tại Đông Dương từ 22 tỷ Mỹ kim xuống còn 8 tỷ Mỹ kim.

Sau hết là sự thay đổi chính sách Hoa Kỳ chính là cuộc xung đột ngày càng mãnh liệt giữa Nga và Trung Cộng. Cuộc xung đột khởi đầu từ những khác biệt về ý thức hệ (một đảng chủ trương bạo lực, một đảng chung sống hoà bình, lần lần lan sang các tranh chấp đất đai và quyền lợi (điển hình là các vụ tranh chấp tại Tây Bá Lợi Á, Tân Cương, Mãn Châu, Mong Cổ và việc Nga rút các chuyên viên kỹ thuật của họ tại Trung Cộng về nước năm 1960).

Đến khi Tổng Thống Nixon được đắc cử một kỹ nguyên thương thuyết bắt đầu (era of negotiation) bằng cách tháo gỡ những lời cam kết tại Âu Châu và Á Châu và đưa ra một chương trình triệt thoái hàng trăm ngàn lính Mỹ ra khỏi vùng này. Nhằm gây thêm hiểm khích sản có giữa Trung Cộng và Nga Sô.

Trong vụ chiến tranh Ấn Hồi 1971 Mỹ đã cố ý đẩy Ấn Độ và Đông Hồi vào vùng ảnh hưởng của Nga để Nga cũng có thêm hàng rào vây chặn Trung Cộng tại Á Châu. Điều này là lý do buộc Trung Cộng phải làm thân với Mỹ để phá vỡ ốc đảo vây chặn bởi Nga Sô.

2 - Đứng trước sự giải kết của Hoa Kỳ tại Âu và Á Châu Nga Sô với chính sách "giảm thiểu rủi ro và khai thác thời cơ" (Risk Reduction and Opportunity Exploitation) của Tổng bí thư Leonid Breznev từ năm 1965 Nga Sô đã tìm cách giới hạn đụng độ trực tiếp với Hoa Kỳ và vận động tìm cách giảm thiểu xung đột ở Đông Dương và Trung Đông song song với việc tăng cường quân sự, gây ảnh hưởng khắp nơi đặc biệt tại vùng Châu Á.

Tại Á Châu Nga tìm cách ve vãn và lôi kéo các quốc gia đệ tam bằng chính sách viện trợ, xâm nhập ảnh hưởng vào quốc gia thân Tây Phương qua các cuộc thăm viếng, ký hiệp ước thương mại hay thiết lập quan hệ ngoại giao (Mã Lai, Tân Gia Ba, Phi, Thái Lan). Về quân sự các hoạt động của Nga tại Đông Nam Á trong những năm gần đây đã là thành phần của chính sách tạo một vòng đai thế lực ôm trọn Á Châu lục địa bao quanh Trung Cộng. Ở phía Nam Nga tìm cách đặt ảnh hưởng ở A Phú Hãn, Hồi Quốc, Ấn Độ. Tại miền Bắc Trung Cộng Nga ký hiệp ước với Nhật để khai thác miền Tây Bá Lợi Á và xây cất các hải cảng tại vùng Viễn Đông. Việc tăng cường ảnh hưởng quân sự của Nga đã làm cho Trung Cộng thật sự e ngại, nhất là từ khi Nga tráng trợn đem quân sang Tiệp vào mùa thu năm 1968. Vụ đụng độ trên sông Ourssouri 1969 trong đó Nga đã đem Đại bác và chiến xa diệt tan hàng tiểu đoàn của Trung Cộng càng chứng minh những điều lo ngại đó.

Cuộc đàm phán biên giới hai nước từ cuối năm 1969 tại Bắc Kinh đã không đi tới đâu và gần đây nhất là việc dân quân của hai bên ở vùng biên giới Tân Cương đã được báo chí mô tả là vĩ đại nhất với hàng chục sư đoàn tham dự và sẵn sàng nghênh chiến với Trung Cộng.

3 - Đứng trước sự bao vây của Nga sô, Trung Cộng đã phải thay đổi chính sách ngoại giao của mình để phá vỡ thế cô lập sau hơn 22 năm triển miên trong cách mạng. Năm 1967 Trung Cộng còn tố cáo tổ chức Liên Hiệp quốc chỉ là "một tổ chức của các nước phản động do Mỹ kiểm soát" nhưng chưa đầy hai năm sau Bắc Kinh đã không dấu diếm ý định của mình muốn gia nhập tổ chức này một khi hết được Đài Loan ra ngoài. Nền ngoại giao được mở rộng và ngoại thương được tiếp nối theo đó, Bắc Kinh khởi đầu bằng những chương trình ngoại viện rộng lớn nhất từ xưa đến nay (thiết lập đường xe lửa từ Tanzania đến Zambia).

Chủ trương của Tổng Thống Nixon ngay từ khi nhậm chức đã đưa ra quan điểm rằng phải có sự tham gia của Trung Cộng trong việc dàn xếp bất cứ một giải pháp nào tại Á Châu. Vào đầu năm 1970 một cuộc tái thương thuyết Hoa Mỹ tại Varsovie, nhưng cuộc hành quân liên quân Việt Mỹ vào Kampuchea đã làm gián đoạn. Tiếp theo đó Hoa thịnh đôn đã có những hành động vượt vạ Hoa Lục bằng cách ra lệnh cho hạm đội thứ bảy ngừng tuần tiễu tại eo biển Đài Loan, đề nghị nối tiếp hội đàm với Bắc Kinh và sự tranh đấu dành ghế cho Trung Cộng tại Liên Hiệp Quốc. Cuối năm 1968 Thủ Tướng Chu Ân Lai tuyên bố "Nếu Mỹ rút khỏi Đài Loan, Trung Cộng sẽ liên lạc bình thường với Mỹ" và tại Hội nghị Cộng đảng thứ 9/1969 Trung Cộng chính thức chấm dứt cuộc cách mạng văn hoá mở đầu cho một khai nguyên mới theo đó tháng 11/1970 Mao Chủ Tịch đã bản tiếng "Trung Cộng và Mỹ có thể nói chuyện với nhau nhưng Mỹ phải tỏ ra nghiêm chỉnh khi muốn thương - thuyết" (1).

Ngày 15.7.1971 Thủ Tướng Chu Ân Lai đã nhân danh chính phủ Bắc Kinh ngỏ lời mời Tổng Thống Nixon sang viếng

(1) *Edgar Snow, loc. cit.*

thăm Hoa Lục sau chuyến đi bí mật của cố vấn Kissinger từ ngày 9 đến 11.7.71. Tiếp theo đó cuộc viếng thăm Hoa Lục diễn ra vào tháng 2/1972 được kết thúc bằng một thông cáo chung ký ngày 27.2.1972 để cụ thể hoá bang giao Hoa Mỹ sau 22 năm thù nghịch chính thức mở màn thế cờ tay ba trong thập niên 1965 - 1975.

4- Sau hết là sự chuyển hướng chính sách ngoại giao của Nhật Bản. Với chủ thuyết Nixon giải kết các lực lượng còn lại ở Á Châu và Âu Châu và người Mỹ có ý muốn Nhật Bản sẽ là một quốc gia thay thế vai trò của họ đứng ra lãnh đạo tái Á Châu, nhất là tại Đông Nam Á. Gần đây việc Nixon công du Hoa Lục và Nga số theo đó bản thông cáo chung giữa các đại cường đã mở mắt cho Nhật một lối nhìn mới và theo đó đưa ra một chính sách ngoại giao độc lập và tương xứng với quyền lợi Nhật. Đối với Trung Cộng, Nhật chủ trương tách rời chính trị và kinh tế. Nhưng Bắc Kinh cho rằng chủ trương chính sách đó không hợp lý và không chấp nhận được. Trung Cộng chỉ chấp nhận bang giao thương mại với Nhật khi Nhật phải thừa nhận ưu thế chính trị của mình đối với Đài Loan trước đã. Vì nhận thấy rằng vai trò Trung cộng trong tương lai rất quan trọng đối với sự mở rộng thị trường thương mại tại Á Châu. Hơn nữa dưới sự lãnh đạo của Thủ Tướng Eisaku Sato có thể ảnh hưởng bước tiến trong bang giao Hoa Nhật (Thủ tướng Chu Ân Lai ví Thủ Tướng Eisaku Sato như Hideki Tojo người đã ra lệnh tấn công vào Trân Châu Cảng 1941). Cuối cùng vì áp lực của giới tài phiệt Zaibatsu rất mạnh mẽ vào chính quyền Nhật. Thành thử Thủ Tướng Eisaku Sato đã phải từ chức để nhường lại cho người có khuynh hướng cấp tiến hơn là Tân Thủ Tướng Tanaka lên thế. Từ năm 1968 việc buôn bán Nhật và Trung Cộng sẽ gia tăng như mức độ thương mại Nhật và Nga Số (khoảng 2% tổng số mậu dịch của Nhật). Năm 1969 giao thương của Nhật - Trung Cộng lên tới con số 625 triệu Mỹ kim đến tháng 7/1970 đã ghi nhận lên tới 700 triệu Mỹ kim. Gần đây trong chuyến Hoa du Thủ Tướng Tanaka và Thủ Tướng Chu Ân Lai đã tiến một bước quan trọng trong nền bang giao của hai nước

cụ thể hoá bằng một thông cáo chung được ký kết ngày 29.9.1972.

Đối với Nga Sô, Nhật Bản có một mối liên hệ từ lâu. Ngày 28.1.1972 Nhật đã bán tiếng với Nga Sô sớm bình thường hoá bang giao Nhật - Nga. Ngày 22.2.1972 hội đàm Nhật Nga diễn ra và Nhật đã nhận lời mời mở mang kinh tế vùng Tây Bé Lợi Á, nhất là vùng mỏ dầu Tyumen, Nhật cung ứng cho Nga một tỷ Mỹ kim và đặt ống dẫn dầu dài 5.600 cây số tới Nakhodka. Điều này sẽ đem mối lợi cho Nhật nếu Mỹ giảm nhập cảng hàng Nhật và tránh mất một phần lớn thị trường Hoa Lục (Vì riêng số xuất cảng Tây Bé Lợi Á mỗi năm đem lại cho Nhật trên 600 triệu Mỹ kim.



ĐOẠN HAI.- QUAN NIỆM NGOẠI GIAO TRONG TƯƠNG LAI

Sau khi xét qua những biến chuyển chính sách của các siêu cường và các quốc gia đệ tam trong thập niên 1965-1975. Đây cũng là một đề tài suy gẫm cho đường hướng ngoại giao Việt Nam Cộng Hoà trong tương lai. Trước tiên để trình bày quan điểm của tác giả được rõ ràng, tác giả xin đưa ra những nguyên tắc căn bản cho quan niệm.

Nguyên tắc 1 : Dù nhên danh là chủ nghĩa gì, ý thức gì đi nữa, vẫn không quên chúng ta là người Việt-Nam.

Với nguyên tắc này nhấn mạnh rằng chúng ta đấu chiến đấu bất kỳ cho danh nghĩa nào, cho ý thức nào, nếu kẻ ngoại bang, dù đồng minh của chúng ta đi nữa, nếu xâm phạm đến chủ quyền và quốc thể của chúng ta, tôi xin nói rõ ràng chúng ta bất kỳ lúc nào cũng phải đứng lên bình vực cho kỳ được cái truyền thống dân tộc nghèo nàn của chúng ta. Hãy nhìn người Cộng sản anh em (Nga và Trung cộng) họ đã kết hợp với nhau trong một đảng phái quốc tế, ràng buộc nhau cùng một giáo điều, nhưng một khi va chạm đến quyền lợi họ vẫn đứng về phía dân tộc họ tranh đấu một mất một còn cho quê hương họ, huống hồ chúng ta một dân tộc nhỏ bé mà lại không biết hổ thẹn dám gồng mình tranh đấu cho những ý thức hệ hoa mỹ, rỗng tuếch, các lãnh tụ đáng kính của chúng ta có nhiều lúc quá hăng say vì nhiệm vụ, quá yêu nước thương nòi mà quên mình là người Việt Nam chạy theo bao ý thức suông chống Cộng cho đến nơi một Ngô đình Diệm nằm xuống âm thầm và còn biết bao nhiêu lãnh tụ khả kính của chúng ta ngay từ lúc tôi viết những dòng này vẫn còn hồ hào chiến thắng tới cùng, phải hoà bình trong sức mạnh, phải chiến đấu cho đến khi nào chỉ còn một người Cộng sản cuối cùng, đầu chỉ còn một người Việt Nam da vàng mũi tẹt hầu làm mất dạ đàn anh.

Quý vị có thể không đồng ý với tác giả rằng chúng ta phải có chính nghĩa chúng ta mới chiến đấu được chứ, chúng

ta phải có ý thức hệ chúng ta mới nhân danh trước thế giới được chứ. Đồng ý, tuy nhiên chính nghĩa, ý thức hệ không phải là một danh từ xuông mà các chính trị gia dùng nó để làm một chiêu bài hành động. Từ xưa người ta vì quá phân biệt những danh từ đó mà bỏ quên cái bổn phận thiêng liêng của một người dân sống trong một lãnh thổ của mình. Đó là bổn phận phải đem đến một chủ nghĩa cơm áo cho người dân hơn là giải thích những danh từ hoa mỹ và mỹ dân.

Trong suốt 25 năm qua người ta lạm dụng quá nhiều danh từ : chủ nghĩa Cộng Sản, Quốc Gia, dân tộc, dân chủ, ý thức tự do. Ôi chỉ là một rổ danh từ rỗng tuếch khi mà mỗi ngày người Việt Nam hai miền phải phơi thây trung bình trên hóc đá, mé dổi, dưới ao, trong thung lũng không biết bao nhiêu. Đó là chính nghĩa ư ! Chưa có một dân tộc rộ đại nào mà mù quáng say mê danh từ như dân tộc Việt Nam, cả miền Nam lẫn miền Bắc ngay từ bây giờ vẫn còn hô hào chém giết trong khi người Mỹ đã sống chung hoà bình với khối Cộng từ lâu.

Nguyên tắc 2. - Trước quốc tế, chúng ta phải cực lực tranh đấu cho quyền lợi dân Tộc Việt Nam trước đã.

"Nghĩa vụ quốc tế", "tình nghĩa Đồng minh" chỉ còn có ý nghĩa khi quyền lợi của đại cường phù hợp với quyền lợi của quốc gia nhược tiểu. Nếu không lập tức các quốc gia nhược tiểu sẽ bị hy sinh dầu có chung ý thức hệ. Trường hợp Hoa Kỳ hy sinh Đài Loan, Đại Hàn hoặc trường hợp Nga số tích cực ủng hộ Nasser, mặc dầu ông này trước kia nói tiếng chống và giết Cộng sản nhưng qua thời Sadate đã cực lực tố Nga khi Nga có ý đồ đi đôi với Mỹ và bỏ rơi Ai Cập. Trung Cộng giúp đỡ Tây Hồi (dù là chánh phủ quân phiệt thật sự) và chống lại Đông Hồi (dù chế độ này thực sự có tính cách nhân dân hơn). Bao sự kiện đó cũng đủ chứng minh rằng chúng ta cũng đừng quá tin vào ông bạn Đồng minh Hoa kỳ của chúng ta trong một ngày đẹp trời nào đó khi mà quyền lợi tại Đông Nam Á đã được chia phần xong xuôi, họ vẫn hy sinh mình như

thường mặc dù Tổng Thống Thiệu có hồ hê ủng hộ 100 lần Hoa Thịnh Đốn vẫn phớt lờ như không mà thôi. Nhớ lại thuở Tổng Thống Ngô đình Diệm bị Mỹ bỏ rơi khi ông này không chấp nhận điều kiện của Mỹ là đem quân vào miền Nam Việt Nam. Khi đó Ngô đình Diệm có ý định Trung lập hoá miền Nam nếu người Mỹ trở mặt nhưng không thành thì cách mạng bùng nổ. Và ở miền Nam Việt Nam có một thời chánh quyền bao thầu chống Cộng, si nói đến Cộng sản đều bị kết án, si tiếp xúc Cộng sản đều bị chụp mũ. Thiết nghĩ chánh quyền đã quá đặt nặng tính cách chống cộng đến nỗi người ta phải nghĩ rằng chỉ có chánh quyền mới có cái quyền chống Cộng và mù quáng đến nỗi chánh quyền quên luôn quyền lợi của dân tộc, tự ái dân tộc (vụ Thái khác Chuyên, Trần ngọc Châu).

Sau khi chúng ta đã chấp nhận hai nguyên tắc căn bản trên, sau đây chúng tôi trình bày quan điểm ngoại giao của mình trong đường hướng sắp tới. Với thể cò chính trị trong thập niên 1965 - 1975 một nhận xét thô thiển cho chúng tôi có ý niệm rằng hình như mọi đường hướng chính sách từ siêu cường cho tới quốc gia khối đệ tam đều có khuynh hướng về Hoa Lục và Nga Sô. Người ta không còn đứng bên bờ vực thẳm này để si và chống đối bên kia một cách hăng say nữa, các chủ nghĩa mà người Mỹ rêu rao là tự do dân chủ ngày nay không phải để đi bảo vệ cho đồng minh của họ mà nó bảo vệ lấy quyền lợi của chính dân tộc Mỹ trước đã. Thành thử các đường hướng mới, những mục tiêu mới cho tương lai không phải chúng ta phải dựa vào Hoa thịnh Đốn để hoạch định một lối đi cho mình như bao năm qua mà chúng ta phải tự vạch cho mình một đường hướng mới hầu có thể chen chân sống còn với thế giới.

Trong tương lai chế độ miền Nam sẽ thay đổi đôi chút với sự áp đặt một cơ chế mới do siêu cường quyết định, danh xưng "dân tộc tự quyết" chỉ là một cái bánh vẽ, một bình phong, người Mỹ đem ra phô bày trước Cộng sản hầu có thể đặt điều kiện và chia phần, làm gì có dân tộc tự quyết cho miền Nam, khi mà từ những đề nghị hoà bình, 5 đến 8 điểm phát - sinh từ Toà Bạch Cung, liên sau 24 giờ sau nó được chính Dinh Độc Lập công bố và lập lại.

Như vậy theo thiên ý của tác giả trong tương lai miền Nam Việt Nam sẽ phải chấp nhận thế Trung lập trong toàn bộ Trung lập Đông Nam Á. Vì chỉ có giải pháp này mới có thể hoá giải mọi lợi quyền của các siêu cường.

Trước hết với giải pháp này người Mỹ mới có thể thực hiện được sự giải kết quân sự tại vùng Đông Nam Á, theo đúng với chủ trương của chủ thuyết Nixon và chung sống hoà bình của các cường quốc (12 nguyên tắc sống chung hoà bình của Nga - Mỹ ký ngày 29.5.1972 và Thông cáo chung Hoa Mỹ ký ngày 27.2.1972).

Theo quan điểm ấy thì Đông Nam Á sẽ là vùng mở cửa cho tất cả mọi cường quốc, mọi trung tâm quyền lực. Sự mở cửa đó sẽ loại trừ bớt ảnh hưởng ưu thế của Hoa Kỳ vào vùng này và ngược lại sự có mặt của các cường quốc khác (Nga, Trung Cộng, Nhật, Pháp) sẽ có áp lực thế chân.

Thực vậy, trong hai chuyến công du Nga xô và Trung Cộng qua hai bản thông cáo chung, người ta nhận thấy Hoa - Kỳ luôn luôn hứa hẹn không làm bá chủ khu vực Á Châu và Thái Bình Dương và ngược lại sẽ phản đối bất cứ quốc gia nào nắm quyền chủ động tại đây.

Giải pháp Trung lập hoá Đông Nam Á phù hợp với Nga Xô vì cường quốc này cũng chỉ mong muốn có ảnh hưởng cùng với cường quốc khác tại vùng Đông Nam Á mà không muốn dành ưu thế.

Thật vậy, bởi quyền lợi của Nga không phải đặt tại vùng Á Châu mà là Âu Châu. Chính sách của Nga tại vùng Đông Nam Á vì chỉ nhằm tiêu diệt các ảnh hưởng để áp lực Hoa Kỳ phải nhượng bộ ở các vùng khác trên thế giới (Trung Đông, Bắc Linh...). Hơn nữa sự tăng cường thế lực quân sự tại vùng Đông Nam Á sẽ phát sinh những chi phí khổng lồ mà nền kinh tế Nga không đáp ứng. Nội việc viện trợ cho Bắc Việt trong những năm qua đã là gánh nặng cho Nga, khiến đời sống ở Nga cơ cực dân chúng bất mãn, thì nói gì Nga xô nhảy vào đăm

đương vai trò của người Mỹ tại Đông Nam Á. Sau rút chánh sách Nga tại vùng Đông Nam Á nhằm mục đích lợi dụng thời cơ, giảm thiểu rủi ro và nhất là tránh đụng độ trực tiếp với Mỹ. Sự tăng cường uy thế tại vùng này sẽ có lợi cho Nga, vừa làm Trung Cộng phải tranh đấu mạnh hơn để gây áp lực với Bắc Việt, một mặt sẽ tạo cơ hội cho Trung Cộng và Mỹ đụng độ tại đây.

Riêng Trung Cộng, giải pháp trên cũng là mục đích họ nhắm đến, vì nhờ thế họ thiết lập được một vùng trại độn tại đây để có thể bảo vệ an ninh lãnh thổ của họ, tránh sự vay chận của Hoa Kỳ, Nga sô và Nhật Bản về mọi mặt. Hơn nữa sự thay đổi chánh sách có lập và hiệu chiển để bước sang giai đoạn cởi mở và thân thiện, Trung Cộng sẽ hy vọng gạt được cảm tình các quốc gia ở vùng Đông Nam Á. Điển hình là việc giao thương lại một số quốc gia Đông Nam Á (không còn đã kích Miền Điện, viết thư cảm ơn Mã Lai Á và sự ủng hộ họ vào Liên Hiệp Quốc) và gần đây Trung Cộng thiết lập lại Toà Đại Sứ tại Lào. Ngoài ra nội tình kinh tế Trung - Cộng trong những năm sắp tới cần phải có những thị trường ngoại quốc để có thể đáp lại nhu cầu đòi hỏi của quốc gia trong tương lai. Thành thử Trung Cộng cần phải ảnh hưởng mạnh mẽ thế lực kinh tế mình vào vùng Đông Nam Á hầu thi đua với Nhật và Hoa Kỳ.

Về phía Bắc Việt với những thiệt hại quá đáng về nhân mạng, tài sản cộng với những bất lợi thời tiết, để điều các vụ oanh kích liên miên của Việt Mỹ và sự phong tỏa hải cảng sẽ đưa họ đến sự đồng ý với Hoa Kỳ về giải pháp này để tiết giảm bớt sự thiệt hại. Tuy nhiên chúng ta cũng đừng quá tự tin rằng Cộng Sản Bắc Việt có thể sẽ ảnh hưởng áp lực đàn anh của họ để đứng ra chịu chấp nhận một giải pháp nào mà hậu quả không có lợi cho họ, điểm này không phải vô lý, vì dù Bắc Việt lệ thuộc một phần lớn vào ngoại viện và vũ khí Nga lẫn Trung Cộng, nhưng cả hai cường quốc Cộng sản này còn đang ở trong vị thế xung đột với nhau, nên không nước nào đủ thế mạnh để đẩy Bắc Việt vào vùng ảnh hưởng của mình.

Tuy vậy dù không bắt buộc Bắc Việt phải thực sự chịu sự chi phối của mình, Nga lẫn Trung Cộng vẫn phải viện trợ chiến cụ và máy móc để chúng tỏ vai trò lãnh đạo của mình đối với đàn em, thật ra cả hai không dám công khai chủ hoà vì ngại mất tiếng toa rập với Mỹ. Hậu quả đưa đến tình trạng lưỡng phân phức tạp Bắc Việt vượt khỏi sự kiểm soát chi phối của bất cứ phe nào.

Để trở về với quan điểm một miền Nam trung lập trong toàn bộ trung lập Đông Nam Á thì lúc bấy giờ đường lối ngoại giao chính của miền Nam sẽ ra sao ?

Thật rất dễ hiểu khi đó chúng ta đứng trên thế Trung lập rồi từ đó có thể vạch rõ những đường lối lớn.

- 1)- Chấp nhận Cộng sản Bắc Việt hoạt động tại miền Nam dưới hình thức một đảng phái, từ bỏ võ trang tranh đấu trong vòng trật tự, ôn hoà và chấp nhận luật pháp.

Chúng ta chỉ chấp nhận cho Cộng Sản Bắc Việt hoạt động thôi chứ không phải chấp nhận Cộng Sản Tàu, Cộng Sản Nga, vì như chúng ta đã chấp nhận nguyên tắc căn bản ban đầu thì Cộng sản Bắc Việt và người quốc gia có một điểm chung : đó là người Việt Nam. Như vậy sự hoạt động của Cộng Sản Bắc Việt dù nhân danh gì như tôi đã nói, chỉ cốt sao đem lợi đến cho dân tộc Việt trước tiên, thứ đến mới tới đảng phái của mình.

- 2)- Bang giao với tất cả mọi quốc gia, kể cả Trung Cộng và Nga Sô nếu sự bang giao đem về cho chúng ta quyền lợi cho dân tộc.

Điểm này rất quan trọng, trong bao nhiêu năm qua chúng ta chỉ đứng thế bên này để nhìn qua bức màn sắt với tất cả những thù hằn mà chúng ta không biết ôm ấp tự bao giờ ?

Ngày nay Nhật Bản, Nam Dương, Thái Lan đã chuyển hướng chính sách đối ngoại của họ. Nhất là gần đây sự rục rịch thống nhất giữa Nam và Bắc Hàn đã là gương sáng cho những quốc gia còn bị chia cắt. Như vậy người ta đã nhận thấy các quốc gia trong khối đệ tam cũng như những quốc gia đứng hẳn trong khối tự do lần lần có những mối liên hệ với khối Cộng (Thông cáo chung của Nhật - Trung Cộng ký ngày 29.9.72 sự liên hệ bình thường với Hoa Lục của các quốc gia, Ai Lao, Mã, Thái Lan).

Do đó trong tương lai chính sách miền Nam bắt buộc phải theo một chiều hướng mới, sự mở cửa ngoại giao thân thiện của hai nước Cộng Sản không lẽ là một bước tiến quan trọng trong hậu trường chính trị tại miền Nam, nhưng phải coi chừng vì chúng ta chưa có khả năng kinh tế, cũng như ổn định về cơ chế chính trị không vững thì không nên thực hiện. Tuy nhiên nếu ta đủ thực lực để có thể ngoại giao chúng ta chẳng những nhận viện trợ tái thiết về phía Tự do mà còn về phía Cộng sản nữa.

3)- Kêu gọi các quốc gia có trách nhiệm trong cuộc chiến phải đứng ra bảo đảm sự an ninh toàn vùng Đông Nam Á và tái thiết cho vùng này trong lãnh vực xã hội cũng như kinh tế. Chúng ta kêu gọi các siêu cường Hoa Kỳ, Trung Cộng, Nga Sô đứng ra bảo đảm thế Trung lập cho vùng này và đòi hỏi họ tái thiết lại mọi đở vờ mà họ đã gây ra trong những năm thực thi chính sách chiến tranh trực nghiệm và hạn chế của họ.

- Khả năng thành công của giải pháp :

1)- Bảo đảm chắc chắn một nền hoà bình cho Nam Việt Nam.-

Như chúng tôi đã phân tích trên một khi giải pháp Trung lập Đông Nam Á được dàn xếp áp đặt cho miền Nam, điều chắc chắn là các cường quốc phải đứng ra ký kết một thỏa ước để bảo đảm sự an ninh tại vùng này, như vậy trong tương lai miền Nam Việt Nam có thể hoà bình trong tư thế đó ít nhất

một khoảng thời gian năm hoặc mười năm. Trong khoảng thời gian đó, cơ chế miền Nam đã vững, nếu áp lực đảng nào mạnh nhất tại miền Nam, đảng đó sẽ nắm chính quyền, nếu không tài phiệt ngoại quốc sẽ đưa người lên khuyh loát.

2)- Có thể đưa đến thống nhất Việt Nam.-

Trong tương lai Nam Việt Nam, trong giai đoạn đầu, có thể có những mối liên hệ bình thường với miền Bắc qua tổ chức quốc tế (Hồng Thập Tự) hoặc đảng phái miền Nam. Tuy nhiên để tiến đến thống nhất thiết nghĩ vẫn còn xa, vì đó là nguyện vọng thầm kín của 32 triệu dân Việt.

Sự rục rịch thống nhất của Nam Bắc Hận trong khoảng gần đây cũng là một giai đoạn chuyển hướng của lịch sử ngoại giao và đó cũng là một vấn đề để ý thức lại quen niệm cho các giới chức có trách nhiệm tại miền Nam Việt Nam.

Tóm lại trong thế cờ trung lập tương lai của miền Nam Việt Nam cần phải tranh đấu hơn nữa với trọng trách tái thiết xứ sở và hoà mình vào những khuynh hướng mới hầu giữ vững hoà bình cho mình. Tuy nhiên tác giả ước ao rằng miền Nam nếu khôn khéo có thể dần xếp với miền Bắc trong tư thế dân tộc, trong một tương lai gần để dân tộc chúng ta có một mối liên hệ bình thường trở lại, nếu đi xa hơn nữa có thể đưa đến sự thống nhất đất nước, vì chỉ có thế 32 triệu dân Việt mới thoát khỏi ách diệt chủng mà thôi. Lúc bấy giờ tôi tin chắc rằng người Cộng Sản Bắc Việt sẽ không còn hồ hào đứng ra chống Mỹ nguy và đế quốc nào nữa cả.



kết luận

Tóm lại, từ căn bản một quốc gia đứng trong hàng ngũ thế giới tự do và từ xem mình như là đại diện chính thống cho toàn thể nhân dân Việt Nam cũng như dựa trên nguyên tắc lớn, mục tiêu chính và đường lối lớn mà chính sách Việt Nam Cộng Hòa đã đề ra.

Song song với chính sách, việc ngoại giao lại càng quan trọng hơn. Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đã chứng tỏ có uyên chuyên và mêm đẹo trong công việc áp dụng từng quốc gia nhiệm sở đề "thêm bạn bớt thù" và "cũng có sự hiện diện khắp nơi". Ngoài ra trong hai năm qua việc tìm kiếm một giải pháp hòa bình cho miền Nam là một vấn đề ưu tư và thắc mắc lớn cho giới lãnh đạo miền Nam theo đó hai bên đã đưa ra những đề nghị nhằm chấm dứt chiến cuộc tại hòa hội Ba lê. Những thế giới đã tỏ ra thất vọng vì lập trường hai bên vẫn còn quá xa. Tuy vậy, trong thời gian gần đây, cuộc mật đàm giữa cố vấn Kissinger và Nguyễn hữu Thọ cũng như chuyên ghé thăm bất thân của tướng Haig tại Dinh Độc Lập đã cho chúng ta có quyền hy vọng hòa bình sẽ đến trong nay mai.

Niềm hy vọng của mỗi người là thấy một nền hòa bình theo "ý muốn chung" của nhân dân miền Nam, tuy nhiên, thế cờ chính trị trong thập niên 1965 - 1975, sự chuyển hướng chính sách đối ngoại của các siêu cường cùng các quốc gia trong khối để tam đã cho ta thấy rằng nguyên tắc "dân tộc tự quyết" cũng những đủ kiên "đi đêm" của Kissinger,

các chuyến "công du Nga Tàu của Tổng Thống Nixon đã đem đến nỗi lo âu của nhân dân miền Nam. Sự quyết định tối hậu về vận mạng dân tộc Việt Nam sẽ không còn nằm trong tay hai miền Nam, Bắc mà nó nằm tại Hoa Thịnh Đốn, Điện Cẩm Linh và Bắc Kinh.

Do đó nếu hòa bình có trở lại cho miền Nam này, chúng ta vẫn phải còn tranh đấu hơn nữa trong công cuộc phát triển kinh tế, cũng như về tìm kiếm tự thế riêng hầu có thể ăn nói trước quốc tế. Muốn như vậy, miền Nam phải có một đường lối, một chính sách riêng, phải vạch đúng những chương trình tự túc, phát triển cũng như phát động những cuộc cách mạng về văn hóa, kỹ nghệ hầu có thể trường thành cũng các quốc gia bạn được. Muốn như vậy chúng ta cần phải chủ trương gia nhập vào các tổ chức quốc tế có uy tín, hợp tác và hội nhập kinh tế cũng như phát triển đồng đều về phương diện kỹ thuật, giáo dục và văn hóa.

Hơn thế nữa, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa còn phải kêu gọi các quốc gia có trách nhiệm tại chiến trường miền Nam Việt Nam để tái thiết lại và trang bị cho miền Nam những cơ sở kỹ nghệ hầu có thể hy vọng kỹ nghệ cất cánh.

Điểm quan trọng là vấn đề thống nhất, đây là niềm hy vọng thâm kín nhất của nhân dân hai miền. Rất tiếc rằng trong những năm qua, người Việt Nam không tự nắm lấy chủ quyền của mình mà phải nhờ vào thế lực ngoại bang quá nhiều đến nỗi sự quyết định vận mạng dân tộc không còn trong tay người dân Việt. Nếu một mai hòa bình có thể trở lại. Chúng tôi thiết nghĩ rằng cuộc chiến tranh ý thức hệ này đã mở "bùng mắt" cho các giới lãnh đạo hai miền, sự thay đổi cục diện chính trị quốc tế sẽ đem lại những quan niệm mới, những hợp tác và bang giao giữa hai khối Cộng Sản và Tự do (Tây Đức bang giao với Nga, việc thống nhất Nam Bắc Hàn, Nhật bang giao Trung Cộng). Điều này hy vọng rằng, các giới lãnh

đạo hai miền sẽ có những quan diêm xích lại gần nhau, và trong tương lai chúng ta có thể hy vọng đất nước phân - ly này sẽ được nối lại những liên hệ bình thường mà suốt 25 năm chia cắt và hận thù.

Kết luận, chúng ta không mong mỏi gì hơn chính sách đối ngoại Việt Nam Cộng Hòa sẽ sửa đổi đôi chút để thích - hợp với hiện trạng, hòa bình sẽ trở về trên quê hương này và công việc phát triển kỹ nghệ và kinh tế, sẽ được lưu - tâm cũng như hy vọng thống nhất giữa hai miền Nam, Bắc sẽ là hy vọng to lớn nhất của 32 triệu dân Việt, vì chỉ có thống nhất mới có cơ thoát khỏi ách diệt chủng mà thôi.



THƯ TỊCH

*

SÁCH:-

- * TRẦN VĂN AN, "Việt Nam trước thời cuộc chuyên hướng"
Saigòn : đổi mới, 1971.
- * TRẦN VĂN AN, "Việt Nam trước sự đòi hỏi của Cộng Sản"
Saigòn : đổi mới, 1972.
- * TRẦN VĂN LÂM, "What solution of peace for VN",
Pacific community, Oct. 1971.
- * NGUYỄN MẠNH HÙNG, "Bang giao quốc tế", Saigòn : Hội
Nghiên Cứu Hành Chánh, 1971.
- * NGUYỄN MẠNH HÙNG, "Chính sách ngoại giao Đông Nam Á"
Saigòn : CN/CP, 1971.
- * LÊ PHAN LONG, "Tóm kết những thành quả của Bộ Ngoại
giáo Việt Nam Cộng Hoà" Saigòn : Tự cường, 1972.
- * NGUYỄN THIÊN BÌNH, "Cộng Sản Việt Nam và vấn đề ngoại
văn", Saigòn : Hội Nghiên Cứu Hành chánh, 1971.
- * TRẦN VĂN TUYẾN, "Vấn đề Trung Lập Đông Nam Á", Saigòn :
Tự quyết, 1972.
- * NGUYỄN DUY HÌNH, "Việt Nam và vấn đề hợp tác tại Á
Châu tự do" Saigòn : Tập san Quốc phòng, 1970.

THUYẾT TRÌNH:-

- * HÀ THẾ RUYỆT, "Chính sách ngoại giao Việt Nam Cộng Hòa",
Saigòn : Cao học 4 Hành Chánh, 1970.

- * TRẦN HOÀNH SƠN, "Chính sách ngoại giao Việt Nam Cộng Hòa" Saigon : Cao học 6 Hành chánh, 1972.
- * TRẦN VĂN LẮM, "Chính sách ngoại giao Việt Nam Cộng Hòa", Saigon : Cao đẳng Quốc phòng, 1970.
- * TRẦN VĂN LẮM, "Đường hướng và chính sách ngoại giao Việt Nam Cộng Hòa trong 5 năm sắp tới" Saigon : Cao đẳng Quốc phòng, 1971.

ẤN PHẨM CỦA CHÍNH PHỦ.-

- * Việt Nam Cộng Hòa, "Chính sách ngoại giao của VNCH" Saigon : Bộ Ngoại giao, Gió Việt, 1970.
- * VNCH, "Hoạt động Ngoại giao 1969-1970" Saigon : Bộ ngoại giao, số đặc biệt, 1970.
- * VNCH, "Hoạt động Ngoại giao trong năm 1971" Saigon : Bộ ngoại giao, Ngoại giao kỷ yếu, 1972.
- * VNCH, "Vấn đề tù binh" Saigon : Bộ Ngoại giao, Ngoại giao kỷ yếu, tháng 7.1971.
- * VNCH, "Các giải pháp chính trị nhằm chấm dứt chiến cuộc VN", Saigon : Bộ ngoại giao, Ngoại giao kỷ yếu, tháng 4 1971.

BÁO CHÍ XUẤT BẢN ĐỊNH KỲ.-

- * Hối Diên, Tím hiệu, cấp tiến, Foreign affairs, Nghiên cứu Hành chánh, Tập san Quốc phòng, Phát triển xã hội.
- * Chính Luận, Quốc Nhà Nam.

LUẬN VĂN.-

- * LÊ DUY THÔNG, "Vấn đề văn hóa hòa bình VN", Luận văn Cao học 6, Saigon : HVQGHC, 1972.
- * TRẦN THANH SƠN, "Hỏa đấm Ba Lê và đường lối điều khiển chiến tranh", Luận văn CH₄, Saigon : HVQGHC, 1970.
- * NGUYỄN VĂN HOA, "Chính sách Hoa Kỳ tại VN", Luận văn CH₄, Saigon : HVQGHC, 1970.